



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - Số 651 / Kỳ I - 8/2023



THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC
CHO VIỆT NAM



BÀI TOÁN GIÁO DỤC HƯỚNG ĐẾN
XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM
PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN



KINH TẾ THẾ GIỚI VẬT LỘN
VỚI NHỮNG “CƠN GIÓ NGƯỢC”



THÁI NGUYÊN
KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN, TỰ TIN HỘI NHẬP
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÁI NGUYÊN: PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG, CHẮP CÁNH CHO KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN



Đồng chí Nguyễn Thanh Hải, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên kiểm tra Dự án Đường vành đai 5 đoạn từ cầu Xuân Phương đến Quốc lộ 37 thuộc địa bàn huyện Phú Bình

Ông Ngô Mạnh Cường, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên cho biết: Việc từng bước hoàn thiện đầu tư các tuyến đường giao thông huyết mạch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên sẽ tạo bước đột phá để thu hút đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Thái Nguyên với lợi thế là tỉnh liền kề vùng Thủ đô Hà Nội.

Với mục tiêu đến năm 2030 sẽ “Xây dựng Thái Nguyên trở thành một trong những trung tâm kinh tế công nghiệp hiện đại của Khu vực trung du, miền núi phía Bắc và vùng Thủ đô Hà Nội”, những năm qua, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên (Ban QLDA) đã không ngừng nỗ lực đẩy mạnh triển khai các dự án nhằm xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông vận tải của tỉnh. Đến nay, bức tranh toàn cảnh về giao thông vận tải Thái Nguyên đã trở nên đồng bộ, từng bước hiện đại và trở thành lợi thế thu hút nhà đầu tư.

Trong năm 2022, Ban QLDA đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch vốn năm 2022 phù hợp với tiến độ thực hiện giải ngân

của các dự án. Xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết cho từng dự án đảm bảo việc giải ngân kế hoạch vốn kịp thời, có hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện thanh, quyết toán, đảm bảo theo khối lượng thi công hoàn thành và tiến độ giải phóng mặt bằng...

Ban QLDA đã tiếp tục triển khai thực hiện 06 dự án chuyển tiếp từ các năm trước, trong đó đã hoàn thành bàn giao 5 dự án, đó là: Dự án Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà; Dự án nâng cấp đường Hóa Thượng - Hòa Bình; Dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT.266 đoạn từ ngã tư Sông Công đến ngã tư Điểm Thụy; Dự án cải tạo, nâng cấp đường ĐT.261 đoạn Km1-Km20; Dự án đường Vành đai V Vùng thủ đô Hà Nội. Ban QLDA tiếp tục triển khai khởi công mới dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên - Bắc Giang - Vĩnh Phúc, đây là dự án trọng điểm của tỉnh với tổng mức đầu tư gần 4 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, thực hiện bước chuẩn bị đầu tư 06 dự án mới với tổng mức đầu tư hơn 2,6 nghìn tỷ đồng. Về công tác giải phóng mặt bằng, Ban QLDA đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án đang triển khai. Đối với dự án đường liên kết, kết nối liên tỉnh trọng điểm, đã thành lập Ban điều hành dự án nhằm kịp thời giải quyết các vướng mắc

phát sinh trong quá trình triển khai, nhất là vấn đề liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng.

Có thể nói, tính chủ động, tích cực của Ban QLDA tỉnh Thái Nguyên trong hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông đã được thấy rõ trong công tác quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông trong quy hoạch chung của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, Thái Nguyên là địa phương thứ 5 trong cả nước được Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh. Để đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt, Thái Nguyên cần một nguồn lực rất lớn vốn đầu tư, trong đó có nội dung kêu gọi, thu hút vốn tư nhân, nhất là triển khai dự án theo hình thức hợp tác công - tư (PPP) để khơi thông nguồn lực, gỡ “nút thắt về vốn” trong phát triển kết cấu hạ tầng. Trong thời gian tới, Thái Nguyên cần đẩy mạnh cơ chế phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho các địa phương về đầu tư phát triển hạ tầng giao thông vận tải, trong đó, phát huy vai trò quan trọng của Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh. Đây cũng chính là 1 trong 5 giải pháp đột phá được Bộ Giao thông Vận tải xác định trong thực hiện hiệu quả Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./

P.V



Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc sau khi hoàn thành được kỳ vọng là điểm nhấn quan trọng về giao thông tỉnh Thái Nguyên

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ SƠ KẾT CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

Chiều ngày 21/7/2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đã tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. Hội nghị diễn ra dưới hình thức trực tiếp và trực tuyến với sự chủ trì của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng. Tham dự Hội nghị tại điểm cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư có lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ. Hội nghị được trực tuyến đến điểm cầu các đơn vị thuộc Bộ và UBND 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cả nước.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng cho biết, năm 2023 là năm có nhiều khó khăn, bối cảnh tình hình kinh tế thế giới chưa bao giờ phức tạp như hiện nay và dự báo tiếp tục biến động nhanh và khó lường. Bên cạnh đó, xung đột giữa các nước, tăng trưởng thấp, lạm phát cao, đầu tư thương mại giảm, chính sách tiền tệ thắt chặt, bảo hộ gia tăng... đã tác động đến kinh tế - xã hội của Việt Nam. Trong nước đối mặt với nhiều khó khăn, như thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, xuất nhập khẩu giảm, đơn hàng giảm, thu hút đầu tư khó khăn; hệ thống pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là quy định chưa rõ, chồng chéo dẫn đến rào cản cho doanh nghiệp, cho nền kinh tế...

Trong bối cảnh khó khăn đó, kết quả kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm của nước ta đạt được rất đáng khích lệ. Đạt được những kết quả đó là nhờ sự nỗ lực của hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự đồng hành, ủng hộ, giám sát chặt chẽ của Quốc hội; sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tập trung xử lý khó khăn, vướng mắc,



Bộ trưởng Bộ KH&ĐT Nguyễn Chí Dũng phát biểu tại Hội nghị

hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp, người lao động, bảo đảm an sinh xã hội...

Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng khẳng định, Hội nghị là cơ hội để đánh giá những kết quả đạt được, chưa đạt được trong 6 tháng đầu năm 2023; những thách thức, hạn chế hiện nay. Qua đó, Bộ trưởng đề nghị các chuyên gia, lãnh đạo các địa phương, Bộ, ngành, các đại biểu tham dự Hội nghị cùng thảo luận, trả lời và đưa ra giải pháp cho ba câu hỏi để thực hiện các mục tiêu trong 6 tháng cuối năm: Một là, khó khăn thách thức chủ yếu của nền kinh tế và doanh nghiệp là gì; Hai là, phản ứng chính sách thích ứng với tình hình thế giới là gì; Ba là, đâu là động lực, đột phá cho tăng trưởng hiện nay và các chính sách nào để thúc đẩy tăng trưởng cả trong ngắn hạn, trung và dài hạn.

Báo cáo công tác chỉ đạo điều hành 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, do đồng chí Bùi Anh Tuấn - Chánh Văn phòng Bộ trình bày nêu rõ, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ

được giao, đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2023, Bộ được giao nhiều đề án lớn, quan trọng. Các đề án, báo cáo, kiến nghị tham mưu của Bộ đều nhất quán quan điểm đổi mới của Đảng và Nhà nước, luôn lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm ưu tiên phục vụ, tập trung tháo gỡ khó khăn, khuyến khích đổi mới khởi nghiệp, sáng tạo nhằm tận dụng tối đa các cơ hội phát triển của đất nước; phần lớn các đề án, phương án, kiến nghị của Bộ đã được cấp có thẩm quyền thông qua. Bộ đã theo dõi sát sao và thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để kịp thời đề xuất các giải pháp tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội; đã tập trung, ưu tiên xây dựng, hoàn thiện thể chế, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung những văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời nghiên cứu, theo dõi, đánh giá và dự báo sát tình hình, từ đó tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Bộ đã triển khai

quyết liệt, điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2023, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và đổi mới sáng tạo...

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Bộ cũng đã quyết liệt giải quyết các kiến nghị, đề xuất của địa phương, bộ, ngành. Mặc dù là một trong những Bộ nhận được số lượng kiến nghị, đề xuất nhiều nhất, song tỷ lệ giải quyết của Bộ cũng thuộc nhóm có tỷ lệ cao nhất (tính đến ngày 10/7/2023, Bộ đã hoàn tất xử lý 166/177 kiến nghị, đạt 94%). Với kết quả đó, tại văn bản số 622/TTg-TH ngày 05/7/2023, Thủ tướng Chính phủ ghi nhận và đánh giá cao Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã quyết liệt, nỗ lực, cố gắng trong rà soát, giải quyết, hướng dẫn, trả lời các kiến nghị, đề xuất được gửi đến; từng bước tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, góp phần thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bộ, ngành và cả nước.

Tại Hội nghị, các đại biểu cũng được nghe đồng chí Nguyễn Đức Tâm - Vụ trưởng Vụ Tổng hợp Kinh tế quốc dân báo cáo về việc Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công năm 2024; đồng chí Trần Hào Hùng - Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu trình bày những nội dung cơ bản của Luật Đấu thầu (sửa đổi) và Luật Hợp tác xã (Sửa đổi) năm 2023, qua đó chỉ ra những điểm mới ở 2 Luật này.

Các đại biểu đến từ các Bộ, ngành, địa phương, các chuyên gia đã tập trung thảo luận, đánh giá tình hình, những kết quả đạt được, nhất là thảo luận về những câu hỏi của Bộ trưởng đã đặt ra; chia sẻ bài học kinh nghiệm, phân tích những tồn tại, vướng mắc, cũng như đề xuất giải pháp đột phá thời gian tới.

Kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng biểu dương sự nỗ lực, quyết tâm, trách nhiệm cao

của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của toàn ngành KH&ĐT, Bộ KH&ĐT. Đồng thời cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả của các Bộ, ngành, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ của Bộ trong thời gian qua. Thông qua Hội nghị, Bộ trưởng đưa ra các vấn đề, cùng các giải pháp để ngành KH&ĐT tiếp tục nỗ lực cố gắng thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong 6 tháng cuối năm 2023 và những năm sau.

Cụ thể, Bộ trưởng yêu cầu toàn thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành KH&ĐT: *Một là*, cần kế thừa phát huy các thành tựu của Ngành, đoàn kết thống nhất trong tập thể lãnh đạo, toàn thể cán bộ công chức, viên chức và người lao động, qua đó tạo nên sự đồng thuận, thống nhất, tạo nên sức mạnh. *Hai là*, phát huy tinh thần, bản lĩnh trí tuệ, trách nhiệm đổi mới trong tư duy, cách nghĩ cách làm sáng tạo, dám nghĩ dám làm, cải cách trong từng công việc được giao dù là nhỏ nhất để tiếp tục duy trì vai trò tiên phong, đi đầu trong tham mưu và cải cách phát triển đất nước; ngành KH&ĐT cần phải luôn luôn chủ động, sẵn sàng nắm bắt cơ hội phát triển. *Ba là*, kịp thời nắm bắt, xử lý các kiến nghị, đề xuất, vướng mắc của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trên tinh thần hỗ trợ, tháo gỡ tối đa với các dự án đầu tư của doanh nghiệp. *Bốn là*, nâng cao tinh thần trách nhiệm, nhận thức vào các quyết định trong những sự kiện quốc gia. *Năm là*, thường xuyên đổi mới cải cách để đáp ứng yêu cầu, kỳ vọng của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; cải cách và đổi mới mạnh mẽ hơn nữa để đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao. *Sáu là*, tăng cường và nâng cao chất lượng phối hợp giữa các đơn vị trong toàn ngành, với các bộ ngành, địa phương; các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ để đảm bảo thông tin 2 chiều, kịp thời, nhanh chóng, chính xác, hiệu quả; tăng cường liên kết giữa cục, vụ với các đơn vị có chức năng nghiên cứu, dự báo, thống kê.

Theo đó, các nhiệm vụ chính toàn ngành cần nỗ lực thực hiện trong thời gian tới đó là:

Thứ nhất, kịp thời tham mưu và đề xuất những giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng, gắn với kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, và các thách thức lớn; chủ động tham mưu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 cũng như các giải pháp trọng tâm trong 2 năm còn lại của giai đoạn 2021-2025.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, quy định pháp luật nhất là trong ngành KH&ĐT trong tầm nhìn dài hạn, đổi mới, tiên phong với sự phát triển chung của cả nước.

Thứ ba, tăng cường huy động và phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân, FDI vào phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công vào chương trình phục hồi, chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy mạnh chế độ lập công tác và quy hoạch.

Thứ tư, xây dựng kế hoạch cho năm 2024; báo cáo giữa kỳ kế hoạch 5 năm 2021-2025; kế hoạch đầu tư công, cơ cấu nền kinh tế; các bộ ngành, địa phương tập trung vào hướng dẫn của Bộ KH&ĐT để triển khai thực hiện.

Thứ năm, bám sát các khó khăn vướng mắc để kịp thời tham mưu đề xuất các giải pháp hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, kinh tế số, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn...

Thứ sáu, các đơn vị khẩn trương hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng và tiến độ, không được "giữ bóng ở trong chân", chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý, đẩy nhanh tiến độ các công việc được giao; trường hợp có vướng mắc phải báo cáo ngay với lãnh đạo Bộ, Thủ tướng Chính phủ; các đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp với lãnh đạo Bộ và Bộ trưởng về yêu cầu và chất lượng triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao của đơn vị mình./.

Thu Hiền

TỔNG CỤC THỐNG KÊ TỔ CHỨC HỘI THẢO ĐỀ XUẤT PHƯƠNG PHÁP ĐO LƯỜNG KINH TẾ SỐ Ở VIỆT NAM

Chiều ngày 31/7/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo “Đề xuất phương pháp đo lường Kinh tế số ở Việt Nam”. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu; lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị liên quan thuộc, trực thuộc cơ quan TCTK. Buổi Hội thảo được kết nối trực tuyến tới 2 trường Cao đẳng Thống kê và chuyên gia trong nước, Tiến sỹ Bùi Trinh.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, Kinh tế số là chỉ tiêu quan trọng và đã được đưa vào Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Đây là chỉ tiêu khó để đo lường và hiện vẫn chưa có một hướng dẫn cụ thể nào của Thống kê Liên Hợp quốc về việc tính chỉ tiêu này để áp dụng thống nhất trên toàn thế giới. Dựa vào khung lý luận ban đầu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), các nước G20 và thực tiễn khảo sát trực tiếp, trực tuyến, qua các buổi trao đổi với các chuyên gia trong và ngoài nước, Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia (TKQG)

đã nỗ lực nghiên cứu để đưa ra các nội dung về chỉ tiêu Kinh tế số. Theo kế hoạch, trong năm nay, Tổng cục Thống kê sẽ công bố kết quả tính toán chỉ tiêu Kinh tế số trong nền kinh tế quốc dân.

Để Hội thảo đạt hiệu quả, Tổng cục trưởng đề nghị các Vụ, các đơn vị tập trung góp ý chi tiết về phương pháp luận, phạm vi, cách tính, cách sử dụng nguồn dữ liệu, kết quả ban đầu và mong được nghe những ý kiến đóng góp từ chuyên gia nhằm có được phương pháp tính toán chỉ tiêu Kinh tế số sát thực tế.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã được nghe đại diện vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia trình bày Đề xuất phương pháp đo lường Kinh tế số ở Việt Nam và Kết quả tính toán thử nghiệm Kinh tế số của Việt Nam. Phần trình bày đã giới thiệu về kinh tế số và đo lường kinh tế số quốc tế; Cơ sở pháp lý về kinh tế số ở Việt Nam và các hướng tiếp cận; Kết quả thử nghiệm đóng góp giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP, GRDP.

Qua Hội thảo, một số giải pháp hoàn thiện đo lường Kinh tế số được đặt ra, đó là: (1) Nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò Kinh tế số trong nền kinh tế.

(2) Hoàn thiện nguồn thông tin đầu vào để đo lường các chỉ tiêu Kinh tế số, đặc biệt là chỉ tiêu “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước và tổng sản phẩm trên địa bàn”. (3) Tăng cường sự hợp tác, phối hợp giữa Tổng cục Thống kê với Bộ, ngành, địa phương.

Cũng tại Hội thảo, Tiến sỹ Bùi Trinh đã có những ý kiến đóng góp xác đáng từ phương pháp tính, chi tiết công thức tính cho đến chỉnh sửa các thuật ngữ, từ ngữ sử dụng sao cho chặt chẽ, khoa học... Bên cạnh ý kiến của Tiến sỹ Bùi Trinh, các đại biểu tham dự trực tiếp và trực tuyến tại Hội thảo cũng bày tỏ sự nhất trí và ghi nhận sự nỗ lực của Vụ TKQG đối với các nội dung về phương pháp đo lường Kinh tế số; và có những ý kiến đóng góp hữu ích về phạm vi, phương pháp tính, nguồn thông tin...

Kết luận tại Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao nỗ lực của Vụ Hệ thống TKQG trước một chủ đề mới, đòi hỏi kiến thức chuyên ngành chuyên sâu. Để thực hiện đúng lộ trình công bố chỉ tiêu Kinh tế số trong năm nay, một số nhiệm vụ đơn vị soạn thảo cần lưu ý, đó là: Bổ sung tài liệu tham khảo nghiên cứu trong nước và quốc tế nhằm cập nhật đầy đủ phần tổng quan nghiên cứu; Làm rõ cơ sở lý luận, củng cố đề xuất phương pháp tính chỉ tiêu Kinh tế số; Làm rõ nguồn thông tin và phối hợp với Bộ thông tin và Truyền thông nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong cách tính; Rà soát, tính toán kết quả, chuẩn hóa, rà lại từ ngữ, phương pháp luận; Bổ sung nhanh các phân tích theo ngành, có nhận định, đánh giá rút ra từ kết quả tính toán, giới hạn phạm vi... Đặc biệt, Vụ chủ trì cần sớm có kế hoạch cụ thể hoàn thiện báo cáo, tổ chức hội thảo tham vấn mở rộng chuyên gia từ các Bộ, ngành, Viện nghiên cứu, Trường đại học... nhằm sớm hoàn thiện, công bố chỉ tiêu Kinh tế số theo đúng lộ trình./

Thu Hiền

Tại Việt Nam, cơ sở pháp lý về Kinh tế số ngày càng được Đảng và Nhà nước chú trọng và củng cố. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, đặt mục tiêu tới năm 2030, kinh tế số chiếm khoảng 30% GDP; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra đến năm 2025, kinh tế số phải đạt khoảng 20% GDP và đạt khoảng 30% GDP vào năm 2030. Để phục vụ đo lường nền kinh tế số, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT quy định Hệ thống chỉ tiêu kinh tế số gồm 50 chỉ tiêu, trong đó có chỉ tiêu “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước”. Đây là chỉ tiêu được quy định trong Luật sửa đổi bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu Thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021; và ngày 07/11/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 94/2022/NĐ-CP quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ HỌP LẦN THỨ NHẤT BAN CHỈ ĐẠO CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG NGUỒN TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI NĂM 2023

Thực hiện kế hoạch công tác năm 2023, chiều ngày 26/7/2023, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo các chương trình, dự án có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài của Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp lần thứ nhất Ban chỉ đạo các chương trình, dự án có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài năm 2023 để rà soát, đánh giá hoạt động của các chương trình, dự án, hỗ trợ kỹ thuật 6 tháng đầu năm và thống nhất kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2023. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chỉ đạo cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu; Thủ trưởng các đơn vị hành chính thuộc TCTK, Giám đốc các dự án có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài năm 2023, một số chuyên viên phụ trách dự án/hỗ trợ kỹ thuật của tổ chức nước ngoài thuộc TCTK...

Tại buổi họp, đại diện lãnh đạo Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế đã trình bày Báo cáo Tình hình thực hiện các chương trình/dự án và hỗ trợ kỹ thuật có nguồn tài trợ nước ngoài của TCTK (Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023). Báo cáo cho biết, tính đến thời điểm 30/6/2023, TCTK có tổng số 13 dự án và các hỗ trợ kỹ thuật có nguồn tài trợ nước ngoài đang được triển khai thực hiện, trong đó có 2 dự án khu vực, 3 dự án có nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), 4 dự án hỗ trợ kỹ thuật do Nhà tài trợ quản lý vốn và 4 hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế.

Cụ thể: (i) Chương trình/Dự án ODA cấp khu vực (02 dự án): Dự án hỗ trợ kỹ thuật và tri thức (KSTA) "Chương trình so sánh quốc tế 2020 khu vực châu Á - Thái Bình Dương" do Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) tài trợ cho 22 nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam, thời gian thực hiện từ 2020-2024 (Dự án ICP); Dự án "Phát triển các nguồn lực thống kê mới

và xây dựng năng lực về công nghệ và nguồn dữ liệu mới" do ADB tài trợ cho 8 quốc gia, trong đó có Việt Nam, với thời gian thực hiện 36 tháng, bắt đầu từ tháng 10/2022 (Dự án ADB).

(ii) Dự án ODA (03 dự án): Dự án "Chính sách và Kế hoạch thân thiện với trẻ em giai đoạn 2023-2026" do Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) tài trợ (Dự án UNICEF); Dự án "Hỗ trợ các cơ quan Việt Nam trong việc sản xuất, cung cấp và sử dụng số liệu, bằng chứng có chất lượng về dân số và phát triển phục vụ công tác đánh giá, xây dựng và thực hiện các chính sách, chiến lược, chương trình phát triển kinh tế - xã hội và giám sát các Mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam, giai đoạn 2022-2026", mã số VNM10P04 do Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) tài trợ (Dự án UNFPA); Dự án Điều tra Những cuộc đời trẻ thơ vòng 7 do Trường Đại học Oxford, Vương Quốc Anh tài trợ (Điều tra Những cuộc đời trẻ thơ vòng 7).

(iii) Dự án hỗ trợ kỹ thuật do Nhà tài trợ quản lý vốn (04 dự án): Dự án "Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia của Việt Nam" do Chính phủ I-ta-li-a tài trợ (Dự án I-ta-li-a); Dự án "Chương trình hợp tác kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông cho thống kê chính thức" do Thống kê Nhật Bản hỗ trợ cho TCTK (Dự án Nhật Bản); Dự án "Hỗ trợ Tổng cục Thống kê cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia và đào tạo cán bộ" do chính phủ Hàn Quốc tài trợ (Dự án Hàn Quốc); Dự án "Hỗ trợ Việt Nam cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức" do Chính phủ Đan Mạch tài trợ (Dự án Đan Mạch).

(iv) Hỗ trợ kỹ thuật (04 Tổ chức quốc tế): Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD); Ngân hàng Thế giới (WB); Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc (FAO); Cơ quan Điều phối và Hợp tác Thổ Nhĩ Kỳ (TIKA).

Về kết quả triển khai thực hiện các dự án/hỗ trợ kỹ thuật, Báo cáo cho biết, tính đến thời điểm 30/6/2023 cơ bản các dự án/hỗ trợ kỹ thuật đã được triển khai thực hiện đảm bảo theo kế hoạch, hiệu quả, đúng cam kết với nhà tài trợ.

Báo cáo cũng nêu rõ kế hoạch thực hiện các dự án/ hỗ trợ kỹ thuật 6 tháng cuối năm 2023; một số thuận lợi cũng như những vấn đề còn tồn tại trong quá trình triển khai các dự án/hỗ trợ kỹ thuật ở các đơn vị; đồng thời nêu một số đề xuất, kiến nghị nhằm đẩy nhanh quá trình thực hiện hoàn thiện dự án/hỗ trợ kỹ thuật theo kế hoạch và mục tiêu đã đề ra.

Tại buổi họp, các đại biểu đã có những thảo luận về tình hình triển khai các dự án, hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức nước ngoài với các nội dung liên quan: Các hợp phần đang triển khai, nguồn kinh phí, tiến độ triển khai, các vấn đề mới phát sinh trong triển khai dự án, chương trình... Các đại biểu cũng bổ sung, đề xuất giải pháp cụ thể đối với một số hợp phần dự án đang triển khai.

Kết luận tại cuộc họp, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao sự chuẩn bị cũng như những báo cáo đầy đủ, chi tiết của Vụ HTQT về hoạt động của các dự án/hỗ trợ kỹ thuật có nguồn tài trợ của nước ngoài của TCTK trong 6 tháng đầu năm 2023. Trước những khó khăn, hạn chế trong công tác triển khai các dự án/hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức nước ngoài thời gian vừa qua, Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị tiếp tục có sự phối hợp chặt chẽ, tìm ra các giải pháp phù hợp để đảm bảo hoàn thành các yêu cầu của các dự án đang triển khai theo đúng tiến độ.

Thời gian tới, để việc triển khai các dự án/hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế đạt hiệu quả cao, các đơn vị cần chủ động đề xuất những nội dung phù hợp trong hợp tác song phương, cách thức triển khai, tiến tới nghiên cứu xây dựng quy chế chia sẻ vi mô theo quy định.../.

T.Hòa

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

7 THÁNG NĂM 2023

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông nghiệp

Tính đến ngày 15/7, cả nước gieo cấy được 1.194,4 nghìn ha lúa mùa, bằng 105,8% cùng kỳ năm trước, trong đó: Các địa phương phía Bắc gieo cấy 836,1 nghìn ha, bằng 108%; các địa phương phía Nam gieo cấy 358,3 nghìn ha, bằng 101%. Tiến độ gieo cấy lúa mùa năm 2023 nhanh hơn cùng kỳ năm trước chủ yếu do các địa phương phía Bắc gieo trồng và thu hoạch lúa đông xuân đúng thời vụ (năm trước thu hoạch muộn do ảnh hưởng của hiện tượng La-Nina), thời tiết thuận lợi, đủ nước cho sản xuất.

Đến trung tuần tháng Bảy, cả nước gieo cấy được 1.905,3 nghìn ha lúa hè thu, bằng 99,9% cùng kỳ năm trước. Trong đó, các địa phương phía Bắc đạt 172,9 nghìn ha, bằng 98,7%; các địa phương phía Nam đạt 1.732,4 nghìn ha, tương đương cùng kỳ năm trước. Các trà lúa sớm đã cho thu hoạch với diện tích đạt 484,9 nghìn ha, bằng 109,5% cùng kỳ năm trước.

Chăn nuôi trâu, bò trong 7 tháng tương đối ổn định. Chăn nuôi lợn và gia cầm hồi phục, người chăn nuôi chủ động được nguồn giống và giá thịt lợn hơi tăng trong những tháng gần đây. Tính đến cuối tháng 7 năm 2023, đàn lợn tăng 2,8% so cùng kỳ năm trước; đàn gia cầm tăng 2,1%; bò tăng 0,8% và đàn trâu giảm 1,8%.

Lâm nghiệp

Tính chung 7 tháng năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 138,5 nghìn ha, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 52,1 triệu cây, tăng 4,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 10,5 triệu m³, tăng 2,8%.

Diện tích rừng bị thiệt hại tính chung 7 tháng năm 2023 là 1.348,8 ha, tăng 92,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 715,5 ha, tăng 9,3%; diện tích rừng bị cháy là 633,3 ha, gấp 14 lần.

Thủy sản

Tính chung 7 tháng năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 5.093,6 nghìn tấn, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 3.669,6 nghìn tấn, tăng 1,7%; tôm đạt 673 nghìn tấn, tăng 3,5%; thủy sản khác đạt 751 nghìn tấn, tăng 1,3%. Trong tổng sản lượng thủy sản, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 2.811,1 nghìn tấn, tăng 3,1% so cùng kỳ năm trước; sản lượng khai thác đạt 2.282,5 nghìn tấn, tăng 0,4%.

2. Sản xuất công nghiệp

Tính chung 7 tháng năm 2023, IIP ước tính giảm 0,7% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 8,6%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo giảm 1% (cùng kỳ năm 2022 tăng 9,5%), làm giảm 0,7 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 1,4%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 1,2%, làm giảm 0,2 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất 7 tháng năm 2023 của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 12,2%; khai thác quặng kim loại và sản xuất sản phẩm thuốc lá cùng tăng 8,6%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 7,6%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu tăng 7,3%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc,

thiết bị) tăng 6,4%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 6,9%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 6,8%; sản xuất xe có động cơ giảm 6,2%; sản xuất trang phục giảm 5,5%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học và sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác cùng giảm 4,3%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/7/2023 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 3,9% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 1,1%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,3% và giảm 3,5%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2% và giảm 4,4%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 7 tháng năm 2023, cả nước có 89,6 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 834,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 588,9 nghìn lao động, tăng 0,2% về số doanh nghiệp, giảm 17,1% về vốn đăng ký và giảm 5,2% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 7 tháng năm 2023 đạt 9,3 tỷ đồng, giảm 17,3% so với cùng kỳ năm 2022. Nếu tính cả 1.117,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 28,9 nghìn lượt doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 7 tháng năm 2023 là 1.952,2 nghìn tỷ đồng, giảm 41,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 42,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2022), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 7 tháng năm 2023 lên 131,9 nghìn doanh nghiệp, giảm 1,4% so với cùng kỳ

năm trước. Bình quân một tháng có 18,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tính chung 7 tháng năm 2023, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 66,8 nghìn doanh nghiệp, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; 36 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 27,9%; 10,4 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 0,6%. Bình quân một tháng có 16,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Đầu tư

Tính chung 7 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 291 nghìn tỷ đồng, bằng 41,3% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 39,7% và tăng 12,3%). Cụ thể:

- Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 54,1 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6% kế hoạch năm và tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 236,9 nghìn tỷ đồng, bằng 41,5% kế hoạch năm và tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/7/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 16,24 tỷ USD, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký cấp mới có 1627 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 7,94 tỷ USD, tăng 75,5% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 38,6% về số vốn đăng ký.

Trong số 61 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 7 tháng năm 2023, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 2,36 tỷ USD, chiếm 29,8% tổng vốn đăng ký cấp mới;

- Vốn đăng ký điều chỉnh có 736 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn

đầu tư tăng thêm 4,16 tỷ USD, giảm 42,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.852 lượt với tổng giá trị góp vốn 4,14 tỷ USD, tăng 60,7% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 7 tháng năm 2023 ước đạt 11,58 tỷ USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 9,48 tỷ USD, chiếm 81,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện;...

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 7 tháng năm 2023 có 69 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn là 149,2 triệu USD, giảm 52,5% so với cùng kỳ năm trước; có 17 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 171,4 triệu USD, gấp 3,8 lần so với cùng kỳ. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 320,6 triệu USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 7 tháng năm 2023 có 22 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Canada là nước dẫn đầu với 150,2 triệu USD, chiếm 46,9% tổng vốn đầu tư.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 7 tháng năm 2023 ước đạt 1.016,1 nghìn tỷ đồng, bằng 62,7% dự toán năm và giảm 7,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu chính như sau: *Thu nội địa* lũy kế 7 tháng năm 2023 ước đạt 840 nghìn tỷ đồng, bằng 63% dự toán năm và giảm 4,1% so với cùng kỳ năm trước; *Thu từ dầu thô* ước đạt 36 nghìn tỷ đồng, bằng 85,7% dự toán năm và giảm 19,8% so với cùng kỳ năm trước; *Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* ước đạt 140 nghìn tỷ đồng, bằng 58,6% dự toán năm và giảm 22,7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi ngân sách Nhà nước lũy kế 7 tháng năm 2023 ước đạt 957 nghìn tỷ đồng, bằng 46,1% dự toán năm và tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên ước đạt 629,4 nghìn tỷ đồng, bằng 53,7% dự toán năm và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 267,6 nghìn tỷ đồng, bằng 36,8% và tăng 43,2%; chi trả nợ lãi 59,2 nghìn tỷ đồng, bằng 57,5% và tăng 0,8%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.529,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 15,7%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9,6% (cùng kỳ năm 2022 tăng 11,7%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2023 đạt quy mô cao hơn nhưng tốc độ tăng thấp hơn cùng kỳ năm trước.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng năm 2023 ước đạt 2.777,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 78,7% tổng mức và tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 377,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,7% tổng mức và tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 18,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng mức và tăng 53,6% so với cùng kỳ năm trước do tháng Bảy là tháng cao điểm mùa du lịch hè.

Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 356,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 13,8% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất nhập khẩu hàng hóa

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 7 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 194,73 tỷ USD, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 51,5 tỷ USD, giảm 10,2%, chiếm 26,4% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 143,23 tỷ USD, giảm 10,8%, chiếm 73,6%.

Trong 7 tháng năm 2023 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 5 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 57,6%).

Nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 7 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 179,5 tỷ USD, giảm 17,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 64,1 tỷ USD, giảm 16,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 115,4 tỷ USD, giảm 17,7%.

Trong 7 tháng năm 2023 có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 88,8% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 37,9%).

Tính chung 7 tháng năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 15,23 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,34 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 12,58 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 27,81 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ

Giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt tăng khi nhu cầu tăng cao vào mùa du lịch là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2023 tăng 0,45% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Bảy tăng 1,13% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,06%.

Bình quân 7 tháng năm 2023, CPI tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,65%.

Vận tải hành khách và hàng hóa

Tính chung 7 tháng năm 2023, vận tải hành khách ước đạt 2.615,1 triệu lượt khách vận chuyển,

tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 140,3 tỷ lượt khách.km, tăng 27,6%.

Tính chung 7 tháng năm 2023, vận tải hàng hóa ước đạt 1.303,6 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 270,7 tỷ tấn.km, tăng 12,7%.

Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến Việt Nam tháng 7/2023 ước đạt hơn 1 triệu lượt người, tăng 6,5% so với tháng trước và gấp 2,9 lần cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023, khách quốc tế đến nước ta ước đạt hơn 6,6 triệu lượt người, gấp 6,9 lần cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chỉ bằng 67,5% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Trong đó, khách đến từ châu Á đạt 5.010,5 nghìn lượt người, gấp 7,8 lần cùng kỳ năm trước; Khách đến từ châu Âu đạt 789,6 nghìn lượt người, gấp 5,5 lần;...

Trong tổng số hơn 6,6 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 7 tháng năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt hơn 5,8 triệu lượt người, chiếm 87,6% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 7 lần cùng kỳ năm trước; bằng đường bộ đạt 765,3 nghìn lượt người, chiếm 11,6% và gấp 6,2 lần; bằng đường biển đạt 55,1 nghìn lượt người, chiếm 0,8% và gấp 214,2 lần.

7. Một số tình hình xã hội

Đời sống dân cư

Theo báo cáo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong 7 tháng năm 2023, Chính phủ đã hỗ trợ hơn 18,2 nghìn tấn gạo cho 204,7 nghìn hộ với hơn 1,2 triệu nhân khẩu. Trong tháng 7/2023, nhiều hoạt động tri ân tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ diễn ra trong cả nước nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương đã tổ chức thăm hỏi, động viên, tặng quà các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với các mạng; tổ chức dâng hương,

dâng hoa viếng các anh hùng liệt sỹ... Ngày 19/6/2023, Chủ tịch nước đã ban hành Quyết định 715/QĐ-CTN về việc tặng quà nhân dịp kỷ niệm 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2023) với tổng kinh phí hơn 427,1 tỷ đồng tặng cho 1.393,9 nghìn người có công với cách mạng.

Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Tính chung 7 tháng năm 2023, cả nước có gần 41,8 nghìn trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết; 247 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút; 33.052 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng; 166 trường hợp sốt phát ban nghi sởi và 9 trường hợp viêm màng não do não mô cầu.

Tại Việt Nam, các địa phương tiếp tục tăng cường công tác phòng, chống và kiểm soát dịch Covid-19. Từ ngày 08/3/2021 đến ngày 27/7/2023, tổng số liều vắc xin phòng Covid-19 đã được tiêm là 266,5 triệu liều, trong đó tiêm mũi 1 là 90,3 triệu liều; tiêm mũi 2 là 86 triệu liều; mũi bổ sung là 14,3 triệu liều; mũi nhắc lại lần 1 là 58 triệu liều; mũi nhắc lại lần 2 là 17,9 triệu liều.

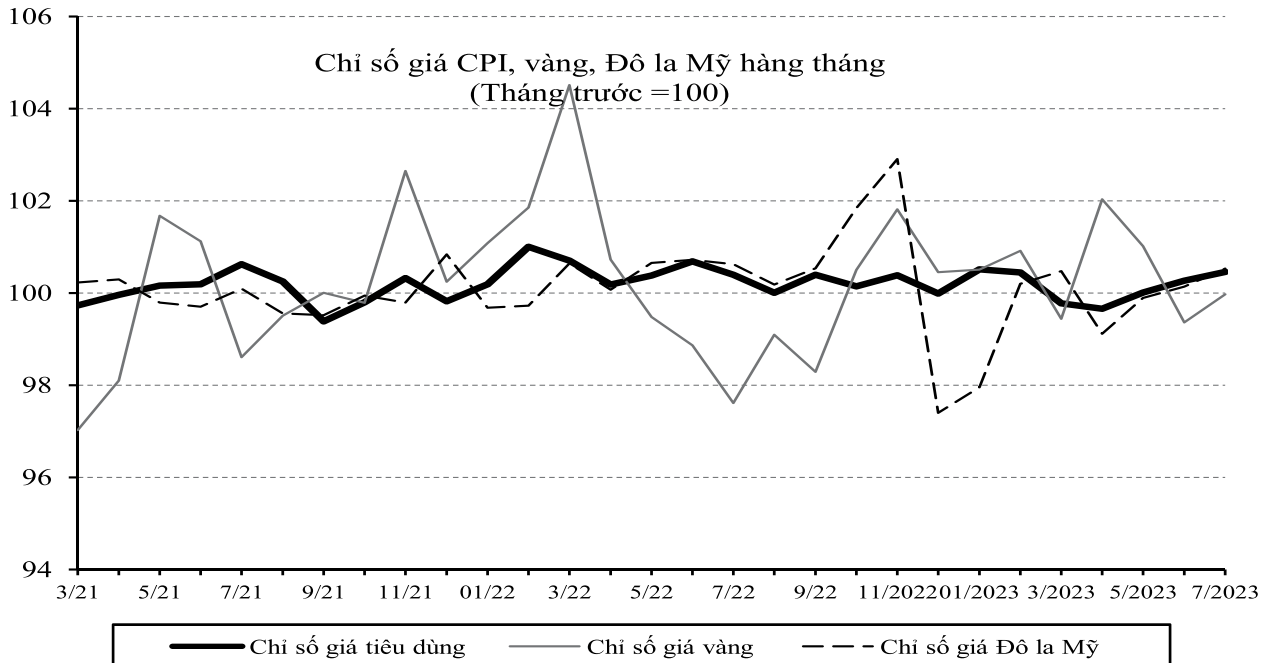
Tính chung 7 tháng năm 2023, cả nước xảy ra 60 vụ với 860 người bị ngộ độc (12 người tử vong).

Tai nạn giao thông

Tính chung 7 tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 5.928 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 4.306 vụ tai nạn giao thông làm 3.428 người chết, 2.377 người bị thương và 1.740 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 7 tháng năm nay giảm 9,3%; số người chết giảm 9,4%; số người bị thương tăng 4,1% và số người bị thương nhẹ giảm 11,8%. Bình quân 1 ngày trong 7 tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 28 vụ tai nạn giao thông làm 16 người chết, 11 người bị thương và 8 người bị thương nhẹ./.

(Trích Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Bảy và 7 tháng đầu năm 2023 của TCTK)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng Bảy năm 2023



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 7 NĂM 2023 SO VỚI				Bình quân 7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 7 năm 2022	Tháng 12 năm 2022	Tháng 6 năm 2023	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	111,09	102,06	101,13	100,45	103,12
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	115,95	102,59	101,13	100,63	103,92
1- Lương thực	115,50	103,79	102,44	100,31	103,77
2- Thực phẩm	114,45	101,80	100,46	100,79	103,34
3- Ăn uống ngoài gia đình	119,93	104,04	102,24	100,39	105,43
II. Đồ uống và thuốc lá	110,32	103,05	101,57	100,22	103,61
III. May mặc, mũ nón, giày dép	106,24	102,02	100,83	100,18	102,38
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	114,00	106,51	102,83	100,51	106,58
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	106,64	101,95	101,02	100,15	102,41
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	103,40	100,61	100,28	100,05	100,62
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,58	100,12	100,09	100,02	100,09
VII. Giao thông	107,00	90,71	100,99	100,11	94,30
VIII. Bưu chính viễn thông	96,98	99,05	99,23	99,88	99,55
IX. Giáo dục	110,98	105,57	96,35	100,03	107,61
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	110,96	105,81	95,73	100,01	108,08
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	104,59	101,70	100,86	100,19	103,45
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	113,95	105,88	104,79	102,84	103,71
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	150,50	103,39	103,27	99,97	101,06
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	102,23	101,04	98,29	100,53	102,39

(*) Nhóm này bao gồm: Tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam: LỘ TRÌNH ĐẾN THÀNH CÔNG

TS. Hà Thị Dáng Hương
Đại học Bách khoa Hà Nội

Tại Hội nghị “Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Lộ trình đến thành công”, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng đã khẳng định, tăng trưởng xanh tại Việt Nam hiện đang hướng tới sự thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội. Đây không chỉ là lựa chọn tất yếu mà còn là cơ hội để Việt Nam trở thành quốc gia tiên phong trong khu vực, bắt kịp xu thế phát triển của thế giới, hướng tới mục tiêu hiện thực hóa cam kết lịch sử mang tính bước ngoặt của Việt Nam đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050.

Tăng trưởng xanh - ưu tiên hàng đầu của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam

Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng cho biết, kinh tế thế giới năm 2023 đang đối diện với tình trạng “đa khủng hoảng”, từ gia tăng nợ công, lạm phát giá năng lượng và thực phẩm, đến ảnh hưởng của cuộc xung đột tại Ukraine và diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu. Tình trạng “đa khủng hoảng” hiện nay đòi hỏi tất cả các quốc gia phải đổi mới mô hình tăng trưởng để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, hướng tới phát triển bền vững và bao trùm, trong đó tăng trưởng xanh (TTX) đang ngày càng trở thành ưu tiên hàng đầu của các nền kinh tế trước những biến động phức tạp, khó lường và nhiều thách thức đan xen.

Trên thực tế, ngày càng nhiều quốc gia đã, đang và sẽ tham gia vào các “liên minh xanh” nhằm chuyển dịch sang nền kinh tế xanh thông qua các cam kết khu vực và toàn cầu. Điển hình là Liên minh châu Âu, với Thỏa thuận Xanh 2030 tập trung vào việc giảm thiểu khí thải carbon, tăng cường

sử dụng năng lượng tái tạo, tăng cường vận chuyển xanh và khuyến khích các sản phẩm thân thiện với môi trường. Các chính phủ và doanh nghiệp khác trên thế giới như và Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... cũng đang đầu tư vào các dự án phát triển xanh để đạt được các mục tiêu tương tự.

Mỹ là một trong những nước tiếp cận sớm chính sách TTX để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo đó, Chính phủ Mỹ đã thực hiện các chính sách mới nhằm phát triển nền kinh tế thông qua phát triển năng lượng, thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng, giảm bớt ô nhiễm môi trường và thực hiện chính sách tái tạo năng lượng. Để đạt mục tiêu đến năm 2025, các nguồn năng lượng tái tạo sẽ chiếm khoảng 25% lượng phát điện và đến năm 2030 nhu cầu điện trung bình sẽ giảm 15%, Chính phủ Mỹ đã thành lập Cơ quan Triển khai năng lượng sạch (CEDA) thuộc Bộ Năng lượng, có chức năng như một “ngân hàng xanh” để huy động và giải ngân vốn đầu tư cho các chương trình năng lượng sạch. Ngoài ra, Chính phủ Mỹ đã thông qua một loạt

tiêu chuẩn mới về khí thải như yêu cầu các công ty sản xuất ô tô chuyển sang các mẫu xe kết hợp sử dụng cả điện và xăng dầu, cùng với việc cải tiến các động cơ để tiết kiệm nhiên liệu.

Hàn Quốc cũng là một trong những quốc gia châu Á có những chính sách về TTX từ rất sớm như Chiến lược tăng trưởng xanh được Hội đồng quốc vụ thông qua tháng 9/2008. Để cụ thể hóa, Chính phủ Hàn Quốc đã tiến hành một loạt các hành động, bao gồm: Gợi kích cầu “Hiệp định tăng trưởng xanh mới”, “Kế hoạch Nghiên cứu và phát triển toàn diện về công nghệ xanh”, Luật khung về tăng trưởng xanh...

Hàn Quốc xây dựng công nghệ xanh bao gồm các nguồn năng lượng mới và tái sinh, năng lượng có hàm lượng carbon thấp, quản lý nước công nghệ cao, ứng dụng công nghệ LED, hệ thống giao thông tiết kiệm năng lượng và thành phố xanh công nghệ cao. Công nghiệp công nghệ cao tập trung vào các lĩnh vực như kết hợp viễn thông, công nghệ thông tin, ứng dụng robot, vật liệu mới và công nghệ nano, được phẩm

sinh học, y học công nghệ cao và công nghiệp thực phẩm có giá trị gia tăng cao. Ngoài ra, Chính phủ Hàn Quốc còn đẩy mạnh các chương trình sử dụng năng lượng sinh khối, xây dựng mô hình "nhà ở, trường học và công sở xanh".

Còn tại Trung Quốc, quốc gia đông dân nhất toàn cầu và có nền kinh tế đứng hàng đầu thế giới đã đặt mục tiêu về TTX lên hàng đầu trong phát triển và đã "mạnh tay" chi cho môi trường trong những năm gần đây. Trung Quốc đã đề ra các mục tiêu cụ thể cắt giảm phát thải carbon và đề ra mục tiêu giảm thiểu 10% phát thải khí NO và thiết lập thêm năng lực sản xuất điện không dùng nhiên liệu hóa thạch. Nhằm hướng tới TTX, cắt giảm phát thải carbon, Trung Quốc đã huy động nguồn lực tài chính chủ yếu là từ nguồn tài chính công. Thông qua chương trình "1000 doanh nghiệp", Trung Quốc đã đầu tư nhiều vào việc cải thiện hiệu quả năng lượng. Hỗ trợ tài chính cho người tiêu dùng khi lựa chọn sử dụng các sản phẩm tiết kiệm năng lượng; Thành lập Quỹ chuyên biệt cho việc xử lý chất thải gây ô nhiễm.

Theo đánh giá của Ủy ban châu Âu, quy mô thị trường toàn cầu hiện nay cho các sản phẩm và dịch vụ xanh ước tính đạt trên 5 nghìn tỷ đô la Mỹ và có tốc độ tăng trưởng cao hơn nhiều so với các thị trường truyền thống. Dự báo đến năm 2030, nền kinh tế xanh sẽ tạo ra khoảng 24 triệu việc làm mới trên toàn cầu. Tại Mỹ, kinh tế xanh tạo việc làm cho khoảng 9,5 triệu lao động, đóng góp tương đương 1.300 tỷ đô la Mỹ/năm; với các nước OECD con số này là 17,5 triệu lao động, tương đương 2.900 tỷ đô la Mỹ/năm.

Bên cạnh đó, kinh tế xanh còn tạo cơ hội thu hút mạnh mẽ các nhà đầu tư vào nhiều lĩnh vực

mới như năng lượng tái tạo, giao thông thông minh, nông nghiệp thông minh, đô thị - công trình xanh, tài chính xanh...

Tại Việt Nam, tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững và là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Việt Nam là một trong những quốc gia bị tác động nặng nề bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và nhiều yếu tố tác động từ bên ngoài. Bên cạnh đó, Việt Nam đang trên đà đổi mới, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, chất lượng và hiệu quả. Chính vì vậy, Đảng ta đã sớm xác định tăng trưởng xanh là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và các cấp chính quyền, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và tổ chức xã hội.

Ngày 3/6/2013, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 24/NQ-TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, với nhiệm vụ trọng tâm là thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Ngày 01/10/2021, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt

Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 với mục tiêu tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa Carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu...

Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cam kết mạnh mẽ về việc giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 (Net Zero) tại Hội nghị biến đổi khí hậu của liên hợp quốc (COP26) ở Glasgow và quyết định tham gia Thỏa thuận Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) với một số nước G7 và đối tác quốc tế khác.

Tháng 6/2023, Việt Nam tham gia Hội nghị thượng đỉnh Hiệp ước tài chính toàn cầu mới là bước đi cụ thể để huy động nguồn lực tài chính và công nghệ nhằm góp phần thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ của quốc tế đối với Việt Nam thực hiện các cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Theo đó, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành



kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Có thể nói, việc chuyển hướng sang kinh tế xanh và tăng trưởng xanh, cập nhật Chiến lược tăng trưởng xanh cho phù hợp với định hướng phát triển mới của đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 là một lựa chọn tất yếu và là cơ hội lớn để Việt Nam có thể trở thành một quốc gia tiên phong trong khu vực về tăng trưởng xanh, phục hồi xanh, bắt kịp xu thế phát triển của thế giới.

Hoàn thiện lộ trình tăng trưởng xanh tại Việt Nam

Thực tiễn cho thấy, việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2011 - 2020 đã đạt được những kết quả tích cực nhất định. Sau hơn 10 năm triển khai Chiến lược TTX, nhận thức của người dân, doanh nghiệp, cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của tăng trưởng xanh đã được nâng lên rõ rệt, từng bước thay đổi hành vi sản xuất, sinh hoạt, tiêu dùng và có nhiều hành động thiết thực đóng góp vào thực hiện TTX.

Trong số các tiêu chuẩn quốc gia, Việt Nam đã xây dựng được 750 tiêu chuẩn hướng tới thúc đẩy TTX, góp phần tích cực vào việc triển khai "Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050".

Các kết quả khả quan về tăng trưởng xanh đã đạt được ở Việt Nam

trong thời kỳ 2011 - 2020, đó là: Các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được triển khai rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực, lượng phát thải khí nhà kính trong các hoạt động năng lượng giảm 12,9% so với phương án phát triển bình thường; tiêu hao năng lượng tính trên GDP giảm bình quân 1,8%/năm; tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp có nhận thức về sản xuất sạch hơn đã tăng từ 28% năm 2010 lên 46,9% năm 2020; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 42%... Hoạt động xanh hóa sản xuất, bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm đã được chú trọng. Nhận thức về vai trò của TTX được nâng lên, tạo được làn sóng về đầu tư xanh như năng lượng gió, mặt trời, điện rác...

Việt Nam cũng đã xây dựng chiến lược cụ thể cho TTX như định hướng phát triển đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, Chiến lược chỉ rõ, nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động sản xuất, vận tải, thương mại và công nghiệp; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia.

Phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp sạch, hữu cơ bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp thông qua việc điều chỉnh, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên...

Thúc đẩy đô thị hóa theo hướng đô thị thông minh, bền vững,

có năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu, bảo đảm hiệu quả kinh tế - sinh thái, thuận lợi cho phát triển giao thông công cộng, tăng tính hấp dẫn, cạnh tranh và thân thiện môi trường, tiết kiệm thời gian đi lại...

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng xanh là giải pháp quan trọng để thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu trước các cú sốc từ bên ngoài, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính hướng tới mục tiêu cam kết đưa phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đặt ra tại Chiến lược tăng trưởng xanh, Việt Nam cần có những bước đi đột phá, quyết liệt hơn nữa để đưa nền kinh tế xanh từ quy mô 6,7 tỷ USD năm 2020 lên đến 300 tỷ USD trong tổng GDP quốc gia vào năm 2050. Trong đó, tập trung vào các ngành, lĩnh vực thiết yếu nhất, giúp kích hoạt các lợi thế tự nhiên và vươn lên trở thành nước phát triển trên cả ba yếu tố môi trường, kinh tế - xã hội.

Trong khuôn khổ hợp tác giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư với Tập đoàn Tư vấn Boston (BCG) về thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam, kết quả nghiên cứu bước đầu cho thấy, tính riêng đối với chuyển dịch hai ngành điện gió và điện mặt trời, tiềm năng đóng góp vào GDP lên đến 70-80 tỷ USD và tạo ra khoảng 90-100 nghìn việc làm trực tiếp. Bên cạnh đó, hệ sinh thái Hydro sạch dựa trên nền tảng năng lượng tái tạo có tiềm năng đóng góp 40-45 tỷ USD vào GDP mỗi năm, tạo ra khoảng 40-50 nghìn việc làm, mang lại lợi ích cho cả thị trường nội địa lẫn tiềm năng xuất khẩu đến các nước phát triển trên thế giới.

(Xem tiếp trang 23)

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM

TỪNG BƯỚC NÂNG TẦM TRÊN BẢNG XẾP HẠNG THẾ GIỚI

Thu Hòa

Một số yếu tố tạo nên thành công trong xây dựng, định vị Thương hiệu quốc gia Việt Nam thời gian qua

Theo báo cáo của Brand Finance - Tổ chức tư vấn chiến lược và định giá thương hiệu độc lập hàng đầu thế giới, Việt Nam thuộc nhóm các nước có thương hiệu mạnh, là điểm sáng trong bức tranh xây dựng và phát triển thương hiệu quốc gia với tốc độ tăng trưởng giá trị nhanh nhất thế giới trong hai năm gần đây. Năm 2020, giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 319 tỷ USD, tăng 29,1% so với năm 2019; năm 2021 đạt 388 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2020; năm 2022 đạt 431 tỷ USD, tăng 11,1% so với năm 2021.

Để đạt được những kết quả trên, trước hết phải kể đến chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, sát sao của Chính phủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, ngoại giao, văn hóa, xã hội đã tạo ra uy tín cũng như vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Từ những nỗ lực trong cải cách môi trường đầu tư kinh doanh, mở rộng các quan hệ song phương và đa phương, hỗ trợ xuất nhập khẩu của Chính phủ, cùng với đó là sự nỗ lực vượt bậc của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Việc quyết tâm xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp đã góp phần đáng kể gia tăng giá trị và vị trí



Những năm gần đây, Việt Nam là quốc gia được đánh giá cao trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia và là thương hiệu quốc gia có tốc độ tăng trưởng giá trị nhanh nhất thế giới. Giai đoạn 2019-2022, giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam có tốc độ tăng trưởng đạt 74%. Năm 2022, giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam tiếp tục tăng 11,1% so với năm 2021 (từ 388 tỷ USD lên 431 tỷ USD), đưa Việt Nam lên vị trí thứ 32 trong top 100 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới.

của Thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

Bên cạnh đó, các chuyên gia đã chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa thương hiệu quốc gia và thương hiệu sản phẩm trong sự phát triển và nâng tầm thương hiệu doanh nghiệp. Theo đó, khi một doanh nghiệp có sản phẩm với thương hiệu uy tín thì thương hiệu của doanh nghiệp đó cũng sẽ được nâng cao. Một quốc gia có nhiều doanh nghiệp với các sản phẩm với thương hiệu mạnh sẽ là nền tảng quan trọng để nâng tầm thương hiệu của quốc gia đó. Trong khi đó, đánh giá sự thăng hạng của thương hiệu các doanh nghiệp Việt Nam thời gian qua được xem là có khởi nguồn từ các hoạt động xây dựng, phát triển thương hiệu với nòng cốt là Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam là chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn của Chính phủ, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 253/2003/QĐ-TTg ngày 25/11/2003, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng hình ảnh về Việt Nam là quốc gia có uy tín về hàng hóa và dịch vụ đa dạng phong phú với chất lượng cao. Nâng cao sức cạnh tranh cho thương hiệu sản phẩm Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế trong quá trình hội nhập; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến, giảm tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu thô; tăng cường

sự nhận biết của các nhà phân phối và người tiêu dùng trong và ngoài nước đối với các thương hiệu Việt Nam; xây dựng hình ảnh Việt Nam gắn với giá trị “Chất lượng - Đổi mới, sáng tạo - Năng lực tiên phong”.

Từ những định hướng đó, qua 20 năm hình thành và phát triển, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt và tạo được uy tín đối với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý cũng như người tiêu dùng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Chương trình cũng luôn đồng hành, hỗ trợ địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp phát triển thương hiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với chất lượng cao. Chương trình cũng tạo ra một chính sách, cơ chế thống nhất, đồng thuận trên phạm vi cả nước, từ Trung ương đến địa phương, giữa các bộ, ngành, tổ chức trong xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh quốc gia Việt Nam.

Có thể thấy, với sự hỗ trợ của Chương trình Thương hiệu quốc gia, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã ý thức được vai trò quan trọng của thương hiệu nên đã đầu tư nghiêm túc cho xây dựng,

phát triển thương hiệu sản phẩm và thương hiệu doanh nghiệp. Kết quả là, trong Top 50 Thương hiệu doanh nghiệp giá trị nhất Việt Nam năm 2022, có sự góp mặt của nhiều doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam. Nếu như năm 2018, mới có 14 doanh nghiệp Thương hiệu quốc gia Việt Nam nằm trong Top 50, chiếm tỷ trọng 28% thì sau 5 năm con số này đã tăng lên 21 doanh nghiệp, chiếm tỷ trọng 42%. Đặc biệt, trong Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam, tỷ lệ doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam tăng mạnh từ 20% năm 2018 lên tới 60% năm 2022. Trong đó, một số doanh nghiệp có thương hiệu mạnh điển hình như: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xuất nhập khẩu Tân Titan; Công ty cổ phần đá hoa cương châu Âu (Eurostone – đạt danh hiệu Top 10 Thương hiệu mạnh quốc gia năm 2023); Công ty cổ phần phát triển thương mại và dịch vụ Bảo Đức; Thương hiệu Dr.Papie (Thuộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Starmed); Công ty cổ phần Chế biến thực phẩm và Xuất khẩu Miền Tây (Westfood)...

Theo đánh giá, giá trị vị thế của thương hiệu quốc gia Việt Nam và các doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia Việt Nam thời gian qua tăng đều qua các năm. Các thương hiệu hàng đầu Việt Nam đã có sự tăng trưởng vượt bậc cả về giá trị thương hiệu và chỉ số sức mạnh thương hiệu, nhờ đó nâng cao vị thế vững chắc trong bảng xếp hạng. Đồng thời, kết quả trên cũng cho thấy các doanh nghiệp Thương hiệu quốc gia Việt Nam đã dẫn dắt kịp với xu thế toàn cầu là đầu tư vào giá trị thương hiệu, góp phần đáng kể trong việc gia tăng giá trị Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

Định hướng và giải pháp trong xây dựng, định vị và phát triển Thương hiệu quốc gia Việt Nam thời gian tới

Trong thời gian tới, Việt Nam tiếp tục định hướng mục tiêu xây dựng định vị hình ảnh là một quốc gia có uy tín về hàng hóa và dịch vụ với chất lượng cao, tăng niềm tự hào và sức hấp dẫn của đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển ngoại thương và nâng cao năng lực cạnh tranh của thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam giai đoạn 2020-2030 sẽ có sự gắn kết thương hiệu hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp với các hoạt động ngoại giao, đầu tư, quảng bá văn hóa, du lịch, từ đó xây dựng thương hiệu quốc gia Việt Nam trở thành hình ảnh tích cực, hấp dẫn và thu hút đối với các nhà nhập khẩu, các du khách, nhà đầu tư, người lao động và người tiêu dùng trên thị trường trong nước và quốc tế.

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam tham gia sâu rộng vào kinh tế thế giới và xu hướng tiêu dùng



chuyển dịch dần sang những sản phẩm thân thiện với môi trường và sản xuất xanh sẽ là một trong những yếu tố lợi thế để giúp doanh nghiệp nâng cao thương hiệu, thu hút thêm người tiêu dùng. Cùng với đó, sản xuất xanh cũng chính là yêu cầu tiên quyết để doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập vào các thị trường khó tính trên thế giới, đặc biệt là khi Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, FTA. Những hiệp định thương mại tự do này đều có những yêu cầu khắt khe về tiêu chí môi trường, do vậy nếu doanh nghiệp Việt Nam triển khai thực hiện tốt sản xuất xanh thì đây sẽ là một cơ hội lớn giúp doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, đáp ứng sâu hơn, xa hơn đến các thị trường khó tính, như: Thị trường Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản. Chính vì vậy, xu hướng “xanh hóa” trong xây dựng thương hiệu ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Theo đó, tại Việt Nam hiện nay để cạnh tranh trên thị trường, nhiều doanh nghiệp đã và đang nỗ lực đầu tư sản xuất nhằm cho ra đời những sản phẩm đảm bảo yếu tố “xanh” và “sạch”, xây dựng thương hiệu xanh gắn với phát triển bền vững.

Thực hiện mục tiêu đó, năm 2023, với chủ đề “Định vị Thương hiệu quốc gia Việt Nam Xanh” trong Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam kỳ vọng sẽ là “cú hích” đối với các doanh nghiệp để đổi mới công nghệ, thúc đẩy phát triển các sản phẩm xanh của Việt Nam, góp phần nâng cao giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam.

Mặc dù vậy, xu hướng phát triển sản phẩm xanh, tiêu dùng xanh cũng đang đặt ra bài toán lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam cần phải có sự cân nhắc, tính toán

phù hợp, bảo đảm yếu tố cân bằng để phát triển. Trước những khó khăn và thách thức đó đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao hơn nữa trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh và tuân thủ đúng các quy định về môi trường. Do đó, doanh nghiệp cần quan tâm nhiều hơn đến đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất và phải tính đến hướng tái cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến tới loại dần những sản phẩm và dịch vụ phát thải lớn gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng tới môi trường. Thay vào đó, doanh nghiệp cần phát triển các sản phẩm, dịch vụ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên.

Các doanh nghiệp cần đổi mới sáng tạo, đi theo các hướng công nghệ mới, công nghệ xanh, thân thiện với môi trường từ nguyên liệu đến máy móc thiết bị, sản phẩm và quy trình kinh doanh thân thiện với môi trường. Nâng cao năng lực nghiên cứu thị trường; thiết kế bao bì, sản phẩm và hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng, phát triển và quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam trên thị trường quốc tế. Chủ động cải tiến quy trình cập nhật công nghệ kỹ thuật hiện đại, sáng tạo, đổi mới không ngừng để mang lại những sản phẩm chất lượng và uy tín cho thị trường người tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ, lan tỏa giá trị thành công của doanh nghiệp mang đến sự hài lòng của khách hàng.

Ngoài ra, để tiếp tục nâng cao giá trị Thương hiệu quốc gia, bên cạnh việc gia tăng giá trị thương hiệu các doanh nghiệp, các sản phẩm Thương hiệu quốc gia Việt Nam, các chuyên gia đề xuất một số giải pháp:

Việt Nam cần tiếp tục quảng bá về nền kinh tế ổn định, môi trường kinh doanh được nhà nước tạo thuận lợi và nâng cao uy tín của doanh nghiệp. Quảng bá về hình ảnh Việt Nam gắn với những giá trị “xanh, bền vững” hợp xu thế hiện tại;

Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của việc xây dựng và phát triển thương hiệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là cấp lãnh đạo doanh nghiệp;

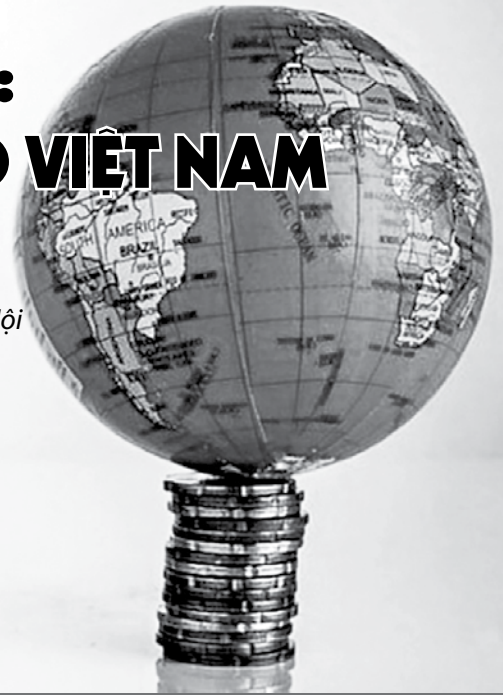
Tăng cường các hoạt động nâng cao năng lực xây dựng, phát triển và quản trị thương hiệu cho doanh nghiệp, đặc biệt là đáp ứng hệ thống tiêu chí của Thương hiệu quốc gia Việt Nam;

Tập trung các hoạt động tuyên truyền, quảng bá Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia, nhất là ở thị trường ngoài nước và sản phẩm xuất khẩu tiềm năng.

Việc gia tăng giá trị thương hiệu Việt Nam cũng cho thấy một bức tranh lạc quan về nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, uy tín, chất lượng, năng lực của một thương hiệu không chỉ được định giá từ góc nhìn của doanh nghiệp mà còn là sự hài lòng của cộng đồng người tiêu dùng. Do vậy, để nâng tầm vóc Thương hiệu quốc gia Việt Nam, mỗi người dân Việt cần có trách nhiệm và hiểu rõ tầm quan trọng của việc xây dựng thương hiệu quốc gia, bởi xây dựng thương hiệu quốc gia bên cạnh việc phát triển bền vững đất nước cũng làm tăng niềm tự hào dân tộc và giá trị của mỗi người Việt Nam khi bước ra thế giới. Khi thương hiệu Việt Nam được thăng hạng thì giá trị cá nhân của mỗi người Việt Nam cũng được nâng tầm và ngược lại./.

THUẾ TỐI THIỂU TOÀN CẦU: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO VIỆT NAM

ThS. Khương Mỹ Linh - Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Nhân
ThS. Đào Bùi Kiên Trung - Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội



Theo tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), bắt đầu từ ngày 01/01/2024, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu (gọi tắt là thuế tối thiểu toàn cầu) sẽ được thực thi. Hiện nay, đã có 142/142 quốc gia thuộc thành viên của OECD, trong đó có Việt Nam đã đạt được đồng thuận về mức thuế tối thiểu toàn cầu. Điều này đã và đang đặt ra những cơ hội và thách thức mới cho Việt Nam khi tham gia sân chơi toàn cầu.

Sân chơi mới với nhiều thách thức

Chính sách thuế tối thiểu toàn cầu là một trụ cột chính của Chương trình chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển dịch lợi nhuận (BEPS) do Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) khởi xướng và đã được 142 quốc gia đồng thuận. Thuế tối thiểu toàn cầu được xây dựng nhằm ngăn chặn "cuộc đua xuống đáy" về thuế suất ưu đãi giữa các quốc gia trong thu hút đầu tư nước ngoài; đồng thời xóa bỏ các kẽ hở trong quản lý không để các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trốn thuế, chuyển giá, qua đó góp phần tăng thu ngân sách. Việt Nam đã tham gia và là thành viên thứ 100

của Diễn đàn BEPS từ năm 2017. Với việc tham gia BEPS từ khá sớm, đồng nghĩa với việc Việt Nam đã sẵn sàng cho sân chơi mới, hoàn cảnh mới, điều kiện mới trong việc thu hút đầu tư nước ngoài.

Theo quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu, các tập đoàn, công ty đa quốc gia có doanh thu từ 750 triệu Euro (hay 800 triệu USD) trở lên đều sẽ phải đóng thuế 15%, dù là ở bất kỳ quốc gia nào. OECD dự tính, với việc áp dụng trụ cột 2, tổng nguồn thu thuế toàn cầu từ các công ty đa quốc gia sẽ tăng lên 220 tỷ USD.

Về tác động của chính sách thuế tối thiểu toàn cầu đến Việt Nam, khẳng định của giới chuyên gia là rất rõ ràng và cấp bách, thể hiện

rõ nhất trong 2 lĩnh vực: Thuế và thu hút đầu tư nước ngoài.

Bộ Tài chính cho biết, nguyên tắc áp dụng của thuế tối thiểu toàn cầu mà OECD công bố, các nước thành viên không bắt buộc phải áp dụng các quy định của thuế tối thiểu toàn cầu, nhưng nếu lựa chọn áp dụng các quy định này thì các nước sẽ phải thực hiện nhất quán theo hướng dẫn. Trong trường hợp một nước không áp dụng thì vẫn phải chấp nhận các quy định thuế tối thiểu toàn cầu được các thành viên khác áp dụng.

Đến nay, hầu hết các nước thuộc Liên minh châu Âu, Thụy Sĩ, Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Indonesia, HongKong (Trung Quốc), Australia... đã xác nhận

sẽ áp dụng quy tắc thuế suất tối thiểu 15%, bắt đầu từ năm 2024. Trong đó, Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản... là các nước có số vốn đầu tư nước ngoài lớn vào Việt Nam và có nhiều doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng của thuế tối thiểu toàn cầu. Theo đánh giá của các chuyên gia, việc áp dụng mức thuế tối thiểu toàn cầu đối với các công ty đa quốc gia, có thể ảnh hưởng nhất thời đến hoạt động của hàng loạt các công ty đa quốc gia đã đầu tư vào Việt Nam như Samsung, Intel, Lotte, Formosa...

Qua thống kê, hiện nay có khoảng 335 dự án có số vốn đầu tư đăng ký trên 100 triệu USD hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại các khu kinh tế và khu công nghiệp đồng thời đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn 15%; trong đó, thường là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao như Samsung, Intel, LG, Bosch, Sharp, Panasonic, Foxconn, Pegatron... Theo đó, tổng vốn đầu tư đăng ký của các loại dự án này chiếm gần 30% tổng vốn FDI tại Việt Nam, đạt khoảng 131,3 tỷ USD. Đây là những dự án có khả năng sẽ chịu ảnh hưởng của thuế tối thiểu toàn cầu.

Chính vì vậy, nếu thuế tối thiểu toàn cầu được áp dụng và Việt Nam không có những giải pháp ứng phó kịp thời, những lợi ích mang lại từ các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà các dự án được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn. Từ đó, ảnh hưởng đến tính hấp dẫn và mất lợi thế cạnh tranh của thị trường Việt Nam trong thu hút đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng tới kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án.

Theo các chuyên gia kinh tế, ngoài ưu đãi về đất đai, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thì ưu đãi thuế

vẫn luôn là một trong những công cụ quan trọng để thu hút các nhà đầu tư đến với Việt Nam. Hiện nay, ưu đãi thuế của Việt Nam cho đầu tư phổ biến là: Ưu đãi thời gian miễn, giảm thuế đối với đầu tư mới, đầu tư mở rộng; miễn 4 năm, giảm 9 năm; miễn 2 năm, giảm 4 năm. Theo tính toán của giới chuyên gia, trong khi thuế suất phổ thông là 20% thì thuế thực tế với các doanh nghiệp FDI trong kỳ ưu đãi trung bình là 12,3%. Trong đó, một số tập đoàn lớn chỉ ở mức vài %. Khi thuế suất tối thiểu toàn cầu được áp dụng, có thể một số tập đoàn lớn sẽ phải nộp thêm một phần thuế bổ sung ở nước khác, nơi họ có trụ sở chính. Như vậy, lợi ích trước đây là phần ưu đãi thuế họ được hưởng thì nay sẽ không còn nữa hoặc giảm đáng kể. Hiệu lực chính sách ưu đãi đầu tư tại Việt Nam sẽ bị giảm trong nhiều trường hợp. Nhà đầu tư bị thiệt hại do tăng chi phí thuế trong khi Việt Nam cũng bị mất quyền đánh thuế đối với chính thu nhập được tạo ra tại Việt Nam.

Cơ hội khẳng định trên sân chơi toàn cầu

Theo các chuyên gia kinh tế, thuế tối thiểu toàn cầu dù đưa đến

nhều thách thức, nhưng cũng là cơ hội để Việt Nam tham gia và khẳng định trên sân chơi quốc tế.

Đối với những cơ hội theo chiều hướng tích cực, việc đánh thuế bổ sung lên thuế suất tối thiểu 15% sẽ góp phần tăng cường hội nhập quốc tế Việt Nam nói chung, cải cách hệ thống thuế theo hướng phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Từ đó, góp phần cải thiện hình ảnh của Việt Nam trong mắt các đối tác, nhà đầu tư nước ngoài. Điều này cũng sẽ góp phần hoàn thiện khung pháp lý về thuế của Việt Nam và thúc đẩy sửa đổi chính sách thu hút FDI của Việt Nam theo hướng giảm ưu đãi về thuế và tăng cường cạnh tranh bằng môi trường đầu tư, cơ sở hạ tầng, nhân lực...

Bên cạnh đó, thuế tối thiểu toàn cầu cũng là cơ hội để Việt Nam giải quyết những khó khăn hiện nay trong nỗ lực chống chuyển giá và trốn, tránh thuế của các tập đoàn, công ty đa quốc gia. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, áp dụng quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu là cơ hội để Việt Nam nhìn lại, nghiên cứu xem cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút đầu tư hiện nay còn phù hợp trong tình hình mới và liệu rằng có nên thay thế bằng lợi thế



cạnh tranh mới để hỗ trợ đúng và trúng với những nhu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài hay không.

Ngoài ra, thuế tối thiểu toàn cầu góp phần tăng nguồn thu từ thuế. Theo Tổng cục Thuế, nếu Việt Nam không áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu thì số thu ngân sách nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp với đầu tư nước ngoài không bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, phần thuế ưu đãi của Việt Nam sẽ được các nước đầu tư thu về nước mình và nhà đầu tư nước ngoài không được hưởng lợi gì từ ưu đãi. Ngược lại, nếu Việt Nam áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu; thì sẽ thu thêm thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với những doanh nghiệp thuộc đối tượng của thuế tối thiểu toàn cầu có dự án đang được hưởng ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam. Với số thuế thực tế thấp hơn thuế tối thiểu toàn cầu sẽ góp phần tăng thu ngân sách nhà nước về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việt Nam có thể tận dụng nguồn thu tăng thêm từ việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu để tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện các yếu tố về môi trường đầu tư chi phối quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (cơ sở hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực...).

Theo đánh giá của các chuyên gia, quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu có thể khiến sức cạnh tranh thu hút FDI bị ảnh hưởng trong ngắn hạn, tuy nhiên, đây cũng là thời cơ để Việt Nam nâng cấp chiến lược và mô hình thu hút FDI. Khi đó, mô hình kinh tế truyền thống sẽ chuyển sang kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và bền vững. Môi trường kinh doanh ổn định, khu vực kinh tế FDI sẽ đóng góp lớn hơn vào nền kinh tế.

Có thể thấy, thuế tối thiểu toàn cầu thực sự đặt ra một bài toán khó cho Việt Nam cũng như các quốc gia đang phát triển, khi từ trước tới nay vẫn quen sử dụng ưu đãi miễn giảm thuế như một công cụ để thu hút đầu tư. Tuy nhiên, thuế tối thiểu toàn cầu lại chính là một cơ hội tốt để Việt Nam tiếp rà soát lại hệ thống ưu đãi đầu tư và thực hiện những cải cách hợp lý như thiết kế các ưu đãi dựa trên chi phí để hội nhập với thế giới nhằm duy trì tính hấp dẫn của môi trường đầu tư, tiếp tục giữ chân và thu hút các nhà đầu tư "đại bàng" tại Việt Nam./.

PHÁT HUY NỘI LỰC KINH TẾ ĐỂ BỨT TỐC TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG CUỐI NĂM

Bích Ngọc

Kinh tế Việt Nam năm 2023 đã đi được hơn nửa chặng đường với những thăng trầm đậm nét. Trong khó khăn ở cả trong và ngoài nước, kinh tế Việt Nam vẫn có những điểm sáng, là động lực để tiếp tục phát huy nội lực, bứt tốc tăng trưởng trong những tháng còn lại của năm 2023.

Nông nghiệp chủ động nắm bắt các cơ hội để tăng thêm "sức mạnh" cho ngành

Thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế phù hợp với chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Mặc dù vậy, trong bối cảnh khó khăn chung do chịu tác động từ đại dịch Covid-19 và sự xung đột chính trị giữa một số quốc gia trên thế giới,



ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong nước lại thể hiện rõ vai trò của mình là bệ đỡ cho nền kinh tế. Trong 6 tháng đầu năm nay, sản xuất trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt kết quả khá tốt, giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khá, đạt 3,07% (trong đó, nông nghiệp tăng 3,14%; lâm nghiệp tăng 3,43%; thủy sản tăng 2,77%), đóng góp 9,28% vào tổng mức tăng chung của toàn nền kinh tế, trái ngược với sự phục hồi chậm của khu vực công nghiệp và xây dựng, chỉ tăng 1,13%.

Trên thế giới, tình hình an ninh lương thực đang rất bấp bênh và ngày càng trở nên nghiêm trọng hơn do chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nhiều nước áp đặt các hạn chế thương mại sau cuộc khủng hoảng tại Ukraine, khiến chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Song với việc chuyển đổi mạnh từ duy trì sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh cơ cấu lại theo hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, ngành nông nghiệp Việt Nam đã không chỉ góp phần đảm bảo an ninh lương thực cho đất nước mà cho cả khu vực và thế giới. Trong 6 tháng đầu năm, kim ngạch

xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm sản ước đạt 13,4 tỷ USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch hàng rau quả đạt trên 2,7 tỷ USD, tăng 64,2%; xuất khẩu gạo đạt 2,3 tỷ USD, tăng 34,7%. Đây là những con số khá ấn tượng khi kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng truyền thống sụt giảm như điện thoại và linh kiện giảm 27,9%; dệt may giảm 15,3%; giày dép giảm 15,2%...

Trong nửa cuối năm 2023, ngành nông nghiệp nhận định vẫn sẽ phải đối mặt nhiều thách thức như giá vật tư nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở mức cao; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; thời tiết diễn biến bất thường do biến đổi khí hậu toàn cầu; nhu cầu tiêu dùng toàn cầu phục hồi chậm; tăng trưởng kinh tế nhiều nước vẫn có dấu hiệu suy thoái; các thị trường xuất khẩu đặt ra những yêu cầu ngày càng chặt chẽ quy định các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững... Những trở ngại trên đặt ra yêu cầu nhưng đồng thời cũng là cơ hội để ngành nông nghiệp Việt Nam tận dụng nội lực có sẵn, tăng tốc, bứt phá và về đích các chỉ tiêu đề ra trong năm 2023. Để làm được điều đó, ngành nông nghiệp

xác định, tiếp tục tái cấu trúc ngành, cập nhật chính sách nông nghiệp của các quốc gia, từ đó đưa ra các giải pháp ứng phó chủ động, linh hoạt, phù hợp, kịp thời để nắm bắt các cơ hội, mang lại thêm "sức mạnh" cho ngành. Đồng thời, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, mở cửa thị trường xuất khẩu cho các mặt hàng nông sản đa giá trị, tập trung vào 6 mặt hàng xuất khẩu chủ lực là rau quả, gạo, cà phê, hạt điều, hồ tiêu, thủy sản. Đi cùng với đó là hỗ trợ doanh nghiệp ký kết đơn hàng mới; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về xuất khẩu...

Khai thác dư địa tăng trưởng du lịch để tác động lan tỏa các ngành kinh tế khác

Nhìn lại 6 tháng đầu năm 2023, nhờ tăng cường các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, khu vực dịch vụ đã phục hồi mạnh mẽ và là nhân tố đóng góp chủ yếu vào mức tăng chung của nền kinh tế. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ tăng 6,33% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 1,18% và 4,53% của cùng kỳ các năm 2020 và năm 2021, đóng góp 78,85% vào tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế.



Đóng góp lớn vào mức tăng trưởng của khu vực dịch vụ là sự sôi động trở lại của các ngành thương mại. Theo Tổng cục Thống kê, trong mức tăng chung 10,9% của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong 6 tháng đầu năm nay, lĩnh vực lưu trú và ăn uống tăng 18,7%, đóng góp 1,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; lĩnh vực du lịch lữ hành tăng 65,9% đóng góp 1,9 điểm phần trăm. Thể hiện rõ hơn cho tăng trưởng của 2 lĩnh vực này là sự phục hồi đáng kể của ngành du lịch khi lượng khách du lịch nội địa trong 6 tháng đầu năm nay đạt 63,5 triệu lượt khách, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng mạnh với 5,6 triệu lượt khách, gấp 9,3 lần so với 6 tháng đầu năm ngoái.

Cũng theo báo cáo từ Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2023, cả nước có 616 hồ sơ được cấp mới, cấp đổi và rút giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho các doanh nghiệp, trong đó cấp mới 449 giấy phép, cấp đổi 138 giấy phép và thu hồi 31 giấy phép; có 65 quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch từ 4 đến 5 sao. Đến nay, cả nước có 235 cơ sở lưu trú du lịch hạng 5 sao với gần 78.000 buồng; 354 cơ sở lưu trú du lịch hạng 4 sao với khoảng 47.500 buồng.

Các kết quả trên góp phần ghi dấu ấn ngành du lịch trong bức tranh chung của cả nước trong nửa đầu năm nay. Các chuyên gia đánh giá, trong 6 tháng cuối năm 2023 thị trường khách du lịch quốc tế còn nhiều dư địa để tăng trưởng, nhất là vào mùa cao điểm cuối năm, nhờ các chính sách tạo thuận lợi về thị thực và xuất nhập cảnh chính thức sẽ có hiệu lực từ ngày 15/8 tới đây.

Bên cạnh đó, theo dữ liệu từ công cụ theo dõi xu hướng du lịch của Google, từ đầu năm 2023 tới nay, lượng tìm kiếm về du lịch Việt Nam liên tục tăng trong топ đầu thế giới, từ vị trí thứ 11 lên vị trí thứ 6 hiện nay. Với kết quả này, Việt Nam là nước duy nhất ở Đông Nam Á lọt vào nhóm tăng trưởng cao hàng đầu thế giới. Các nước còn lại trong khu vực xếp ở vị trí thấp hơn khá nhiều: Indonesia (18), Thái Lan (19), Malaysia (21), Philippines (23), Singapore (30). Đây là tín hiệu tốt để ngành du lịch Việt Nam đạt và vượt mục tiêu đón khách để ra trong năm nay.

Để nắm bắt tốt các cơ hội trên, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch đẩy mạnh liên kết, tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo thêm nhiều địa điểm và sản phẩm du lịch cùng các chính sách ưu đãi về giá, để thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, không chỉ khôi phục dần các thị trường khách mục tiêu trước đây là châu Âu, Úc, Mỹ... mà còn mở rộng thêm một số thị trường mới tiềm năng khác như Đông Bắc Á. Để từ đó có tác động lan tỏa, thúc đẩy tăng trưởng của các ngành khác như khách sạn, nhà hàng, vận tải hành khách.

Đặc biệt, Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 04/7/2023 sẽ là cơ sở để ngành du lịch có những bứt phá mới. Theo kế hoạch, các nhiệm vụ trọng tâm sẽ được tập trung thực hiện trong thời gian tới là: Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, bền vững; Tiếp tục tạo thuận lợi thu hút

khách du lịch quốc tế đến Việt Nam; Tăng cường thu hút đầu tư phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các khu du lịch quốc gia; Phát triển sản phẩm và truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch; Hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh du lịch; Đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch.

Kỳ vọng hoạt động xuất khẩu sẽ lội ngược dòng

Hoạt động xuất nhập khẩu cũng trải qua quãng thời gian đầy khó khăn. 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 164,45 tỉ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu hàng hóa đạt 152,2 tỉ USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Song kết quả 6 tháng đầu năm cũng đã ghi nhận những yếu tố tích cực, khi tăng trưởng xuất khẩu tháng Năm, tháng Sáu đã có khởi sắc, tháng sau cao hơn tháng trước. Thêm vào đó, tốc độ giảm kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước (giảm 11,9% so với cùng kỳ năm trước) chậm hơn so với khu vực có vốn FDI (giảm 12,2% so với cùng kỳ năm trước), cho thấy nỗ lực của các doanh nghiệp trong nước phục hồi sản xuất, kinh doanh trong điều kiện còn nhiều khó khăn. Hơn nữa, 6 tháng đầu năm, Việt Nam vẫn duy trì đà xuất siêu 12,25 tỷ USD, tăng 1,2 tỷ USD so cùng kỳ năm trước, là con số xuất siêu cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây và trở thành điểm sáng cho xuất nhập khẩu Việt Nam trong bối cảnh tổng cầu thế giới suy giảm.

Do nền kinh tế Việt Nam xác định chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu, vì vậy tình hình nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm được nhận định là sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những bất ổn,

tiêu cực của kinh tế thế giới như: Kinh tế chậm phục hồi, tổng cầu vẫn khá yếu, lạm phát diễn ra dai dẳng ở nhiều nước. Tuy nhiên, cộng đồng doanh nghiệp kỳ vọng hoạt động xuất khẩu sẽ lợi ngược dòng, khởi sắc trong những tháng còn lại của năm nay do lượng tồn kho trên thế giới đang có xu hướng giảm với tốc độ khá nhanh. Các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cho rằng kim ngạch xuất khẩu gạo sẽ tăng lên do lượng tồn kho mặt hàng này ở thời điểm hiện nay gần như không có; thêm vào đó, mới đây cường quốc xuất khẩu gạo thế giới là Ấn Độ ra lệnh cấm xuất khẩu gạo để tránh nguy cơ lạm phát, tiếp sau đó là Nga và UAE cũng đưa ra lệnh cấm xuất khẩu gạo. Đối với ngành thủy sản, thị trường xuất khẩu cũng đang có sự phục hồi, với lượng hàng tồn kho đang được giải quyết và sức tiêu thụ mặt hàng này được dự báo tăng bởi mùa lễ hội cuối năm. Lượng tồn kho mặt hàng dệt may của các thương hiệu và nhà bán lẻ toàn cầu cũng đang có dấu hiệu giảm, đem lại tín hiệu tích cực hơn cho ngành dệt may Việt Nam có thể phục hồi trở lại trong vài tháng tới và ổn định trong năm 2024.

Thêm một tín hiệu vui là trong 6 tháng vừa qua, có hàng trăm đoàn doanh nghiệp từ nhiều quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Đức, châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... vào Việt Nam, tới từng địa phương để mua hàng, kết nối B2B giao thương. Điều này giúp nhiều doanh nghiệp địa phương tiếp cận gần hơn với các nhà mua hàng quốc tế.

Nhằm tận dụng hiệu quả các cơ hội này, trong những tháng cuối năm 2023, ngành Công Thương tập trung vào việc hoàn thiện các văn bản quy phạm

pháp luật về xuất nhập khẩu, kiến nghị những chính sách tài khóa tiền tệ để hỗ trợ doanh nghiệp gia tăng nguồn cung, tiết giảm chi phí và tạo ra nhiều sản phẩm cạnh tranh hơn. Đồng thời triển khai đồng bộ các chương trình trong chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đến năm 2030 và chiến lược phát triển một số mặt hàng chủ lực của nước ta. Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin thị trường, tập trung vào xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam uy tín, trong đó có hoạt động công bố các doanh nghiệp xuất khẩu uy tín của Việt Nam. Tận dụng hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại, trong đó tập trung vào việc sớm hoàn tất các thủ tục để tiến hành ký kết Hiệp định FTA với Israel; đẩy nhanh đàm phán ký kết hiệp định thương mại với các thị trường còn tiềm năng. Hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng các cam kết trong các Hiệp định FTA đã được ký kết, đặc biệt là các hiệp định thế hệ mới...

Bên cạnh các yếu tố trên, bức tranh kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm còn có những điểm sáng khác, tạo cú huých cho nền kinh tế bứt tốc những tháng cuối năm. Đó là, mặc dù tổng vốn FDI đăng ký 6 tháng đầu năm giảm 4,3% so với cùng kỳ năm 2022, nhưng vốn đầu tư cấp mới đạt gần 6,5 tỷ USD, tăng mạnh 31,3% và tăng 71,9% về số dự án cấp mới so với cùng kỳ năm 2022. Việc các nhà đầu tư quyết định đầu tư và mở rộng dự án hiện hữu khẳng định Việt Nam vẫn là điểm đến có sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đây là động lực để Việt Nam tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh an toàn để hút thêm vốn từ các nhà đầu tư trong thời gian tới.

Cùng với đó, giải ngân vốn đầu tư công cũng có chuyển biến

tích cực. Theo báo cáo Tổng cục Thống kê, vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm nay ước đạt 232,2 nghìn tỷ đồng; bằng 33% kế hoạch năm và tăng 20,5% so cùng kỳ năm trước. Với các chính sách thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công của Chính phủ, hy vọng trong 6 tháng còn lại của năm sẽ hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công - là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng của các tháng cuối năm.

Đánh giá thực tế, mức tăng trưởng 3,72% đạt được trong 6 tháng đầu năm là con số tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh đối diện với nhiều khó khăn thách thức ở cả trong và ngoài nước. Song để đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% cả năm, áp lực tăng trưởng 6 tháng cuối năm cũng rất lớn. Trả lời câu hỏi của phóng viên tại Hạp báo Chính phủ thường kỳ tháng 6/2023 diễn ra ngày 04/7/2023, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Trần Quốc Phương lưu ý rằng, để đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% như nghị quyết của Quốc hội thì tăng trưởng quý III/2023 tối thiểu phải đạt 7,4% và quý IV/2023 phải đạt 10,3%. Ngay cả khi tăng trưởng ở mức 6% thì tăng trưởng quý III/2023 cũng phải đạt 6,8% và quý IV/2023 phải đạt 9%. Đây là 2 con số rất thách thức trong bối cảnh từ nay đến cuối năm mà khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Dù vậy, tin tưởng rằng với sự nỗ lực của toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ và sự chủ động của cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta sẽ phát huy tối đa nội lực để khơi thông các động lực tăng trưởng, tạo đà thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm 2023./.

ĐỂ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ XUYÊN BIÊN GIỚI PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ

Gia Linh



Hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới ở Việt Nam

Cùng với cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, xu hướng chuyển đổi từ kinh doanh truyền thống sang các nền tảng số đang ngày càng trở nên phổ biến và được coi là giải pháp hữu hiệu giúp các doanh nghiệp thâm nhập và mở rộng thị trường xuất khẩu trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Đặc biệt, trong và sau đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp đã nỗ lực, tận dụng cơ hội, ứng dụng công nghệ thông tin để chuyển đổi, đẩy mạnh kinh doanh trực tuyến, chú trọng tới hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới. Tuy nhiên, đối với nhiều doanh nghiệp, thương mại điện tử xuyên biên giới vẫn là

vấn đề mới đòi hỏi nhiều kỹ năng để có thể sử dụng thành kênh kinh doanh hiệu quả và bền vững.

Thương mại điện tử xuyên biên giới không những tạo cơ hội cho doanh nghiệp nâng cao doanh số bán hàng, mà qua đó còn tìm kiếm mô hình hoạt động kinh doanh linh hoạt, tiết giảm chi phí, tối ưu nguồn lực để tiếp cận chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời có thể chủ động xây dựng thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, đối với doanh nghiệp xuất khẩu, thương mại điện tử xuyên biên giới còn khá mới mẻ với nhiều quy trình, quy định phức tạp về mặt pháp lý, thủ tục và tài chính của nước xuất khẩu, nước nhập khẩu và các nền tảng thương mại điện tử quốc tế. Có thể hiểu, thương mại điện tử

xuyên biên giới là hình thức mua - bán giữa một doanh nghiệp (hoặc người) ở quốc gia này với một doanh nghiệp (hoặc người) ở quốc gia khác thông qua việc đặt hàng và thanh toán trên các sàn thương mại điện tử và qua internet. Hình thức mua-bán này đang trở thành trào lưu của các quốc gia có nền tảng thương mại điện tử phát triển như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu (EU)... và lan rộng tới các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á như: Indonesia, Thái Lan, Việt Nam...

Báo cáo "Người bán hàng địa phương, Khách tiêu dùng toàn cầu: Xu hướng xuất khẩu thông qua thương mại điện tử tại Việt Nam" mới đây của Amazon Global Selling Việt Nam đã đánh giá cao mức độ tăng trưởng của thương mại điện tử xuyên biên giới tại Việt Nam với mức tăng trưởng trung bình đạt 20%/năm và dự kiến đạt doanh thu 11,1 tỷ USD vào năm 2026. Báo cáo cũng nhận định, nếu coi "thương mại điện tử xuyên biên giới" như là một ngành hàng xuất khẩu thì đây sẽ là ngành xuất khẩu thế mạnh đứng thứ 5 tại Việt Nam trong vòng 5 năm tới.

Thực tế, các doanh nghiệp Việt đã nhận thức rõ sự quan trọng của thương mại điện tử xuyên biên giới và nắm bắt khá nhanh nhạy xu hướng này. Gần 10 triệu sản phẩm Made-in-Vietnam được bán ra cho khách hàng Amazon

trên thế giới. Bất chấp những thách thức lớn từ đại dịch và sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu, số lượng các nhà bán hàng Việt Nam trên nền tảng này vẫn tăng hơn 80% so với cùng kỳ năm 2021. Đáng chú ý, ngành hàng bán chạy nhất của các doanh nghiệp Việt Nam nằm trong Top 5 trên Amazon bao gồm: Dụng cụ nhà bếp, Đồ gia dụng, May mặc, Sản phẩm chăm sóc sức khỏe và cá nhân, Tiện ích gia đình.

Các thị trường quốc tế dành cho nhà bán hàng Việt Nam khá phong phú, từ khu vực Bắc Mỹ (gồm Mỹ, Canada, Mexico), châu Âu (8 nước: Anh, Pháp, Ý, Đức, Tây Ban Nha, Hà Lan, Ba Lan, Thụy Điển) và một số quốc gia khác như Úc, Nhật Bản, Singapore, Ấn Độ, Ả Rập Xê Út... Tổng dân số lên tới hơn 2 tỉ người với hàng tỉ lượt truy cập vào Amazon mỗi năm.

Ngoài Amazon, sàn thương mại điện tử Alibaba.com cũng ghi nhận sự góp mặt của khoảng 2.000 doanh nghiệp Việt Nam với các mặt hàng như: Nông sản, thực phẩm chế biến-đóng gói, hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, may mặc...

Theo Sách Trắng Thương mại điện tử năm 2022, tỷ lệ người dân sử dụng Internet tại Việt Nam đã tăng từ 58,1% năm 2017 lên 75% năm 2022; tỷ lệ người tiêu dùng mua sắm trực tuyến qua Internet cũng tăng từ 33,6 triệu người năm 2017 lên 60 triệu người năm 2022. Các số liệu trong Sách Trắng cũng cho thấy, giá trị mua sắm trực tuyến của người dân Việt Nam đã tăng từ 186 USD/người năm 2017 lên 285 USD/người năm 2022. Doanh thu TMĐT B2C (thương mại điện tử bán lẻ) của Việt Nam tăng từ 6,2 tỷ USD lên 11,8 tỷ USD năm 2020 và đạt 16,4 tỷ USD năm 2022, tăng 20% so năm 2021;

tỷ lệ doanh thu TMĐT B2C so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước tăng từ 3,6% năm 2017 lên 7,8% năm 2022.

Còn theo báo cáo Nền kinh tế số Đông Nam Á lần thứ 7 do Google, Temasek và Bain&Company công bố, nền kinh tế số Việt Nam có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á với tổng giá trị hàng hóa tăng khoảng 28% từ 18 tỷ USD năm 2021 lên 23 tỷ USD năm 2022. Thống kê cho thấy, kinh tế số của Việt Nam tăng trưởng gấp 3-4 lần mức tăng trưởng GDP, đóng góp khoảng 15% GDP. Kinh tế số được cho là động lực tăng trưởng trong dài hạn, trung hạn và là yếu tố để Việt Nam đạt mốc trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045. Trong đó, thương mại điện tử và thương mại điện tử xuyên biên giới được coi là trụ cột của nền kinh tế số và là nhân tố chính tạo nên tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ này.

Những số liệu trên phần nào cho thấy, bức tranh thương mại điện tử nói chung và giao dịch xuyên biên giới nói riêng trong thời gian qua đã có những bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp lớn cho nền kinh tế. Theo số liệu của Tổng cục Thuế, lũy kế tính từ năm 2018 đến hết tháng 6/2022, các tổ chức như Google, Facebook, Microsoft... đã khai nộp thuế với tổng số tiền hơn 5.432 tỷ đồng. Riêng 6 tháng đầu năm 2022, các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam đã khai thay, nộp thay thuế nhà thầu gần 760 tỷ đồng, bằng 48% so với số thu năm 2021. Từ năm 2018 đến nay, tăng thu bình quân từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử đạt 30%/năm, số thu bình quân đạt khoảng 1.200 tỷ đồng/năm.

Để thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ

Bên cạnh những cơ hội phát triển, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu và mở rộng thị trường tiềm năng nhờ vào thương mại điện tử xuyên biên giới, hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới của Việt Nam vẫn tồn tại những bất cập đối với các doanh nghiệp về: Thông tin, năng lực, chi phí, quy định... Rào cản về văn hóa, ngoại ngữ, kiến thức về các thủ tục thông quan hàng hóa, thủ tục xuất nhập khẩu, quy trình thanh toán, vận chuyển... của nước xuất khẩu và các nền tảng thương mại điện tử quốc tế cũng như nền tảng công nghệ số và nhân lực số của Việt Nam còn yếu... là những trở ngại khiến các doanh nghiệp Việt gặp không ít khó khăn.

Báo cáo của Amazon cho biết, 80% doanh nghiệp cho rằng thiếu thông tin về các quy định liên quan của thị trường nước ngoài; 85% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng họ gặp rào cản về năng lực cạnh tranh trong khu vực và trên toàn cầu; 81% doanh nghiệp thừa nhận chưa được chuẩn bị để đáp ứng được sở thích và tâm lý của người tiêu dùng nước ngoài. Các chuyên gia nhận định, nếu doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ toàn diện hơn, ứng dụng thương mại điện tử vào xuất khẩu, trong 5 năm tới xuất khẩu qua thương mại điện tử xuyên biên giới của Việt Nam có thể đạt 300.000 tỷ đồng.

Để hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ, ổn định, các chuyên gia cho rằng, trước hết cần nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm kiểm soát chặt chẽ, đúng quy định pháp luật, tránh việc lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để trốn thuế,

vi phạm các chính sách mặt hàng, sở hữu trí tuệ... hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật phù hợp, tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp Việt Nam gia nhập sân chơi kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, cần đầu tư xây dựng và nâng cấp hạ tầng cho thương mại điện tử, đào tạo nguồn nhân lực số với đầy đủ kỹ năng về công nghệ, ngoại ngữ. Về phía các doanh nghiệp cần tìm hiểu các quy định về chất lượng, tiêu chuẩn hàng hóa cũng như các quy định về pháp lý liên quan nhập khẩu của thị trường nước nhập khẩu, bảo đảm hàng hóa đạt tiêu chuẩn chất lượng, có các chứng nhận phù hợp với yêu cầu của thị trường nhập khẩu...

Thời gian qua, nhiều cơ chế, chính sách đáp ứng thực tiễn đa dạng của hoạt động thương mại điện tử đã được ban hành, trong đó có Đề án Quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong giai đoạn hiện nay, để ra các giải pháp

quản lý hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, như việc hoàn thiện cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Xây dựng cơ sở dữ liệu liên quan đến hoạt động thương mại điện tử; Xây dựng chính sách quản lý giao dịch trong hoạt động thương mại điện tử. Hay như mới đây, ngày 22/6/2023, kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Giao dịch điện tử sửa đổi, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật sửa đổi mở rộng phạm vi điều chỉnh, mở rộng phạm vi áp dụng tới tất cả các hoạt động của đời sống xã hội. Đặc biệt là với vấn đề bảo đảm giá trị pháp lý của chữ ký điện tử, chứng thực điện tử, hợp đồng điện tử nói riêng và giá trị pháp lý của các giao dịch điện tử nói chung. Khi Luật Giao dịch điện tử chính thức có hiệu lực sẽ góp phần cải cách các thủ tục hành chính, rút gọn được quá trình xử lý hồ sơ giấy tờ,

tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, sáng kiến "Thương mại điện tử Xuyên biên giới: Kỳ nguyên bút phá" do Amazon vừa khởi xướng, được Bộ Công Thương bảo trợ nội dung, tập huấn trực tiếp lẫn trực tuyến trên khắp cả nước nhằm hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử xuyên biên giới cho 10.000 doanh nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2022-2026. Các doanh nghiệp và nguồn nhân lực trẻ của Việt Nam sẽ được đào tạo với hơn 20 khóa học đa dạng nội dung như: Thương mại điện tử xuyên biên giới, nghiên cứu thị trường, xây dựng danh mục sản phẩm, đăng ký và bảo vệ thương hiệu, quy trình bán hàng trên Amazon... là những tín hiệu đáng mừng cho hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển. Hy vọng, với những giải pháp và hành động thiết thực, hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới của Việt Nam sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ./

Thúc đẩy tăng trưởng xanh...

(Tiếp theo trang 11)

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy Việt Nam có nhiều tiềm năng, vị thế địa kinh tế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và đang đứng trước cơ hội rất lớn trong tăng trưởng xanh để có thể chuyển mình, bắt kịp, tiến cùng, vượt lên, tạo đà cho bước nhảy vọt về phát triển kinh tế-xã hội và môi trường.

Đại diện Tập đoàn Tư vấn Boston nhận định, trong bối cảnh các quốc gia dẫn đầu thế giới đang tăng tốc đẩy mạnh phát triển các công nghệ giải pháp nhằm chuyển đổi sang nền kinh tế xanh, sạch và ít carbon, cơ hội

đang mở ra cho Việt Nam đón đầu xu hướng để trở thành quốc gia dẫn đầu về công nghệ sạch trong khu vực và trên toàn cầu.

Để hiện thực hóa cơ hội, Tập đoàn Tư vấn Boston khuyến nghị Chính phủ tập trung vào bốn giải pháp gồm: Hoàn thiện thể chế chiến lược xanh; Xây dựng hệ thống tài chính xanh ổn định, giúp giảm chi phí vốn đầu tư; Phát triển hệ thống hạ tầng lưới điện, tạo nền móng để phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; Tăng tốc phát triển hệ sinh thái hydro sạch.

Về kế hoạch hành động sắp tới trong thực hiện lộ trình tăng trưởng xanh ở Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết sẽ ưu tiên đẩy mạnh triển khai Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thông qua xây dựng cơ chế chính sách đầu tư, hoàn thiện chính sách, khuôn khổ pháp lý và nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực đầu tư. Đặc biệt, Bộ sẽ phối hợp với các Bộ, ban ngành và địa phương để triển khai xây dựng danh mục các dự án tăng trưởng xanh trọng điểm cũng như xây dựng và triển khai các công cụ tài chính xanh phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam và bối cảnh quốc tế mới./

BÀI TOÁN GIÁO DỤC HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG CON NGƯỜI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

ThS. Nguyễn Phương Anh
Khoa Công tác xã hội – Đại học Lao động Xã hội

Tóm tắt

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, quy mô dân số Việt Nam đã không ngừng tăng lên trong những năm qua. Năm 2019, quy mô dân số Việt Nam là hơn 96,2 triệu dân, tăng thêm 10,4 triệu người chỉ trong 1 thập kỷ. Năm 2022, dân số trung bình của cả nước ước tính 99,46 triệu người. Như vậy, bước sang năm 2023, dân số Việt Nam cán mốc 100 triệu người – một dấu ấn tạo nhiều cơ hội thuận lợi để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững.

Là một quốc gia có dân số đông, Đảng ta xác định vai trò đặc biệt của nhân tố con người là động lực của sự phát triển xã hội, của sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Vì thế, xuyên suốt trong nghị quyết các kỳ đại hội, Đảng luôn đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sức lan tỏa mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, Đảng ta đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước. Nhiệm vụ này đặt ra bài toán giáo dục phát triển con người toàn diện trong cả ba môi trường gia đình, nhà trường và xã hội.

Từ khóa: Giáo dục, con người, chất lượng, phát triển, toàn diện

Con người luôn được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước

Cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, quy mô dân số Việt Nam đã không ngừng tăng lên trong những năm qua. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê, tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, tổng số dân của Việt Nam là hơn 96,2 triệu dân, trong đó, dân số nam là gần 47,9 triệu người, chiếm 49,8% và dân số nữ là trên 48,3 triệu người, chiếm 50,2%. Như vậy, sau 10 năm, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 10,4 triệu người. Dân số nhóm tuổi từ 15-64 tuổi (nhóm dân số có khả năng lao động) chiếm tỷ trọng cao với 68,0%, cho thấy Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”. Với quy mô dân số hơn 96,2 triệu người, Việt Nam

là quốc gia đông dân thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia và Philippines) và thứ 15 trên thế giới.

Đến năm 2022, quy mô dân số Việt Nam tiếp tục có xu hướng tăng với dân số trung bình của cả nước ước tính 99,46 triệu người, tăng 3,4% so năm 2019. Với tốc độ tăng này, bước sang năm 2023, dân số Việt Nam sẽ cán mốc 100 triệu người. Đây là một dấu mốc quan trọng, tạo nhiều cơ hội thuận lợi và là động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh và bền vững. Dấu mốc này tiếp tục giúp Việt Nam giữ vị trí là quốc gia đông dân thứ 15 trên thế giới.

Bảng 1: Quy mô dân số Việt Nam các năm

Năm	Tổng số (triệu người)	Chia ra			
		Nam		Nữ	
		Số lượng (triệu người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (triệu người)	Tỷ trọng (%)
2009	85,85	42,42	49,4	43,43	50,6
2019	96,21	47,88	49,8	48,33	50,2
2020	97,58	48,59	49,8	48,99	50,2
2021	98,51	49,10	49,8	49,41	50,2
2022	99,46	49,61	49,9	49,85	50,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Là một quốc gia có dân số đông, Đảng ta xác định vai trò đặc biệt của nhân tố con người là động lực của sự phát triển xã hội, của sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Vì thế, xuyên suốt trong nghị quyết các kỳ đại hội, Đảng ta luôn đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển đất nước. Với tư tưởng nhất quán đó, Đảng ta đã dành nhiều sự quan tâm nâng cao trí tuệ, cải thiện chất lượng sức khỏe, tầm vóc để phát triển con người Việt Nam hướng đến chân - thiện - mỹ.

Trong những năm qua, ngành giáo dục Việt Nam được giao trọng trách lớn, đóng vai trò rất quan trọng trong công cuộc tạo dựng con người với những viên gạch nền tảng là trang bị kiến thức, nâng cao trí tuệ, rèn luyện đạo đức, thể chất và bồi dưỡng tình cảm, thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên.

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố căn bản về nhân cách con người. Nhằm chăm lo phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm mọi trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, công bằng và bình đẳng, năm 2010, Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 với mục tiêu: Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.

Năm 2018, khi cả nước trong thời kỳ xã hội hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ, Chính phủ tiếp tục

phê duyệt Đề án Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025, nhằm củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu đến trường của trẻ em, theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; đa dạng hóa các phương thức, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực và quốc tế; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ em vào học lớp một; phát triển giáo dục mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi.

Sau 10 năm triển khai Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 và 2 năm thực hiện Đề án Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025, số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, tỷ lệ huy động trẻ đến trường tăng mạnh. Tổng số trẻ mầm non được đến trường là 5,3 triệu trẻ em (tăng 1,5 triệu trẻ so với năm học 2010-2011). Trong đó, có 1,6 triệu trẻ mẫu giáo 5 tuổi (tăng gần 333,5 nghìn trẻ). Năm 2019, tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đạt 99,6% (tăng 3,56% so với năm 2011). Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 99,9% (tăng 21,3%). Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo được học 2 buổi/ngày đạt 99% (tăng 21,3%).

Chất lượng giáo dục mầm non vẫn duy trì kết quả tốt trong năm học 2021-2022. Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,78%; tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 99,7%. Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi được học 2 buổi/ngày đạt 99,9%.

Bảng 2: Một số kết quả về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Năm học 2010-2011	Năm học 2019-2020	Năm học 2021-2022
Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi	96,0	99,6	99,8
Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non	78,6	99,9	99,7
Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo được học 2 buổi/ngày	77,7	99	99,9

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chất lượng giáo dục phổ thông cũng được cải thiện. Năm học 2021-2022, 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục của các trường phổ thông dân tộc nội trú dần được nâng lên. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của các trường phổ thông dân tộc nội trú đạt 99,7%; tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 98,7%.

Đặc biệt, học sinh Việt Nam gặt hái được nhiều thành tích ấn tượng trên các đấu trường quốc tế. Tiêu biểu là kết thúc đợt thi Olympic khu vực, quốc tế năm 2022, các đội tuyển Việt Nam đã đạt thành tích vượt trội với tổng số 32 Huy chương (gồm 12 Huy chương Vàng, 11 Huy chương Bạc, 9 Huy chương Đồng) và 5 Bằng khen. Trong đó, trên bảng xếp hạng

thế giới, đội tuyển Olympic Hóa học quốc tế xếp thứ 2; Olympic Toán học quốc tế xếp thứ 4; Olympic Vật lý quốc tế xếp thứ 5.

Đối với giáo dục thường xuyên, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được các địa phương quan tâm. Kết quả đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông của học viên Chương trình giáo dục thường xuyên trên toàn quốc là 93,32%.

Trong các cơ sở giáo dục đại học, nội dung, phương pháp và chương trình đào tạo giảng dạy thường xuyên được đổi mới, đào tạo nguồn nhân lực ngày càng có chất lượng cho thị trường lao động trong nước và quốc tế. Những nỗ lực đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo đã giúp 5 cơ sở giáo dục đại học Việt Nam lọt vào Bảng xếp hạng các trường Đại học Tốt nhất Toàn cầu năm 2022 (Best Global Universities) được Tạp chí uy tín của Hoa Kỳ - U.S. News & World Report công bố, gồm: Trường Đại học Duy Tân, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Kết quả trên đã góp phần cải thiện thứ hạng của Việt Nam trong bảng xếp hạng quốc gia về giáo dục năm 2021 (Best Countries for Education) của US News and World Report (dựa trên khảo sát toàn cầu về 3 thuộc tính cùng trọng số của mỗi quốc gia: Có hệ thống giáo dục công phát triển tốt; mọi người có cân nhắc theo học đại học ở đó hay không; quốc gia đó có cung cấp nền giáo dục chất lượng hàng đầu hay không), với vị trí 59, tăng 5 bậc so với năm 2020.

Bên cạnh nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, Việt Nam đồng thời chú trọng phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp mở, linh hoạt, đa dạng, bảo đảm

nguồn nhân lực lao động có kỹ năng nghề phục vụ các chương trình phục hồi kinh tế của đất nước, thích ứng được với sự thay đổi của sản xuất, kinh doanh trong kỷ nguyên số và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Năm 2022, hệ thống giáo dục nghề nghiệp cả nước tuyển sinh khoảng 2.448 nghìn người, đạt 117% kế hoạch đề ra. Trong đó, trình độ cao đẳng tuyển ước đạt được 236 nghìn người, đạt 103% kế hoạch; trình độ trung cấp ước tuyển được 312 nghìn người, đạt 104% kế hoạch. Trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo khác tuyển được 1,9 triệu người, đạt 122% kế hoạch. Cũng trong năm 2022, số lượng học viên trường nghề tốt nghiệp vào khoảng 2 triệu người, đạt 115% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, số tốt nghiệp trình độ trung cấp - cao đẳng đạt 346.000 người, trình độ sơ cấp và các chương trình nghề nghiệp khác đạt 1,75 triệu người. Những con số trên đã góp phần gia tăng tỉ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của Việt Nam.

Song song với việc tăng cường công tác giáo dục, Việt Nam cũng dành sự quan tâm lớn đến vấn đề

dinh dưỡng để cải thiện thể lực của người Việt Nam. Theo kết quả của Tổng điều tra Dinh dưỡng toàn quốc (2018- 2020) của Bộ Y tế, tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi (chiều cao/tuổi) ở trẻ em dưới 5 tuổi trên toàn quốc 19,6% (mức <20%), được xếp vào mức "Trung bình" theo phân loại của Tổ chức Y tế thế giới. Với kết quả này, Việt Nam đang trên đà đạt được Mục tiêu Dinh dưỡng toàn cầu (giảm 40% suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em đến năm 2025). Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em ở nhóm tuổi học đường 5 - 19 tuổi cũng giảm đáng kể từ 23,4% năm 2010 xuống 14,8% năm 2020.

Chiều cao trung bình của thanh niên Việt Nam cũng đã có những chuyển biến tích cực trong thời gian qua. Báo cáo của Bộ Y tế cho thấy, năm 2020, chiều cao trung bình của nam thanh niên Việt Nam 18 tuổi là 168,1 cm (tăng 3,7 cm so với năm 2010). Chiều cao trung bình của nữ thanh niên Việt Nam là 156,2 cm (tăng 1,4 cm so năm 2010). Chiều cao trung bình của người Việt Nam đang xếp thứ 4 trong khu vực Đông Nam Á gồm 11 nước, xếp sau Singapore, Thái Lan và Malaysia.



Trong những năm qua, cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần người dân được cải thiện đáng kể; công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng có tiến bộ. Vì thế tuổi thọ của người dân Việt Nam không ngừng tăng lên. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam đã tăng từ 73,4 tuổi lên 73,7 tuổi.

Sự tăng trưởng về kinh tế và những cải thiện các chỉ số y tế, giáo dục đã góp phần cải thiện thứ hạng HDI của Việt Nam trên thế giới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2016 - 2020, chỉ số tổng hợp HDI đã tăng từ 0,682 năm 2016 lên 0,687 năm 2017; 0,693 năm 2018; 0,703 năm 2019 và 0,706 năm 2020. Tính giai đoạn năm 2016 - 2020, chỉ số HDI tăng 0,024 với tốc độ tăng 3,52%; bình quân mỗi năm tăng 0,87%. Thứ hạng HDI của Việt Nam tăng từ vị trí 118 năm 2016; 119 năm 2017 và 118 năm 2018 lên vị trí 117 năm 2019 trong tổng số 180 quốc gia, vùng lãnh thổ thế giới. Đặc biệt, với chỉ số HDI đạt 0,703 năm 2019, Việt Nam đã diện tên mình vào nhóm Phát triển Con người Cao ($0,700 \leq \text{HDI} < 0,800$).

Bảng 3: HDI và thứ hạng của Việt Nam, các năm 2016-2019

Năm	Giá trị	Thứ hạng
2016	0,682	118
2017	0,687	119
2018	0,693	118
2019	0,703	117

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2021, dù tốc độ tăng trưởng trung bình chậm lại, các nhóm và cá nhân dễ bị tổn thương đã có những giai đoạn rất khó khăn, nhưng Việt Nam đã tránh được sự đảo ngược tiến bộ phát triển con người. Theo báo cáo

Phát triển con người (HDI) toàn cầu 2021/22 với chủ đề “Thời đại bất định, cuộc sống bất an: Xây dựng tương lai trong một thế giới đang chuyển đổi” được Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc tại Việt Nam công bố ngày 9/9/2022, năm 2021, giá trị HDI của Việt Nam là 0,703, về cơ bản không thay đổi so với giá trị của năm 2019. Tuy nhiên, Việt Nam đã tăng hai bậc trong bảng xếp hạng toàn cầu từ 117 vào năm 2019 lên 115 vào năm 2021.

Giải bài toán giáo dục để phát triển con người toàn diện

Kế thừa và phát triển quan điểm của các kỳ Đại hội trước, tại Đại hội XIII, Đảng tiếp tục khẳng định phát triển con người - nhân tố quyết định sự phát triển xã hội, để minh chứng sâu sắc cho quan điểm mang tính chiến lược: Tất cả do con người, tất cả vì con người, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Đảng chủ trương: *“Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm phát triển bền vững; phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân”*.

Đề ra những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về xây dựng, phát triển con người Việt Nam toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội đất nước, Đại hội XIII của Đảng khẳng định, trước hết, lấy con người làm trung tâm và kiên định phát triển con người Việt Nam toàn diện.

Thực hiện chủ trương trên, Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ, cần:

“Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc”; thực hiện phương châm: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)”.

Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ khóa XV ngày 11/8/2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu: “Con người phát triển toàn diện còn là con người có sự cân bằng giữa cuộc sống vật chất và tinh thần, hài hòa giữa các nhu cầu kinh tế và đời sống đạo đức, văn hóa. Đó cũng là những người có tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, năng lực sáng tạo, giàu lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết để có thể xây dựng thành công một quốc gia phồn vinh, hạnh phúc”.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sức lan tỏa mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đời sống kinh tế xã hội đất nước thay đổi theo cả chiều hướng tích cực và kèm theo cả những thách thức; đồng thời đã và đang làm thay đổi sâu sắc về cách sống, cách làm việc của mỗi con người. Trong vòng xoáy đó, bài toán giáo dục để phát triển con người toàn diện được đặt ra để đào tạo ra những “công dân toàn cầu”, có khả năng hành động hợp tác, có trách nhiệm, sáng tạo giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng nhưng vẫn mang bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam cùng năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Để phát triển con người toàn diện, ba môi trường là gia đình, nhà trường và xã hội đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác giáo dục.

Gia đình là chiếc nôi hình thành, giáo dục và nuôi dưỡng nhân cách con người, là môi trường đầu tiên đưa con người trở thành những "con người xã hội". Để có được thể hệ trẻ phát triển toàn diện, Nhà nước cần có quy định rõ hơn về vai trò, trách nhiệm của gia đình tham gia vào hoạt động giáo dục con người toàn diện, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong mỗi gia đình, bên cạnh việc kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống cần học hỏi, tiếp thu những giá trị mới của gia đình hiện đại thời kỳ hội nhập (như năng động, sáng tạo; dân chủ, bình đẳng trong quan hệ; công bằng trong trách nhiệm và thụ hưởng; không phân biệt đối xử giới; tôn trọng tự do cá nhân, tôn trọng sự lựa chọn cá nhân; ý thức thượng tôn pháp luật...) để xây dựng những quy chuẩn mới cho giáo dục gia đình.

Muốn làm được điều đó, cha mẹ cần thường xuyên quan tâm đến con cái, để hiểu và nắm bắt được những biểu hiện con trẻ trong đời sống thường ngày, từ đó kịp thời góp ý, định hướng cho con cái, giúp chúng biết điều chỉnh, hoàn thiện mình. Trong giáo dục gia đình, người lớn cần nêu gương cho trẻ nhỏ học tập, làm theo những điều tốt đẹp, có giá trị văn hóa, đạo đức cao quý; thiết lập môi trường giáo dục gia đình có tính dân chủ, bình đẳng, để góp phần hình thành năng lực, bản lĩnh cần thiết của mỗi con người được giáo dục hiện đại từ khi còn nhỏ. Mỗi bậc cha, mẹ cần không ngừng học hỏi, tích lũy thêm

kiến thức, kỹ năng về nuôi dưỡng và dạy dỗ con cái theo mô hình nhân cách theo định hướng cá nhân là công dân xã hội toàn cầu. Thiết lập và duy trì sự kết nối, chia sẻ giữa gia đình với nhà trường để từ đó có phương pháp giáo dục phù hợp, toàn diện và có định hướng đúng đắn với từng trẻ nhỏ.

Phát triển con người toàn diện cũng đặt ra trọng trách lớn đối với ngành giáo dục Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng đất nước, của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, ngành giáo dục Việt Nam cần có những giải pháp đào tạo một thế hệ trẻ có đạo đức, trí tuệ, thể chất tâm hồn và tình cảm. Một trong những giải pháp cốt lõi là "đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam". Ngành giáo dục cần xây dựng một môi trường học mở, có tính phản biện; chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực - dựa trên trải nghiệm; đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng phát huy tính tích cực, sự sáng tạo của người học; đề cao tinh thần "đổi mới sáng tạo", phát huy trí thông minh, óc sáng tạo của con người Việt Nam. Đồng thời, tăng cường giáo dục về nghệ thuật nhằm nâng cao năng lực mỹ cảm, thị hiếu lành mạnh của mỗi bạn trẻ; sử dụng tiếp cận đánh giá toàn diện thông qua các công cụ phù hợp trong đánh giá năng lực công dân toàn diện.

Bên cạnh việc "dạy chữ", "dạy nghề", ngành giáo dục Việt Nam cũng cần chú trọng cả việc "dạy làm người", phối hợp với gia đình tập trung giáo dục đạo đức, lối sống, nhân cách của thế hệ trẻ, để hình thành những con người vừa tôn trọng đạo lý truyền thống, vừa có những phẩm chất đạo đức của thời đại mới.

Môi trường xã hội cũng đóng vai trò không thể thiếu trong giáo dục phát triển con người toàn diện. Cần thiết xây dựng một xã hội học tập, một xã hội văn minh với các giá trị chân, thiện, mỹ; biết phê phán và lên án những hành động đi trái với những quy chuẩn đạo đức xã hội; giáo dục con người toàn diện.

Với những giải pháp trên, tin tưởng rằng công cuộc phát triển, xây dựng con người Việt Nam sẽ đạt được nhiều thành tựu mới; con người ngày càng toàn diện, trở thành công dân toàn cầu, góp phần xây dựng thành công một quốc gia phồn vinh, hạnh phúc"./.

Tài liệu tham khảo:

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội toàn quốc lần thứ XIII;

Chính phủ, Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015;

Chính phủ, Đề án Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025;

Tổng cục Thống kê, Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009; 2019;

Tổng cục Thống kê, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020, quý IV và năm 2021, quý IV và năm 2022;

Tổng cục Thống kê, Báo cáo Chỉ số phát triển con người Việt Nam giai đoạn 2016-2020;

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kết quả 10 năm thực hiện Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021-2022;

Bộ Y tế, Kết quả Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020;

Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Báo cáo Phát triển con người (HDR) toàn cầu 2021/22 "Thời đại bất định, cuộc sống bất an: Xây dựng tương lai trong một thế giới đang chuyển đổi";

Tạp chí Cộng sản, Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, GS, TS. Nguyễn Quý Thanh - PGS, TS. Trần Thành Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 24-10-2020.

CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2050

Một số mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

ThS. Nguyễn Văn Hoàn

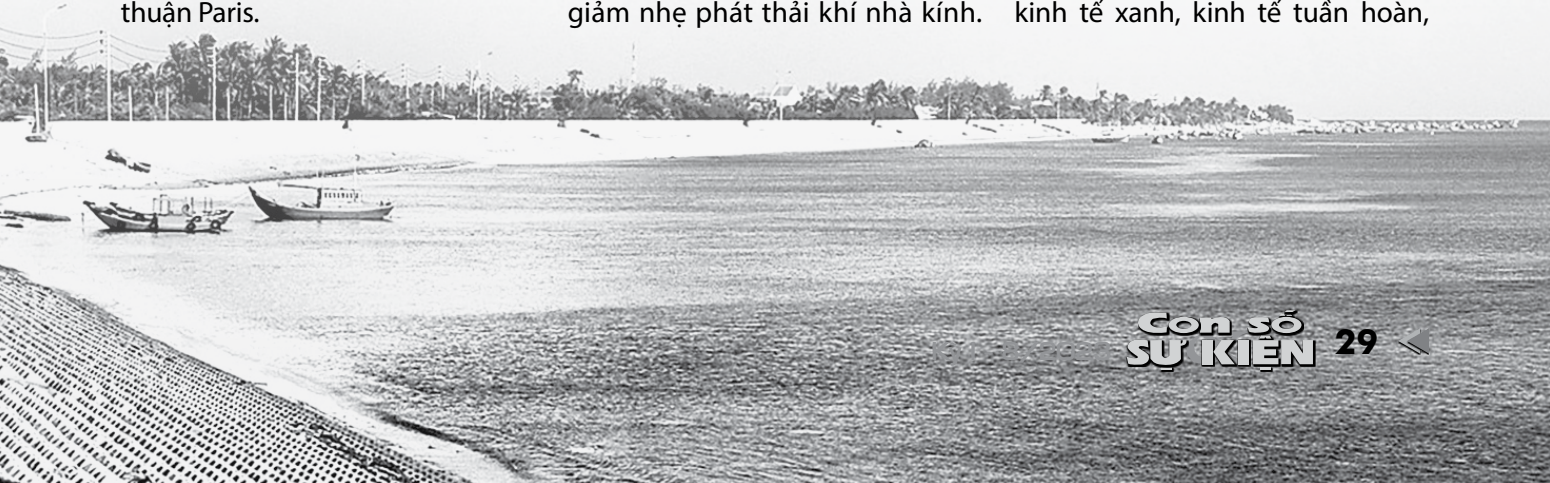
Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Ninh

Là một trong những quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, Việt Nam luôn chủ động và tích cực triển khai nhiều hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới phát triển xanh. Thời gian qua, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta đã đạt được những kết quả ban đầu quan trọng. Theo đó, nhiều chính sách, chương trình, hành động về biến đổi khí hậu đã được ban hành và triển khai thực hiện như: Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định rõ các nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu. Đến nay, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật đã và đang được ban hành, triển khai thực hiện, là cơ sở pháp lý quan trọng thực hiện các cam kết về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện Thỏa thuận Paris, đáp ứng các yêu cầu minh bạch quy định tại Bộ quy tắc hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận Paris.

Tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 đã nêu rõ, thời gian tới Việt Nam cần chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế. Đây là những mục tiêu cơ bản và cũng là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đảm bảo các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, đạt được mức phát thải ròng bằng "0", đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn ra nghiêm trọng trên toàn thế giới.

Cùng với đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra những định hướng lớn để phát triển đất nước, ứng phó với biến đổi khí hậu là một trong những nội dung quan trọng, bao gồm chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Các nhà hoạch định chính sách cho biết, trước xu thế biến đổi khí hậu và bối cảnh toàn cầu mới, ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta phải chuyển sang một giai đoạn mới, cần được đặt ở vị trí trung tâm, hướng tới thực hiện mục tiêu toàn cầu và được thực hiện hiệu quả, thực chất và minh bạch, đồng thời thúc đẩy xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn,



Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 được xây dựng, ban hành nhằm cập nhật những xu thế mới của quốc tế cũng như định hướng rõ các vấn đề cấp bách, ưu tiên gắn với việc thực hiện Thỏa thuận Paris, các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. Đồng thời, chủ động thích ứng hiệu quả, giảm mức độ dễ bị tổn thương, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; giảm phát thải khí nhà kính theo mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, đóng góp tích cực và trách nhiệm với cộng đồng quốc tế trong bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; tận dụng cơ hội từ ứng phó biến đổi khí hậu để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

Một số mục tiêu cụ thể

Về thích ứng với biến đổi khí hậu

Giảm mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu.

- Đến năm 2030: Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia. Bảo đảm độ che phủ rừng ít nhất 42%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 9% diện tích lãnh thổ đất liền, diện tích vùng biển và ven biển được bảo tồn đạt ít nhất 5% diện tích tự nhiên vùng biển của quốc gia.

Bảo đảm ít nhất 95% dân số được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu. Trình độ khoa học và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai ngang tầm các nước phát triển khu vực châu Á. Bảo đảm 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân sinh sống

ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn...

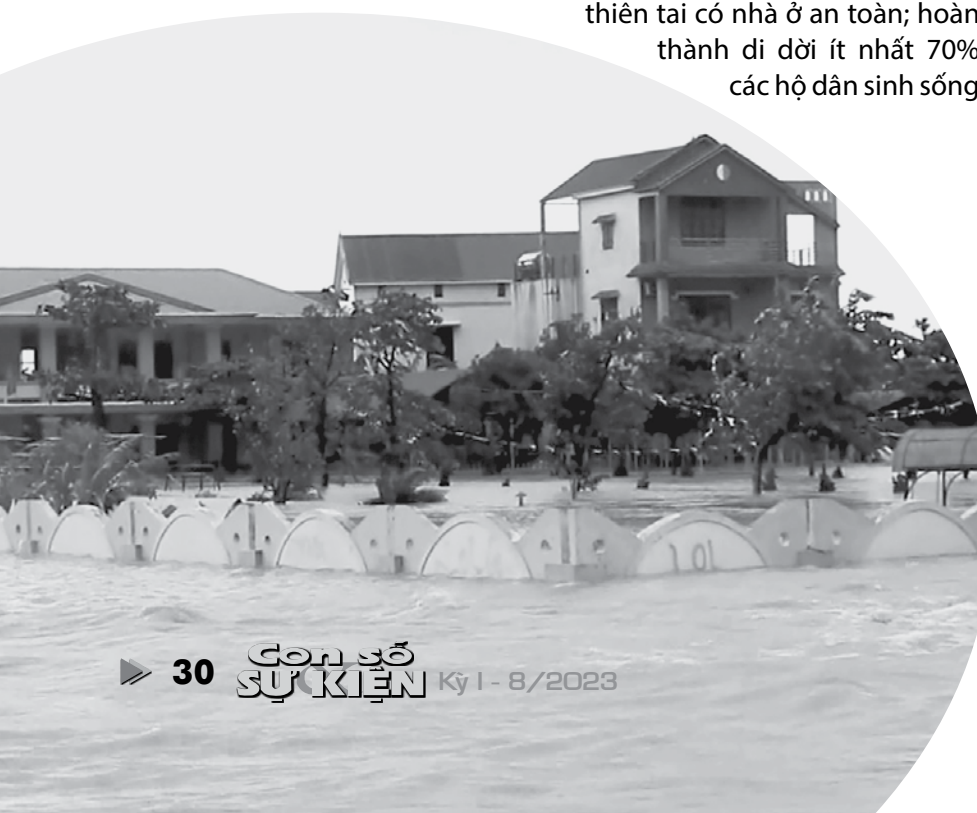
- Đến năm 2050: Quản lý hiệu quả tài nguyên nước và đất, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm vững chắc an ninh tài nguyên nước quốc gia. Tiếp tục phát triển nền nông nghiệp thông minh hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu và có giá trị gia tăng cao. Giữ vững độ che phủ rừng ổn định ở mức 43% và đảm bảo lâm phận rừng quốc gia; nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững; diện tích các khu bảo tồn biển và ven biển đạt 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

Bảo đảm 100% dân số được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 90% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Trình độ, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai tương đương với các nước phát triển; dịch vụ khí hậu đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội...

Về giảm phát thải khí nhà kính

Nỗ lực đạt mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, tích cực đóng góp có trách nhiệm cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất; nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đến năm 2030, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia giảm 43,5% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Trong đó: Lĩnh vực năng lượng giảm 32,6%, lượng phát thải không vượt quá 457 triệu tấn CO₂ tương đương (CO₂tđ); lĩnh vực nông nghiệp giảm 43,0%, lượng phát thải không vượt quá 64 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực lâm nghiệp,



sử dụng đất giảm 70% lượng phát thải và tăng 20% lượng hấp thụ các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -95 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực chất thải giảm 60,7%, lượng phát thải không vượt quá 18 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 38,3%, lượng phát thải không vượt quá 86 triệu tấn CO₂tđ. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 2.000 tấn CO₂tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính.

- Đến năm 2050, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính quốc gia đạt mức phát thải ròng bằng "0"; lượng phát thải đạt đỉnh vào năm 2035, sau đó giảm nhanh. Trong đó: Lĩnh vực năng lượng giảm 91,6%, lượng phát thải không vượt quá 101 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực nông nghiệp giảm 63,1%, lượng phát thải không vượt quá 56 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực lâm nghiệp, sử dụng đất giảm 90% lượng phát thải, tăng 30% lượng hấp thụ các-bon, tổng lượng phát thải và hấp thụ đạt ít nhất -185 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực chất thải giảm 90,7%, lượng phát thải không vượt quá 8 triệu tấn CO₂tđ; lĩnh vực các quá trình công nghiệp giảm 84,8%, lượng phát thải không vượt quá 20 triệu tấn CO₂tđ. Các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 200 tấn CO₂tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải khí nhà kính...

Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược

Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Nhóm nhiệm vụ nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảm bảo sinh kế bền vững, bao gồm: Ngăn chặn tình trạng suy giảm, suy thoái, phục hồi các nguồn tài nguyên;

Xây dựng một nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, có giá trị gia tăng cao và bảo đảm an ninh lương thực; Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt tài nguyên rừng và các hệ sinh thái; Tập trung phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu; Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe; Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới.

Nhóm nhiệm vụ giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu, bao gồm: Dự báo và cảnh báo sớm, tăng cường đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu; Phát triển các công trình phòng chống thiên tai để phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, giảm thiểu những rủi ro trước tác động của biến đổi khí hậu; Bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản người dân trước tác động của biến đổi khí hậu.

Giảm phát thải khí nhà kính

Nhóm nhiệm vụ chung về giảm phát thải khí nhà kính tập trung xây dựng các kế hoạch hành động giảm phát thải; thực hiện kiểm kê khí nhà kính; xây dựng tổng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; hoàn thiện cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng: Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các giải pháp công nghệ đột phá; Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch. Xây dựng công trình, nhà ở chống nắng nóng, sử dụng các giải pháp làm mát xanh, dựa vào tự nhiên để giảm hiệu ứng đảo nhiệt đô thị, sử dụng vật liệu ít phát thải khí nhà kính, vật liệu tái chế. Sử dụng hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải, thực hiện lộ trình chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu sạch cho các phương tiện giao thông.

Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực nông nghiệp: Áp dụng các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp thông qua các biện pháp quản lý, đổi mới công nghệ trong trồng trọt, chăn nuôi, thay đổi phương thức sử dụng đất, phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp phát thải thấp và chế biến, bảo quản sau thu hoạch. Phát triển nông nghiệp hữu cơ bền vững, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, quản lý cây trồng tổng hợp, tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; cải thiện khẩu phần thức ăn trong chăn nuôi...

Giảm phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp và sử dụng đất: Bảo vệ diện tích rừng tự nhiên nhằm kiểm soát nghiêm ngặt chuyển đổi rừng, mất rừng và suy thoái rừng để giảm phát thải khí nhà kính.

Giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải: Triển khai

thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải.

Giảm phát thải khí nhà kính trong các quá trình công nghiệp và sử dụng sản phẩm công nghiệp: Cải tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng; phát triển và sử dụng vật liệu xây dựng tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh trong lĩnh vực nhà ở và thương mại. Thay than đá bằng khí tự nhiên trong sản xuất gạch ốp lát; sử dụng vật liệu thay thế trong sản xuất kính...

Hoàn thiện thể chế, phát huy tiềm năng và nguồn lực ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về biến đổi khí hậu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia phù hợp với mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. rà soát, sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giai đoạn 2021-2030 phù hợp với các mục tiêu Chiến lược. Xây dựng kế hoạch triển khai các cam kết quốc tế về rừng và sử dụng đất, chuyển dịch sang năng lượng sạch, chuyển đổi phương tiện giao thông sử dụng năng lượng sạch.

Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư giảm phát thải trong các lĩnh vực; các chính sách thương mại và phát triển thúc đẩy phát triển bền vững; sản xuất và tiêu dùng hàng hóa bền vững và không làm mất rừng và suy thoái rừng; nông nghiệp bền vững, bảo đảm an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường.

Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng. Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông quốc gia, tổ chức các lớp tập huấn cho chính quyền các cấp, tổ chức xã hội và cộng đồng.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển đội ngũ chuyên gia chất lượng cao về kiểm kê khí nhà kính, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính, phát triển thị trường cacbon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với biến đổi khí hậu đáp ứng yêu cầu quản lý.

Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển, ứng dụng công nghệ tập trung vào công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại trong chuyển đổi sản xuất năng lượng. Nghiên cứu xây dựng bổ sung, cập nhật tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế các công trình, cơ sở hạ tầng xanh có tính đến tác động của biến đổi khí hậu trong dài hạn.

Huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi để thu hút các dòng vốn đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, người dân.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy hoạt động ngoại giao khí hậu, tích cực và chủ động tham gia các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu về ứng phó với biến đổi khí hậu.../.



Nuôi trồng thủy sản thành phố Cần Thơ có nhiều điểm sáng

Tính đến ngày 15/7/2023, diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) của Cần Thơ ước đạt 3.328 ha, tăng 10,27% so với cùng kỳ. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 618 ha, tăng 1,15% so cùng kỳ 2022, diện tích các loại cá như: Cá trê, cá rô, điều hồng, chép... thả nuôi lũy kế được 2.693 ha, tăng 12,68%.

Tháng 7/2023, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 23.397 tấn, tăng 8,01% so với cùng kỳ. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 22,4 nghìn tấn, tăng 8% so với cùng kỳ và sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 983 tấn, tăng 8,13%. Tính chung 7 tháng năm 2023, tổng sản lượng thủy sản của Cần Thơ ước đạt 134,8 nghìn tấn, tăng 5,85% so cùng kỳ 2022. Sản lượng thủy sản nuôi trồng nội địa ước đạt 131,9 nghìn tấn, tăng 5,81% so cùng kỳ năm trước (sản lượng nuôi cá ước đạt 131.420 tấn, tăng 5,80%, trong đó cá tra đạt 115,2 nghìn tấn, tăng 4,48%); và sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 2.914 tấn, tăng 7,61%./.

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Cần Thơ

Sản xuất công nghiệp tại Trà Vinh tiếp tục phát triển

Tháng 7/2023, sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh tiếp tục phát triển, đặc biệt với sự hoạt động trở lại của nhà máy Nhiệt điện



TIN ĐỊA PHƯƠNG

Duyên Hải đã đẩy chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7/2023 tăng 60,55% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 14,74% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 16,51%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,73%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 19,04%; ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 6,78%.

Chỉ số sản xuất 7 tháng năm 2023 của một số ngành thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất trang phục tăng 35,73%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 46,39%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 30,29%;... Tuy nhiên, một số ngành giảm so với cùng kỳ năm trước như: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 14,75%, sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 7,82%,...

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022 như: Tôm đông lạnh tăng 1,77%; túi xách tăng 3,09%; các bộ phận của giày dép bằng da tăng 8,21%; thuốc chứa penicillin hoặc kháng sinh dạng viên tăng 61,93%; dược phẩm chứa hoocmôn nhưng không chứa kháng sinh dạng viên tăng 40,56%; bộ dây dẫn điện xe ô tô tăng 6,88%; điện sản xuất tăng 19,02%, trong đó Nhiệt điện tăng 20,19%; .../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh

Thu - chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong 7 tháng năm 2023 ước thực hiện được 3.698 tỷ đồng, đạt 64,11% dự toán năm, giảm 12,26% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được 271,3 tỷ đồng, đạt 77,07% dự toán năm và giảm 77,27% so với cùng kỳ. Các khoản thu nội địa tăng so với cùng kỳ năm trước như: Thu từ

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 84,78% dự toán năm và tăng 103,01%; thu tiền sử dụng đất đạt 96,65% dự toán năm và tăng 54,29%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 76,75% dự toán năm và tăng 46,52%; thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương đạt 57,6% dự toán năm và tăng 15,35%; thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 63,63% dự toán năm và tăng 11,96%; thu xổ số kiến thiết đạt 58,39% dự toán năm và tăng 10,17%;...

Tổng chi ngân sách của tỉnh Vĩnh Long trong 7 tháng năm 2023 ước thực hiện được 4.721,3 tỷ đồng, đạt 41,63% dự toán năm và tăng 13,18% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi đầu tư phát triển được 1.603,9 tỷ đồng, đạt 30,78% dự toán năm và tăng 32,98%; chi thường xuyên được 2.982,9 tỷ đồng, đạt 52,77% dự toán năm và tăng 4,82%/.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Long

Kiên Giang tập trung các giải pháp tăng trưởng huy động vốn, tháo gỡ khó khăn

Các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tiếp tục tập trung các giải pháp về tăng trưởng huy động vốn, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là đảm bảo các nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, huy động vốn và tín dụng duy trì tăng trưởng phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Ước đến cuối tháng 7 năm 2023, một số chỉ tiêu đạt cụ thể như sau: Vốn huy động tại địa phương tiếp tục tăng trưởng, ước đạt 71.600 tỷ đồng (tăng 0,21% so tháng trước, tăng 4,42% so cuối năm 2022).

Doanh số cho vay trong tháng ước đạt 17.500 tỷ đồng (trong đó, 83% doanh số cho vay là phục vụ sản xuất kinh doanh); dư nợ tín dụng ước đạt 119.800 tỷ đồng, tăng 0,84% so tháng trước, tăng 5,03% so cuối năm 2022./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang

ĐẦU TƯ CHO VÙNG TRỒNG DƯỢC LIỆU QUÝ

GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Thu Hiền



Hiện nay, xu hướng dùng thuốc từ thảo dược thay thế cho thuốc hóa dược đang được cả thế giới đón nhận, do đó, nhu cầu về nguồn nguyên liệu thảo dược đang ngày càng tăng cao. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) cho biết, có đến 80% dân số toàn cầu sử dụng thảo dược để chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tổng giá trị thị trường sản phẩm từ thảo dược toàn cầu năm 2021 ước tính khoảng 230 tỷ USD, dự báo có thể đạt 430 tỷ USD vào năm 2028 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 11,32%. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng chung khi mỗi năm, ngành Y tế cần khoảng 100 nghìn tấn dược liệu với tổng giá trị thị trường bình quân trên 400 triệu USD/năm để sử dụng trong điều trị và sản xuất dược phẩm.

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) là một trong những nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu và được cụ thể hóa tại Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030. Các nhiệm vụ, giải pháp đưa ra đều nhằm mục tiêu phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao chất lượng sống cho đồng bào DTTS&MN với quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau; trong đó giải pháp đầu tư, phát triển vùng trồng dược liệu quý đang dành được nhiều sự quan tâm.

Hiện, một số doanh nghiệp Việt Nam đã tham gia vào chuỗi giá trị trồng và xuất khẩu nhiều loại dược liệu như: Quế, hồi, thảo quả, nghệ, hòe, kê huyết đằng... Tuy nhiên, sản lượng dược liệu xuất khẩu của Việt Nam còn mang tính chất riêng lẻ, nhất là những sản phẩm xuất khẩu có thể mạnh như: Quế, hồi, thảo quả, nghệ, hòe... được sản xuất và xuất khẩu với quy mô nhỏ, còn manh mún và chỉ chiếm góc nhỏ trên bản đồ thị phần dược liệu thế giới. Năm 2022, mặc dù tổng giá trị xuất khẩu quế, hồi liên tục tăng nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu dược liệu của Việt Nam chỉ đạt 276 triệu USD, một con số rất khiêm tốn so với thị phần dược liệu trên toàn thế giới. Giá trị thặng dư từ xuất khẩu dược liệu cũng không cao do phần lớn dược liệu của Việt Nam được xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô, giá trị thấp. Không những thế, Việt Nam vẫn cần phải nhập khẩu lượng lớn dược liệu (chủ yếu từ Trung Quốc) để đáp ứng nhu cầu dược liệu và bào chế dược phẩm trong nước.

Thực tế hiện nay, nguồn tài nguyên phát triển dược liệu của Việt Nam chưa thực sự được đầu tư, khai thác, phát triển đúng với tiềm năng. Trong khi, trên bản đồ dược liệu thế giới, Việt Nam được đánh giá có nguồn dược liệu đa dạng, nhất là tỷ lệ dược liệu tự nhiên quý hiếm còn rất phong phú. Theo Cục Quản lý Y dược cổ truyền (Bộ Y tế), Việt Nam có vốn

tri thức y học cổ truyền dân tộc với nhiều bài thuốc có giá trị, là một kho tàng vô giá để tạo ra các sản phẩm từ dược liệu bao gồm thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, sản phẩm chăm sóc bảo vệ sức khỏe, hóa mỹ phẩm... Bên cạnh đó, Việt Nam có tiềm năng to lớn về phát triển dược liệu với 5.117 loài khác nhau, trong đó có nhiều loại dược liệu quý, hiếm. Với đặc điểm địa hình và lợi thế thổ nhưỡng phù hợp trồng nhiều loại dược liệu quý, các vùng núi của Việt Nam là nơi có thể sản xuất được những sản phẩm thảo dược chất lượng cao.

Theo các chuyên gia, để tăng kim ngạch xuất khẩu dược liệu, Việt Nam cần phải hình thành các vùng sản xuất dược liệu chuyên canh, tập trung, quy mô đủ lớn; phải được quản lý truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới; về thực hành tốt nuôi trồng và thu hái và sản xuất dược liệu hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc tế cũng như của các nước nhập khẩu. Trong đó, sâm và dược liệu quý được xác định là đối tượng có nhiều tiềm năng và lợi thế của các địa phương thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, được Chính phủ lựa chọn đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm tạo sinh kế và tăng thu nhập ổn định, bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số trong khu vực triển khai dự án.

Việc đầu tư phát triển dược liệu trở thành một ngành kinh tế kỹ thuật không chỉ xuất phát từ nhu cầu thực tế phục vụ cho công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, mà còn góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân vùng dân tộc thiểu số miền núi, nông thôn. Bên cạnh Chương trình phát triển công nghiệp dược,

dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 dành cho cả nước, phát triển vùng trồng dược liệu quý cũng được xác định là một trong những dự án thiết thực nhằm góp phần hiện thực hóa Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình). Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý là nội dung số 02 của Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 về Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị trong Chương trình.

Mục tiêu đặt ra là, bước đầu hình thành hệ thống chuỗi giá trị phát triển dược liệu quý; hình thành ý thức nuôi trồng dược liệu theo chuỗi giá trị và bảo tồn nguồn gen dược liệu đảm bảo các quy trình và tiêu chuẩn quản lý chất lượng; kết hợp bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Các dự án phát triển sâm và dược liệu quý có hoạt động ở các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng tối thiểu 50% lao động là người dân tộc thiểu số (ưu tiên các dự án sử dụng trên 50% lao động là nữ), do các tổ chức kinh tế và cá nhân, hộ gia đình người dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống trong vùng có điều kiện tự nhiên phù hợp cùng tham gia thực hiện và cam kết hỗ trợ thu mua, sản xuất, tiêu thụ dược liệu trong vùng; đồng thời hướng đến các thôn, xã, huyện, tỉnh là nơi triển khai dự án.

Chương trình được triển khai với một số nội dung cụ thể như sau: Địa phương nơi triển khai dự án căn cứ điều kiện thực tế hỗ trợ,

bố trí, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước) để phục vụ dự án phát triển vùng nguyên liệu. Ưu tiên hỗ trợ các dự án nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn thực hiện dự án để hình thành vùng nguyên liệu. Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, cơ sở bảo quản dược liệu quý và mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án. Ưu tiên hỗ trợ các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao. Hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ. Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng. Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm. Đối với các dự án trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ 01 lần tối đa 80% chi phí sản xuất giống gốc và 50% chi phí sản xuất giống thương phẩm. Hỗ trợ vay vốn tín dụng chính sách theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên

là người dân tộc thiểu số. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng hệ thống kết nối chuỗi giá trị dược liệu và sản phẩm y dược cổ truyền được truy xuất nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng; xúc tiến thương mại cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Trong bối cảnh cạnh tranh thương mại quốc tế ngày càng gay gắt cùng những khó khăn do suy thoái, bất ổn như hiện nay, để tham gia vào thị trường thảo dược toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải đầu tư mạnh về khoa học - công nghệ, giống, phát triển vùng trồng dược liệu trên quy mô lớn, tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn của nước nhập khẩu. Theo chương trình, giai đoạn I từ năm 2021 đến 2025 sẽ đầu tư hỗ trợ phát triển dược liệu quý được triển khai thí điểm theo hình thức dự án liên kết chuỗi giá trị tại 22 huyện của 21 tỉnh, với 18 dự án vùng trồng dược liệu quý và 4 dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao. Dự án kỳ vọng thu hút được doanh nghiệp đầu tư góp phần hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, giải quyết việc làm cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Với quy mô vùng trồng và sản lượng tính toán, dược liệu quý trong Chương trình còn được kỳ vọng có thể xuất khẩu ra thị trường quốc tế, đóng góp vào tăng trưởng GDP cho nền kinh tế nước nhà.

Vì vậy, việc đầu tư phát triển cùng trồng dược liệu tại vùng với đồng bào DTTS&MN cả về nguồn vốn, kỹ thuật là một quyết sách đúng đắn và kịp thời, cho thấy sự quan tâm của Chính phủ nhằm phát triển tiềm năng lợi thế gắn với phát triển kinh tế - xã hội thông qua Chương trình MTQG dành riêng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Chương trình mang ý nghĩa quan trọng, là quyết sách mang tính chiến lược trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn phát triển dược liệu với sinh kế của người dân./

Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM đã mang lại hiệu quả thiết thực, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở nông thôn. Với kinh nghiệm sau 10 năm thực hiện xây dựng NTM (giai đoạn 2010-2020), cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các địa phương đã chủ động hơn trong triển khai Chương trình ngay từ những năm đầu giai đoạn 2021-2025. Trong 02 năm (2021-2022), Chương trình đã hoàn thành mục tiêu được Chính phủ giao, trong đó có một số chỉ tiêu vượt so kế hoạch. Đến nay, cả nước có 6.022/8.177 xã (73,65%) đạt chuẩn NTM (tăng 11,3% so với cuối năm 2020). Có 263 đơn vị cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM, tăng 90 đơn vị so cuối năm 2020 (chiếm khoảng 40,8% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước). 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có 100% số xã đạt chuẩn NTM (tăng 07 địa phương so với cuối năm 2020). Mục tiêu hoàn thành xây dựng NTM tiếp tục được các địa phương xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và hàng năm. Đóng góp vào thành công của Chương trình, hệ thống Mặt trận Tổ quốc đã bám sát các chủ trương, nhiệm vụ xây dựng NTM cụ thể hóa trong thực hiện các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Các tổ chức chính trị - xã hội với các mô hình hay, cách làm sáng tạo đã góp phần vào thành công của chương trình NTM.

Trong chương trình xây dựng NTM, với trách nhiệm đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam luôn tuyên truyền cho nhân dân hiểu về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, từ đó vận động nhân dân tham gia hưởng ứng, đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ngay sau khi triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, Hội nghị lần thứ ba, khóa VII của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã bàn và đề ra nhiệm vụ. Theo đó, MTTQ Việt Nam xác định giải pháp để Mặt trận tham gia xây dựng NTM thông qua các cuộc vận động và các phong trào thi đua yêu nước, trực tiếp là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và nay là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Những năm qua, thông qua cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua, MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận ở các cấp đã tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, góp phần quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM. Qua đó, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp ở từng địa phương. Trong xây dựng nông thôn mới, MTTQ Việt Nam các cấp vận động nông dân giúp nhau phát triển kinh tế; vận động các nguồn lực đóng góp từ nhân dân để xây dựng cơ sở

Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Minh Thư

Xây dựng nông thôn mới (NTM) “chỉ có điểm đầu, không có điểm kết thúc”, là chủ trương lớn của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thông qua Chương trình đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn ở nhiều địa bàn trên cả nước, đời sống người dân nông thôn được cải thiện rõ nét. Đóng góp vào thành công này phải kể tới vai trò của hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong triển khai thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào qua đó vận động người dân chung tay xây dựng NTM.

hạ tầng nông thôn (như hiến đất làm đường, xây dựng các công trình dân sinh nông thôn...); bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn... Báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023 cho thấy, thông qua công tác tuyên truyền, vận động, trong gần 9 năm thực hiện Chương trình, nhân dân đã tự nguyện hiến hơn 45 triệu m² đất để làm đường, công trình dân sinh. Các địa phương đã huy động được hàng ngàn tỉ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn.

Thông qua thực hiện Quỹ “Vi người nghèo” và công tác an sinh xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã vận động nhân dân ủng hộ xây dựng sửa chữa nhà cho hộ nghèo, hỗ trợ vốn giúp người nghèo làm ăn. Vì vậy, ở các vùng nông thôn, từ nguồn vận động

ủng hộ Quỹ đã giúp nhiều địa phương thực hiện hoàn thành việc xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo đảm bảo các tiêu chí về nhà ở trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong 10 năm qua, Quỹ “Vi người nghèo” 4 cấp đã vận động được trên 12 tỷ đồng; vận động an sinh xã hội được trên 40.000 tỷ đồng; từ nguồn quỹ “Vi người nghèo”, nguồn an sinh xã hội và hỗ trợ của cộng đồng đã xây dựng, sửa chữa được 741.945 nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, đã tạo thêm nguồn lực giúp nhiều hộ thoát nghèo, có nhà ở, ổn định cuộc sống.

Đặc biệt, với việc tham gia giám sát xây dựng NTM, Mặt trận các cấp đã hướng dẫn nhân dân tham gia giám sát, phát huy vai trò của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc giám sát các nội dung, dự án đầu tư xây dựng nông nghiệp, nông thôn. Hàng năm,

MTTQ Việt Nam các cấp đã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội xác định nội dung và xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát các chính sách, dự án trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Thông qua hoạt động giám sát của Mặt trận đã giúp cho Chính phủ, chính quyền và ngành chức năng các cấp điều chỉnh các nội dung và chính sách trong xây dựng nông thôn, hỗ trợ nông dân phù hợp hơn và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Cùng với việc tổ chức các hoạt động giám sát, MTTQ Việt Nam các cấp thực hiện lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM. Việc tổ chức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng NTM cơ bản bước đầu đã thể hiện được ý chí, nguyện vọng và sự tham gia, giám sát trực tiếp của người dân trong xây dựng NTM. Đồng thời là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng đánh giá, kiểm chứng đối với kết quả xây dựng NTM ở từng địa phương, cơ sở. Tính từ tháng 6/2017 - 8/2019, MTTQ các cấp đã tổ chức lấy ý kiến được trên 581 ngàn lượt ý kiến của người dân về công nhận cấp huyện và xã đạt chuẩn nông thôn mới với 48 huyện, 1.862 xã (trong đó có 46 huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; trên 1.812 xã đảm bảo tỷ lệ hài lòng của người dân đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới).

Cùng với hệ thống Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, cuộc vận động góp phần thực hiện xây dựng NTM. Theo đó, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp đã chủ động xây dựng

chương trình, đề án, kế hoạch tham gia thực hiện các nhiệm vụ gắn với xây dựng NTM, phát động nhiều phong trào và tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, toàn thể nhân dân tham gia thực hiện như: Phong trào nông dân sản xuất giỏi, thúc đẩy, động viên, hỗ trợ nông dân nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần quan trọng cho phát triển sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống; phong trào toàn dân chung sức xây dựng NTM, khơi dậy, huy động mạnh mẽ sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM; cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; phong trào đền ơn, đáp nghĩa; Hội Cựu chiến binh với mô hình tham gia giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông; Đoàn Thanh niên với vai trò tuổi trẻ xung kích tham gia xây dựng NTM, thông qua các hoạt động, phong trào thanh niên tình nguyện như: Ngày thứ Bảy tình nguyện, Ngày Chủ nhật xanh, Tháng thanh niên... thực hiện các công trình, phần việc thanh niên như: Xây dựng cảnh quan môi trường, xây dựng nhà nhân ái, thấp sáng ngõ hẻm, làm đường, cầu giao thông nông thôn... Trung ương Hội Người cao tuổi đã phát động triển khai rộng rãi phong trào “Người cao tuổi chung tay xây dựng NTM, nếp sống văn minh đô thị và bảo vệ môi trường”, phát huy truyền thống “tuổi cao gương sáng”, “tuổi cao trí càng cao”, đem lại nhiều đóng góp cho xây dựng NTM, đặc biệt trong việc kêu gọi, vận động con em góp công, góp sức, hiến đất.

Từ những kết quả đã đạt được, có thể khẳng định vai trò, đóng góp quan trọng của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong chương trình xây dựng

NTM, nhất là trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp sức mạnh đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân. Các phong trào, hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy hiệu quả tích cực, thắt chặt tinh thần đoàn kết giữa chính quyền, các ban ngành đoàn thể với nhân dân trong thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Nhiều hạng mục công trình được đầu tư trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM đang phát huy hiệu quả sử dụng, phục vụ tốt cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của nhân dân.

Thông qua hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, từng tiêu chí trong xây dựng NTM đã được chuyển hóa thành nội dung trong các cuộc vận động, các phong trào thi đua để triển khai thực hiện ở địa bàn dân cư. Qua đó, nhân dân ở các địa phương đã khẳng định được vai trò chủ thể trong xây dựng NTM, trực tiếp tham gia vào quá trình xác định nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí trong xây dựng NTM ở địa phương. MTTQ Việt Nam các cấp đã thực hiện

tốt vai trò phối hợp, phân công trách nhiệm, theo dõi và tổng hợp kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân; các ý kiến chưa hài lòng của nhân dân về kết quả xây dựng NTM được MTTQ các cấp tổng hợp và phản ánh kịp thời.

Phát huy những kết quả đã đạt được, trong thời gian tới, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động đang diễn ra ở địa bàn dân cư, trọng tâm là cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tuyên truyền, vận động nhân dân giữ vững và nâng cao chất lượng NTM đối với các địa phương đã đạt chuẩn; tiếp tục đóng góp nguồn lực để xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu. Tiếp tục vận động các nguồn lực để xây dựng NTM ở các địa phương khó khăn, khẳng định vai trò tích cực trong xây dựng NTM, đóng góp quan trọng vào việc xây dựng nông thôn ngày càng giàu đẹp, văn minh./.



Ấn phẩm:**CÁC BÁO CÁO PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO THỐNG KÊ NĂM 2022**

Phân tích và dự báo thống kê ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong hoạt động thống kê. Phân tích và dự báo nâng cao giá trị của thông tin thống kê, làm cho “con số thống kê thực sự biết nói”, giúp người sử dụng thông tin thống kê hiểu biết một cách đầy đủ và sâu sắc hơn về số liệu thống kê.

Ấn phẩm “Các báo cáo Phân tích và Dự báo thống kê năm 2022” được Tổng cục Thống kê biên soạn và xuất bản tháng 5/2023. Đây là ấn phẩm được các thành viên thuộc Tổ Phân tích và Dự báo Thống kê của Tổng cục Thống kê thực hiện nhằm tổng hợp, phân tích đánh giá các vấn đề trong đời sống kinh tế - xã hội, có tính thời sự và được các đối tượng sử dụng thông tin thống kê quan tâm thời gian qua.

Ấn phẩm cho biết, nhiệm vụ phân tích và dự báo thống kê đã được quy định trong các văn bản pháp lý như: Luật Thống kê quy định trách nhiệm của cơ quan thống kê Nhà nước trong việc thực hiện phân tích và dự báo thống kê; Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 xác định đẩy mạnh phân tích và dự báo thống kê là một trong những chương trình hành động thực hiện Chiến lược; Nghị quyết số 01/NQ-CP hàng năm của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước đều xác định nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, dự báo, phục vụ quản lý,

điều hành là một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

Các báo cáo phân tích và dự báo thống kê năm 2022 được Tổ phân tích và Dự báo Thống kê thực hiện và giới thiệu bao gồm 18 chuyên đề:

(1) Phân tích mối quan hệ giữa xuất khẩu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2021 ở Việt Nam;

(2) Kinh tế tư nhân: Thực trạng và tiềm năng phát triển;

(3) Phân tích tác động của chỉ số giá sản xuất đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam qua bảng cân đối liên ngành;

(4) Phân tích năng suất lao động khu vực phi chính thức ở Việt Nam và một số đề xuất, kiến nghị nhằm cải thiện năng suất lao động;

(5) Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất lúa gạo bền vững giai đoạn 2016-2021;

(6) Khai thác thủy sản biển - Thay đổi để bền vững;

(7) Phân tích chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2017-2021 (năm gốc 2015) và đề xuất phương pháp tính một số chỉ tiêu chuyển đổi năm gốc;

(8) Phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có giám đốc là nữ;

(9) Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động vận tải, du lịch của Việt Nam và một số giải pháp nhằm phục hồi ngành vận tải, du lịch trong thời gian tới;

(10) Xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam năm 2021, triển vọng năm 2022;

(11) Ứng dụng một số mô hình phân tích chỉ số giá sản xuất sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2011-2021 và dự báo giai đoạn 2023-2030 ở Việt Nam;

(12) Phân tích quan hệ giữa chỉ số giá tiêu dùng và lương tối thiểu giai đoạn 2000-2021 ở Việt Nam;

(13) Phân tích tác động của tăng trưởng kinh tế đến dân số, di cư và đô thị hóa của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam giai đoạn 2011-2020 và dự báo giai đoạn 2021-2030;

(14) Phân tích tác động của dịch Covid-19 đến vấn đề bất bình đẳng giới đối với thị trường lao động Việt Nam;

(15) Áp dụng phương pháp ước lượng khu vực nhỏ để ước tính thu nhập bình quân đầu người từ hoạt động sản xuất kinh doanh cấp huyện năm 2020 và dự báo năm 2022;

(16) Phân tích và đánh giá thực trạng an sinh xã hội thông qua các chỉ tiêu giám sát và đánh giá mô hình an sinh xã hội tại Việt Nam, đề xuất xây dựng hệ thống an sinh xã hội bền vững;

(17) Nghiên cứu chỉ số tổng hợp đánh giá phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 ở Việt Nam;

(18) Phân tích các mô hình quốc tế trong sử dụng dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê và đề xuất khuyến nghị tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê tại Việt Nam.

Có thể thấy, với nhiều nội dung phong phú, đa dạng, các thành viên tổ phân tích và dự báo thuộc Tổng cục Thống kê đã có những

phân tích, đánh giá về thực trạng, bức tranh toàn cảnh một số vấn đề về kinh tế, như: Mối quan hệ giữa xuất khẩu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế, Kinh tế tư nhân, Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sản xuất lúa gạo bền vững, Khai thác thủy sản, chỉ số sản xuất công nghiệp... và cả các vấn đề trong lĩnh vực xã hội như: Vấn đề bất bình đẳng giới đối với thị trường lao động Việt Nam, Phân đánh giá thực trạng an sinh xã hội thông qua các chỉ tiêu giám sát và đánh giá mô hình an sinh xã hội tại Việt Nam, Phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có giám đốc là nữ,... Bên cạnh đó, các chuyên đề cũng đề xuất một số giải pháp phù hợp để triển khai thực hiện hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Nhóm tác giả thuộc Tổ phân tích và dự báo thống kê, Tổng cục Thống kê hy vọng với những phân tích và dự báo thống kê trung thực, khách quan, toàn diện tại Ấn phẩm "Các báo cáo Phân tích và Dự báo thống kê năm 2022" sẽ mang đến thông tin hữu ích tới toàn thể bạn đọc, đồng thời ngày càng phục vụ tốt hơn sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, các cấp, các ngành; đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của các đối tượng sử dụng thông tin thống kê./.

T.Hòa

Đoàn kết, hợp tác để cùng giải quyết những thách thức chung

Trong nửa đầu năm 2023, kinh tế thế giới phải nỗ lực tăng trưởng trong bối cảnh chung có nhiều thách thức. Theo báo cáo Triển vọng và thống kê thương mại toàn cầu công bố tháng 4/2023, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nhận định, đà sụt giảm thương mại hàng hóa toàn cầu của năm 2022 vẫn kéo sang những tháng đầu năm 2023. Mặc dù triển vọng của nền kinh tế toàn cầu đã được cải thiện, nhưng tốc độ mở rộng thương mại năm 2023 dự kiến vẫn ở mức dưới trung bình, do bị ảnh hưởng nặng nề bởi xung đột ở U-crai-na, lạm phát cao dai dẳng, chính sách tiền tệ thắt chặt hơn và bất ổn tài chính.

Thước đo thương mại hàng hóa của WTO (số liệu công bố ngày 30/5/2023) đạt 95,6, dù cao hơn so với mức 92,2 trong tháng 3/2023 nhưng vẫn thấp hơn giá trị cơ bản 100. Các tín hiệu hỗn hợp trong các chỉ số thành phần của Thước đo cho thấy con đường phục hồi thương mại khá gập ghềnh, không chắc chắn.

Ngân hàng thế giới (WB) cũng nhận định tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu chậm lại trong nửa đầu năm 2023 do tổng cầu giảm, các đơn đặt hàng xuất khẩu mới trong lĩnh vực sản xuất liên tục bị thu hẹp.

Cùng với sự sụt giảm thương mại toàn cầu là xu hướng giảm của giá năng lượng và hàng hóa, phản ánh lo ngại về nhu cầu toàn cầu chậm lại và căng thẳng thị trường tài chính. Tuy nhiên, trái ngược với đà suy giảm giá năng lượng và hàng hóa thì giá lương thực lại tăng nhanh hơn đáng kể so với lạm phát kể từ sau đại dịch Covid-19 ở một số quốc gia, do các yếu tố đồng tiền yếu đi, giao thông gián đoạn, thời tiết bất lợi (bao gồm cả hiện tượng El Nino), xung đột địa chính trị và các chính sách hạn chế thương mại. Từ đó dẫn đến tình trạng mất an ninh lương thực ở một số nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi.

Bên cạnh đó, điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng thắt chặt, do tác động lan tỏa từ sự sụp đổ của một số ngân hàng tại Mỹ cuối tháng 4/2023. Theo quan sát của các nhà kinh tế, chỉ số giá cổ phiếu của các ngân hàng tại Mỹ đã giảm hơn 30% từ đầu năm 2023, phản ánh những lo ngại về dòng tiền gửi chảy ra, khiến cho các tiêu chuẩn cho vay của ngân hàng nước này đã được thắt chặt hơn rất nhiều trong quý gần đây. Đối với các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi, lãi suất cao hơn ở các nền kinh tế phát triển khiến việc đi vay trở nên tốn kém, đồng thời sự thận trọng từ các nhà đầu tư gián tiếp đã gây áp lực lên dòng vốn đầu tư vào các quốc gia này, trừ Trung Quốc.

Bên cạnh các yếu tố trên, thị trường lao động toàn cầu năm 2023 vẫn chưa phục hồi về mức trước đại dịch. Theo báo cáo Giám sát việc làm trên thế giới tháng 5/2023, Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) nhận định các cú sốc và rủi ro toàn cầu đang kìm hãm sự phục hồi của thị trường lao động, đặc biệt là ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. Tại các nước đang phát triển, việc ứng phó với nhiều cuộc khủng hoảng hiện nay (hay còn gọi là "đa khủng hoảng") bị hạn chế bởi sự kết hợp giữa lạm phát cao và lãi suất cao, cùng với khó khăn về nợ ngày càng tăng. ILO dự báo các quốc gia có thu nhập thấp, châu Phi và các quốc gia Ả Rập khó có thể phục hồi mức thất nghiệp trước đại dịch trong năm 2023.

Dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong nửa cuối năm 2023, Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu (Global Economic Prospects report) công bố ngày 6/6 cho rằng, tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ chậm lại đáng kể do những tác động kéo dài và liên tục của chính sách thắt chặt tiền tệ cũng như các điều kiện tín dụng hạn chế. Vấn đề lạm phát ở các nền kinh tế đang phát triển được dự báo sẽ giảm trong những tháng tới do tăng trưởng chậm lại và tình trạng thiếu hàng hóa toàn cầu giảm dần. Tuy nhiên, một số yếu tố như cuộc xung đột

KINH TẾ THẾ GIỚI VẬT LỘN VỚI NHỮNG “CƠ GIÓ NGƯỢC”

Quang Vinh

Trải qua năm 2022 đầy sóng gió, kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục phải đương đầu với những “cơn gió ngược” trong bối cảnh tăng trưởng mong manh. Phần còn lại của năm, kinh tế toàn cầu vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức.

Nga - Ukraine, hiện tượng El Nino sẽ ảnh hưởng đến năng suất của các loại cây trồng trong ngành nông nghiệp và khả năng cung ứng lương thực, thực phẩm toàn cầu, từ đó có thể gây rủi ro tăng giá.

Mặc dù vậy, tại Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) mùa Hè lần thứ 14 được tổ chức tại Trung Quốc cuối tháng Sáu vừa qua, Lãnh đạo các nước đều bày tỏ lạc quan đối với kinh tế toàn cầu và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đoàn kết, hợp tác; tăng cường đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng; thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số và tăng trưởng toàn diện là yếu tố tiên quyết để cùng giải quyết những thách thức chung toàn cầu.

Những bất ổn của kinh tế Trung Quốc

Theo số liệu Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, quý I/2023, nền kinh tế nước này tăng trưởng 4,5%, cao hơn đến 2,9% so với số liệu tăng trưởng quý IV/2022, đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc thời kỳ

hậu chính sách "Zero - COVID". Sang quý II/2023, kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng 6,3% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn kết quả tăng 4,5% trong quý I. Sự phục hồi này là do chính sách tái mở cửa nền kinh tế sớm hơn dự kiến đã giải phóng nhu cầu trong nước bị dồn nén, thúc đẩy chi tiêu của người dân. Một điểm sáng trong bức tranh kinh tế Trung Quốc là chỉ số PMI tổng hợp (Chỉ số nhà quản trị mua hàng) trong tháng 5/2023 đạt 55,6 điểm, tăng 2,0 điểm so với 53,6 điểm trong tháng 4/2023, đánh dấu tháng tăng trưởng thứ năm liên tiếp trong hoạt động của khu vực tư nhân và là tốc độ tăng cao nhất kể từ tháng 12/2020.

Tuy nhiên, các nhà phân tích cho rằng nền kinh tế Trung Quốc phục hồi không đều và dường như đang mất đà.

Những tháng đầu năm, lĩnh vực bất động sản nước này có dấu hiệu tăng trưởng sau suy thoái kéo dài nhờ các chính sách hỗ trợ

như hỗ trợ thanh khoản cho các nhà phát triển nhà ở và các biện pháp để đảm bảo hoàn thành các dự án dang dở. Nhưng tăng băng của thị trường bất động sản vẫn chưa thực sự tan, thậm chí có nguy cơ rơi lại vào vòng suy thoái. Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc cho biết, giá bất động sản trong tháng Năm giảm đáng kể so với tháng Tư tại nhiều thành phố, khiến nhiều nhà đầu tư có thể vỡ nợ trong năm 2023.

Bên cạnh đó, trong quý II/2023, các hoạt động sản xuất vốn là trụ đỡ của nền kinh tế Trung Quốc bất ngờ suy giảm do giá thành nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, nhu cầu trong và ngoài nước hạ nhiệt, thể hiện sự thiếu ổn định quá trình phục hồi của kinh tế nước này. Điển hình là hoạt động chế tạo của Trung Quốc có chỉ số PMI (thước đo chủ chốt đối với sản lượng của các nhà máy) đảo ngược xu hướng tăng quý I, giảm liên tiếp xuống lần lượt còn 49,2 và 48,8 trong tháng Tư

và tháng Năm vừa qua. Nguyên nhân là do các đơn đặt hàng mới sụt giảm, làm cản trở đà phục hồi chung của nền kinh tế quốc gia.

Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên Trung Quốc (từ 16 đến 24 tuổi) đạt con số cao kỷ lục là 20,8% trong tháng Năm, vượt qua cả mức đỉnh được thiết lập vào tháng Tư năm nay. Trong tháng Năm, tỷ lệ thất nghiệp của lao động ở mọi lứa tuổi tại các thành phố là 5,2%. Triển vọng việc làm và thu nhập bấp bênh đã ảnh hưởng lớn đến niềm tin người tiêu dùng Trung Quốc, kéo theo sự sụt giảm đối với nhu cầu nội địa trong những tháng tới.

Những sự bất ổn trên đã khiến nhiều tổ chức, ngân hàng lớn đồng loạt cắt giảm dự báo tăng trưởng của Trung Quốc trong năm nay. Ví dụ như, Citigroup hạ dự báo GDP của Trung Quốc xuống 5% từ mức dự báo tăng 5,5% đưa ra trước đó. JPMorgan cũng hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc từ 5,5% trước đó về 5%. Sau những dự báo trên, niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài suy giảm và các công ty công nghệ Trung Quốc, ngay cả những gã khổng lồ có lãi như Tencent và Alibaba, "ô ạt" bán cổ phần khiến cho nền kinh tế Trung Quốc lâm vào tình trạng tối tệ hơn.

Kinh tế Mỹ - sức chống chịu bất ngờ

Đầu năm 2023, nhiều nhà kinh tế dự báo kinh tế Mỹ khó tránh khỏi suy thoái do tác động trễ của tăng mạnh lãi suất chính sách hơn một năm rưỡi qua nhằm hạ thấp tỷ lệ lạm phát cao nhất kể từ đầu những năm 1980. Tuy nhiên, dường như các nhà kinh tế đã đánh giá thấp sức chống chịu của nền kinh tế Mỹ. Bất chấp lãi suất tăng mạnh, nền kinh tế lớn nhất thế giới vẫn tiếp tục tăng trưởng, thể hiện

sức trụ khá tốt, nhờ các động lực chi tiêu tiêu dùng mạnh mẽ và bức tranh việc làm vững chắc.

Theo dữ liệu điều chỉnh của Bộ Thương mại Mỹ, quý I/2023, tăng trưởng kinh tế của Mỹ đạt mức 2% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn ước tính tăng trưởng 1,1% trước đó. Trading Economics dự báo tăng trưởng GDP Quý II/2023 của Mỹ tăng 1,6% so với quý trước và tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Mức tăng này là nhờ chi tiêu hộ gia đình Mỹ tăng mạnh trong quý đầu năm, 4,2% so với cùng kỳ năm 2022. Đây cũng là mức tăng mạnh nhất kể từ giữa năm 2021 trở lại đây, khi nền kinh tế đang phục hồi sau các đợt hạn chế phòng dịch Covid-19. Người dân Mỹ đã mạnh tay chi tiền mua những hàng hóa lâu bền như ô tô và cho các dịch vụ, bao gồm chăm sóc sức khỏe, ăn ngoài và đi du lịch. Đối với thị trường nhà ở, số lượng nhà tồn kho ở mức thấp lịch sử, giúp thúc đẩy doanh số nhà mới xây. Doanh số nhà mới tháng Năm đã tăng ở mức 2 con số, vượt xa dự báo của các nhà kinh tế.

Thị trường lao động Mỹ cũng chứng tỏ sức dẻo dai của mình. Dù cho Fed liên tục tăng lãi suất nhưng nhiều công ty vẫn liên tục tuyển người, đặc biệt là đối với một số vị trí như thợ sửa ống nước, kỹ sư máy sưởi và hệ thống làm mát... Trong tháng Năm, các nhà tuyển dụng đã tạo thêm 339.000 việc làm, con số lớn nhất kể từ tháng 01/2023. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức gần thấp nhất lịch sử. Số lượng đơn yêu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp lần đầu có xu hướng giảm từ đầu tháng Tư.

Thêm vào đó, theo Trading Economics, chỉ số PMI tổng hợp của Mỹ có xu hướng tăng, tháng 5/2023 đạt 54,3 điểm, cao hơn

so với mức 53,4 điểm của tháng 4/2023. Chỉ số này phản ánh mức tăng nhanh nhất của các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ hơn một năm qua, bù đắp cho tăng trưởng yếu đi của lĩnh vực sản xuất, chế biến chế tạo.

Mặc dù có những điểm sáng trong phục hồi kinh tế, các chuyên gia cho rằng nền kinh tế Mỹ vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế. Đó là, sự phục hồi tiêu dùng của người dân Mỹ dự kiến sẽ chậm lại đáng kể trong thời gian tới. Chi phí đi vay cao hơn cùng với điều kiện tài chính thắt chặt hơn sẽ ảnh hưởng đến chi tiêu của hộ gia đình khi phần lớn tiền tiết kiệm tích lũy trong thời kỳ đại dịch đã cạn kiệt. Tiêu dùng và đầu tư dân cư giảm tốc có thể sẽ làm suy yếu hoạt động kinh tế trong nửa cuối năm 2023.

Bên cạnh đó, tuy các cơ quan quản lý quốc gia này đã nhanh chóng ngăn chặn tình trạng hỗn loạn gần đây của ngành ngân hàng, nhưng đã bộc lộ những lỗ hổng tài chính khi lãi suất tăng nhanh. Về thị trường sản phẩm và dịch vụ, nguồn cung không theo kịp nhu cầu mạnh mẽ của người tiêu dùng, sẽ dẫn đến áp lực tăng giá liên tục và các lựa chọn chính sách tiền tệ phức tạp. Ngoài ra, lãi suất cao hơn và điều kiện thị trường tín dụng chặt hơn sẽ tiếp tục hạn chế nguồn cung hàng hóa và dịch vụ. Những đợt điều chỉnh giá sẽ làm suy yếu các hoạt động kinh tế Mỹ trong nửa cuối năm và có thể đẩy nền kinh tế suy thoái vào cuối năm 2023 và đầu năm 2024. Song nhà lãnh đạo quốc gia này khá tin tưởng vào sự thành công của chiến lược phục hồi kinh tế bởi vẫn còn những động lực tăng trưởng có được trong nửa đầu năm nay./



THÁI NGUYÊN: ĐẨY MẠNH TÁI CƠ CẤU, ĐỔI MỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP ĐỂ PHÁT TRIỂN BỨT PHÁ

Phạm Văn Sĩ

Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Nguyên



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cùng Lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên thăm HTX Chè Hảo Đạt, xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên (sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP 5 sao quốc gia).

Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành Nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên, là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai... Thời gian qua, những nỗ lực của Sở NN&PTNT tỉnh Thái Nguyên đã được ghi nhận bằng những thành quả phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tỉnh Thái Nguyên đã có định hướng cụ thể, xác định nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất quan trọng, cung cấp nhu cầu thị trường về lương thực, thực phẩm, phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước...

Thời gian qua, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) tỉnh Thái Nguyên đã tích cực chủ động tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, gắn với việc thực hiện các cơ chế, chính sách để tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững, sản xuất tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Nhờ đó, hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực, các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Do đó, cần có các cơ chế chính sách phù hợp để phối hợp, thực hiện đồng bộ các giải pháp; rà soát, lựa chọn các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương để đầu tư phát triển; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và hỗ trợ phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực để tạo ra các sản phẩm chất lượng, an toàn, đạt chuẩn OCOP, hữu cơ có giá trị kinh tế cao. Đặc biệt, cây chè với sản phẩm trà nổi tiếng tiếp tục phát huy là cây trồng thế mạnh, chủ lực của tỉnh với trên 22,2 nghìn ha, sản lượng đạt trên 260 nghìn tấn/năm, giá trị thực tế đạt trên 10.000 tỷ đồng/năm cây chè, không chỉ là cây xóa đói giảm nghèo mà còn là cây làm giàu cho các hộ gia đình nông dân và các HTX.

Ngoài ra, để giải quyết bài toán xây dựng chuỗi giá trị, kết nối sản xuất nông nghiệp với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, ngành NN&PTNT Thái Nguyên đã tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện các chính sách nhằm thu hút, kích cầu tiêu thụ sản phẩm nông sản thông qua các chương trình, đề án, dự án như: Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Đề án Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; Đề án "Một xã một sản phẩm" tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025...

Với quyết tâm cao, Thái Nguyên đã triển khai, ban hành các văn bản



kip thời và đồng bộ, cụ thể hoá các nội dung để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện phù hợp với điều kiện của địa phương; tham mưu xây dựng ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn tỉnh, sớm phân bổ các nguồn vốn để các Sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

Nỗ lực của ngành NN&PTNT đã đem lại nhiều thành tựu

Tốc độ tăng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản bình quân 03 năm (2020-2022) của tỉnh Thái Nguyên đạt 4,22%/năm. Năm 2022, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá so sánh) đạt 15,26 nghìn tỷ đồng, tăng 4,14% so với cùng kỳ năm 2021. Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt (giá hiện hành) đạt 123,2 triệu đồng/ha, tăng 23,2 triệu đồng/ha so với năm 2019. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 457,28 nghìn tấn, bằng 107,3% chỉ tiêu đến năm 2025, tăng 8,7% so với năm 2019; giá trị sản phẩm chè (trà) sau chế biến đạt 10,4 nghìn tỷ đồng. Sản lượng rau các loại đạt 282,53 nghìn tấn, bằng 104,6% chỉ tiêu đến năm 2025, tăng 15,5% so với năm 2019. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 212,83 nghìn tấn,

tăng 54,4% so với năm 2019. Trong 03 năm (2020-2022), trồng rừng tập trung đạt 13,35 nghìn ha, trong đó: Trồng rừng phòng hộ 757 ha, trồng rừng sản xuất 12,59 nghìn ha. Tổng diện tích trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn toàn tỉnh là 1.194 ha; diện tích chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn 112,5 ha. Có 1.332 ha rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC (SA-FM/COC), bằng 95,1% kế hoạch giai đoạn 2021-2025. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 47,06%, vượt chỉ tiêu (chỉ tiêu hàng năm từ 46% trở lên); tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 95,5% (chỉ tiêu đến năm 2025 là 98%).

Lũy kế đến hết năm 2022, toàn tỉnh có 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và đạt chuẩn huyện NTM; 108/126 xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 85,7%; 17 xã NTM nâng cao, đạt tỷ lệ 15,5%; 04 xã NTM kiểu mẫu, đạt tỷ lệ 3,6%; 88 xóm NTM kiểu mẫu. Chương trình OCOP được xác định là Chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững. Tính đến hết năm 2022, tỉnh Thái Nguyên đã có 173 sản phẩm OCOP (91 sản phẩm 3 sao;

80 sản phẩm 4 sao; 02 sản phẩm 5 sao là Chè tôm nõn của HTX Chè Hào Đạt và Miến Việt Cường của HTX Miến Việt Cường). Trong đó, riêng năm 2022, toàn tỉnh có 44 sản phẩm OCOP được công nhận mới (07 sản phẩm 4 sao; 37 sản phẩm 3 sao); có 13 sản phẩm đánh giá, công nhận lại (04 sản phẩm đạt 4 sao; 09 sản phẩm đạt 3 sao).

Qua đó có thể thấy, cơ cấu sản xuất, cơ cấu kinh tế ngành đã có sự chuyển dịch theo hướng hiệu quả hơn, chuyển dịch tăng trưởng từ số lượng sang chất lượng và giá trị gia tăng; tăng những ngành hàng, sản phẩm có lợi thế về sản xuất và thị trường tiêu thụ. Tập trung phát triển các nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực của tỉnh và các sản phẩm lợi thế, đặc sản của địa phương. Hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Thu nhập và đời sống của người dân nông thôn dần được cải thiện, góp phần đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Những kết quả trên đã góp phần đưa nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên đứng ở vị trí cao trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Mặc dù có diện tích đất nông nghiệp ít (301.933 ha, đứng thứ 11/14 tỉnh) nhưng đứng đầu về sản xuất chè; đứng thứ hai về giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt; đứng thứ hai về sản lượng thịt hơi xuất chuồng...

Có thể nói, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cùng sự nỗ lực của toàn ngành, Ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Nguyên đã đạt những kết quả toàn diện trên các lĩnh vực, các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với mục tiêu, kế hoạch hằng năm, nhiều chỉ tiêu vượt so với kế hoạch cả giai đoạn, đóng góp lớn vào các mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội của toàn Tỉnh./.



Miến dong Việt Cường (xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên) vinh dự được chứng nhận sản phẩm OCOP 5 sao cấp quốc gia.
Ảnh: Giàn phơi miến tại Cơ sở Miến dong Việt Cường.



NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN: ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TẠO ĐỘNG LỰC ĐỂ PHÁT TRIỂN



Đồng chí Nguyễn Thanh Hải, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh Thái Nguyên phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Khảo sát lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

Đẩy mạnh cải cách hành chính

Năm 2022, thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC), Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đã chủ động xây dựng và ban hành các nội dung công tác CCHC gắn với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, nhất là chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Về thực hiện cơ chế 01 cửa: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận 106.551 hồ sơ, trong đó số mới tiếp nhận trong kỳ là 103.898 hồ sơ, số từ kỳ trước chuyển sang là 2.653 hồ sơ; số hồ sơ trực tuyến tiếp nhận là 46.697 hồ sơ (chiếm 65% thủ tục hành chính nộp dịch vụ công mức độ 4); số hồ sơ giải quyết là 106.551 hồ sơ, trong đó: Giải quyết đúng hạn 106.189 hồ sơ (chiếm 99,66%), giải quyết quá hạn chỉ 362 hồ sơ (chiếm 0,34%).

Về công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN), Sở đã tiếp nhận 387 hồ sơ của tổ chức xin cấp đổi,

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích là 259,05 ha. Trong đó gồm: 11 hồ sơ cấp lần đầu GCN QSD đất với diện tích là 11,52 ha; 64 hồ sơ cấp đổi, cấp lại GCN QSD đất với diện tích 189,27 ha; 309 hồ sơ nhận chuyển nhượng tài sản với diện tích là 57,45 ha; hồ sơ thu hồi GCN QSD đất do cấp sai: 02 hồ sơ với diện tích là 0,042 ha; hồ sơ đính chính Giấy chứng nhận QSD đất: 01 hồ sơ với diện tích 0,77 ha. Trong đó: Số hồ sơ đã trình ký là 387 hồ sơ. Trên địa bàn toàn tỉnh đã cấp được 291.106,31 ha, đạt 93,05% diện tích cần cấp (diện tích cần cấp toàn tỉnh là 312.858 ha theo kết quả thống kê đất đai năm 2018), trong đó: Diện tích đã cấp đổi với các tổ chức là 67.880,45 ha, đạt 88,52% diện tích cần cấp; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư cấp được 223.225,86 ha, đạt 94,52% diện tích cần cấp.

Công tác quản lý đất đai tiếp tục được quan tâm, kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc

của người dân, doanh nghiệp và các địa phương trong quá trình quản lý và sử dụng đất; thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cơ bản đảm bảo tiến độ của các dự án; tăng cường đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng giảm các bước, quy trình xử lý công việc, công khai, minh bạch tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; cung cấp cho người dân và doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4. Hệ thống một cửa điện tử của Sở từng bước được hoàn thiện, đảm bảo kết nối liên thông, tích hợp với cổng dịch vụ công của tỉnh và cổng dịch vụ công quốc gia.

Nâng cao hiệu quả về đăng ký đất đai

Ông Kiều Quang Khánh, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Nguyên cho biết: Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên, có con dấu và tài khoản riêng.

Về công tác giải quyết thủ tục hành chính, tính đến hết ngày 15/12/2022, Văn phòng Đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố tiếp nhận tổng số 130.983 hồ sơ, trong đó có 126.122 hồ sơ nhận mới, số hồ sơ kỳ trước chuyển sang là 4.861 hồ sơ. Số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 122.976 hồ sơ, chiếm 99,75% tổng số hồ sơ giải quyết, số hồ sơ quá hạn là 313 hồ sơ, chiếm 0,25% tổng số hồ sơ đã giải quyết.

Trong đó, tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện,



thành phố, tiếp nhận 128.357 hồ sơ, trong đó có 123.737 hồ sơ nhận mới, 4.620 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang. Trong đó, số hồ sơ giải quyết đúng hạn là 120.780 hồ sơ (chiếm 99,75% tổng số hồ sơ đã giải quyết), hồ sơ giải quyết quá hạn là 313 hồ sơ (chiếm 0,25%), 4.880 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết; trả lại 2.680 hồ sơ do không đủ điều kiện.

Những năm qua, Văn phòng Đăng ký đất đai Thái Nguyên luôn xác định công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu, do vậy tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn tăng từ 99,60% (năm 2021) lên tới 99,75% (năm 2022). Mặt khác, công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến đạt được kết quả rất đáng khích lệ, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến tính đến 14/12/2022, có 46.164 hồ sơ mức độ 4 được giải quyết trực tuyến trên tổng số 68.422 hồ sơ thuộc danh mục mức độ 4 được tiếp nhận và giải quyết tại Văn phòng Đăng ký đất đai, chiếm tỷ lệ 67,47% tổng số hồ sơ thuộc danh mục mức độ 4 được giải quyết. Có thể nói, năm 2022 là năm có bước đột phá, tạo dấu ấn đậm nét trong công tác cải cách hành chính của đơn vị.



Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thái Nguyên ứng dụng hiệu quả CNTT cũng như các phần mềm về quản lý đất đai để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

Đại diện Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cho biết: Năm 2023, Sở quyết tâm thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hồ sơ TTHC tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; tiếp tục cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mới đảm bảo trên 80% TTHC đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công mức độ 4 theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 31/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Những kết quả tích cực từ cải cách hành chính giúp người dân và doanh nghiệp được phục vụ kịp thời, đơn giản và chu đáo hơn trong thời gian tới./.

P.V

Thái Nguyên là tỉnh trung du, có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội nhưng nhiều năm qua tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn cao. Để hỗ trợ người dân, tỉnh Thái Nguyên đã và đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ để giảm nghèo hiệu quả, bền vững.

Công tác giảm nghèo - Triển khai nhiều hoạt động

Xác định công tác giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn, quan trọng, thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền các cấp, các Sở, ban, ngành của Tỉnh Thái Nguyên đã luôn quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, cùng với sự tham gia tích cực của người dân, công tác giảm nghèo ở Thái Nguyên đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật: Chính sách, pháp luật về giảm nghèo được triển khai hiệu quả, ngân sách nhà nước và nguồn lực huy động từ xã hội đầu tư cho công tác giảm nghèo ngày càng tăng; nhận thức, ý chí vươn lên của người nghèo đã được nâng lên rõ rệt, hàng nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo đã thoát nghèo, nhiều hộ có mức sống trung bình, khá giả, nhiều địa bàn nghèo thoát khỏi tình trạng khó khăn, một số địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới.



Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương, Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Theo báo cáo của UBND tỉnh Thái Nguyên, tính đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 14.624 hộ nghèo, tỷ lệ 4,35% (giảm 5.971 hộ, với tỷ lệ giảm là 1,79%, vượt 0,79% so với kế hoạch giao, cao hơn trung bình tỷ lệ giảm toàn quốc là 1,2%).

Để có được những kết quả này, tỉnh Thái Nguyên đã đưa ra nhiều giải pháp để hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế, xóa nghèo đa chiều. Cụ thể, cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tỉnh còn chú trọng tới việc hỗ trợ vốn, khoa học kỹ thuật giúp người dân, đặc biệt là người nghèo nâng cao năng lực sản xuất, từ đó xây dựng, phát triển các mô hình kinh tế giúp xóa đói giảm nghèo hiệu quả.

Thực tế cho thấy, Thái Nguyên đã thực hiện tốt nhiều chính sách hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo như: 100% người nghèo, người thuộc hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, trong đó tỉnh hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo; miễn giảm học phí cho học sinh, sinh viên,



Công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: QUYẾT TÂM "KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU"

người dân tộc thiểu số và người nghèo; trợ cấp xã hội cho học sinh vùng khó khăn; hỗ trợ về nhà ở cho 1.238 hộ nghèo, hộ cận nghèo; tạo việc làm mới cho lao động nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Theo đó, nguồn kinh phí thực hiện các dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 là: 33.173 triệu đồng. Nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương thực hiện các chính sách trợ giúp, hỗ trợ chung đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, người sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn: 1.268.296 triệu đồng.

Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả. Các địa phương, cơ sở tiếp tục duy trì các mô hình hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế bền vững. Tăng cường công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Lồng ghép các hoạt động giảm nghèo trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Cụ thể, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia

giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh). Đồng thời, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh).

Đồng thời, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trực tuyến. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn hoàn thành nhập dữ liệu 20.595 hộ nghèo và 16.203 hộ cận nghèo đầu kỳ chuẩn mới giai đoạn 2022-2025; đồng thời in cấp giấy chứng nhận cho 36.798 hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ thực hiện quyền lợi hưởng chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định nhưng nhìn chung, công tác giảm nghèo tại Thái Nguyên vẫn còn một số khó khăn như các chỉ số thiếu hụt của các hộ gia đình nghèo trong giai đoạn đầu kỳ của chương trình còn cao, cần có sự đầu tư lớn của Nhà nước; điều kiện kinh tế của một bộ phận dân cư trên địa bàn còn hạn chế, dễ bị tổn thương và trở thành hộ nghèo khi có các biến cố xảy ra. Kết quả rà soát

cuối năm 2022 có 282 hộ nghèo và 664 hộ cận nghèo phát sinh do gặp khó khăn đột xuất.

Để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững... ngày 27/4/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 75/KH-UBND về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, tỉnh đặt mục tiêu giảm 4.711 hộ nghèo, hộ cận nghèo; trong đó hộ nghèo là 3.365 hộ và hộ cận nghèo là 1.346 hộ theo chuẩn nghèo đa chiều của quốc gia. Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng ít nhất 20 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm bền vững.

Tỉnh Thái Nguyên cũng đặt mục tiêu 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo; quyết tâm thực hiện công tác giảm nghèo một cách bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau./.

Trọng Nghĩa



Cây chè - một trong những loại cây "đặc sản" giúp giảm nghèo bền vững ở Thái Nguyên



Mô hình nuôi gà an toàn sinh học tại xã Hóa Trung, huyện Đông Hỷ đem lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân



Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên QUYẾT TÂM HOÀN THÀNH ĐÚNG TIẾN ĐỘ CÁC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG



Phối cảnh Trường THPT Tức Tranh, huyện Phú Lương đang được đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thành nốt các hạng mục còn lại để kịp đón học sinh năm học mới 2023-2024.

Hoàn thành đúng tiến độ các dự án đầu tư

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay, Ban Quản lý dự án (BQLDA) Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư hàng chục dự án lớn, nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Riêng năm 2022, BQLDA được UBND tỉnh giao quản lý, điều hành 41 dự án, trong đó dự án chuyển tiếp từ năm 2021 với tổng mức đầu tư khoảng 2.980 tỷ đồng. Các dự án đều được triển khai đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra. Trong đó, dự án thực hiện thi công xây dựng công trình gồm 07 dự án: Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng Sân vận động Thái Nguyên; Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng, mở rộng, nâng cấp Bệnh viện A tỉnh Thái Nguyên; Trường THPT Tức Tranh, huyện Phú Lương; Nâng cấp, cải tạo Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên.

Cũng trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay, Ban QLDA đã bàn giao đưa vào sử dụng 04 công trình gồm: Xây dựng Tháp Anten Truyền hình Thái Nguyên; Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên; Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Mở rộng,

nâng cấp quy mô Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm. Các công trình, dự án được triển khai đúng tiến độ, khi hoàn thành và đi vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Phối hợp hiệu quả giữa chủ đầu tư và các địa phương

Ông Nguyễn Văn Hà, Giám đốc cho biết: Các dự án có thi công đúng tiến độ hay không phụ thuộc rất lớn vào công tác bàn giao mặt bằng thi công đúng thời hạn. Do đó, việc chủ động phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương, UBND các huyện, thành phố trong công tác hỗ trợ, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư được thực hiện tốt. Ban đã kịp thời nắm bắt, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết, góp phần đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch cho chủ đầu tư, nhà thầu triển khai thực hiện dự án.

Sau khi mặt bằng thi công được bàn giao, chủ đầu tư điều hành các nhà thầu, nhất là đơn vị tư vấn giám sát, nhà thầu thi công triển khai đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công. Tranh thủ những ngày có thời tiết thuận lợi tăng cường nhân lực máy móc và có biện pháp tăng ca trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn lao động để bù vào khoảng thời gian bị ảnh hưởng bởi thời tiết, không thi công được. Bên cạnh đó, công tác đảm bảo chất lượng công trình cũng được chủ đầu tư đặt lên hàng đầu.

Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án năm 2023

Năm 2023, Ban QLDA Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao làm chủ đầu tư các dự án: Trường THPT Đội Cấn, huyện Đại Từ; Trụ sở tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan thi công; Trường THPT Tức Tranh, huyện Phú Lương; Nâng cấp, cải tạo Cơ sở cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên. Các dự án này thi công hoàn thành và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

Cùng với đó, triển khai đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình: Xây dựng, mở rộng, nâng cấp Bệnh viện A tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện khởi công các dự án: Xây dựng mới 03 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Thái Nguyên; Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Thái Nguyên; Xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện; Trụ sở làm việc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10; Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu thể thao Thái Nguyên; Nâng cấp Bệnh viện Sức khỏe tâm thần tỉnh; Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên.../.

Minh Hằng



Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên cùng lãnh đạo Huyện ủy Phú Lương nghe đơn vị thi công báo cáo tiến độ dự án Trường THPT Tức Tranh.



HUYỆN VÕ NHAI: PHÁT HUY THỂ MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG



Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, ĐBQH tỉnh Thái Nguyên Nguyễn Thanh Hải cùng lãnh đạo huyện Võ Nhai thăm mô hình trồng bưởi diễn tại xã Tràng Xá. Ảnh: Văn Khánh

Vươn lên trong gian khó

Huyện Võ Nhai nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Thái Nguyên, cách thành phố Thái Nguyên khoảng 37 km; đây là nơi sinh sống của các dân tộc Kinh, Tày, Nùng, Dao, HMông... Nơi đây sở hữu nhiều danh lam thắng cảnh hoang sơ, hấp dẫn và hiện vẫn bảo tồn, lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống như tiếng nói, y phục, các làn điệu dân ca, dân vũ mang đậm bản sắc văn hóa đặc trưng. Sau những năm tháng chiến tranh ác liệt, vùng An toàn khu Võ Nhai nay đã “thay da đổi thịt”, trở thành vùng đất trù phú.

Đáng chú ý, Võ Nhai đã nỗ lực vượt qua khó khăn, đạt được những kết quả quan trọng trong phát triển kinh tế. Cụ thể, giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu hằng năm tăng bình quân 6,4%/năm (vượt 0,4%); Cơ cấu kinh tế năm 2020: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 38,3%; Công nghiệp, xây dựng chiếm 54,8%; Thương mại, dịch vụ chiếm 6,9%. Sản lượng lương thực có hạt hằng năm: 51.409 tấn (vượt 1.409 tấn). Thu cân đối ngân sách bình quân hằng năm tăng 13% (vượt 3%).

Trong phát triển nông, lâm nghiệp, dù chỉ có 13% diện tích đất nông nghiệp, song những năm qua, Võ Nhai tập trung

Dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt và sáng tạo của Đảng bộ, chính quyền địa phương, huyện vùng cao Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên) đã vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu, kế hoạch năm. Chính sách giảm nghèo, đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất... đã phát huy hiệu quả, tạo nên những đổi thay tích cực trên vùng đất còn nhiều khó khăn này.

phát triển vùng cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như: Na, bưởi, ổi... Hiện, địa phương đã có 1.672 ha cây ăn quả, chủ yếu tập trung tại các xã La Hiên, Lâu Thượng, Phú Thượng, Tràng Xá... (trong đó có 520 ha cây ăn quả các loại được cấp chứng nhận VietGAP). Với 1.300 ha chè, trên địa bàn huyện cũng đã hình thành vùng sản xuất chè ứng dụng công nghệ tiên tiến, mở rộng vùng sản xuất chè an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP lên 200 ha, kết hợp với công nghệ sao sấy tiên tiến.

Đến nay, toàn huyện Võ Nhai có 8 sản phẩm nông nghiệp thể mạnh được chứng nhận OCOP, gồm: Mỳ gạo Tiên Phong, na La Hiên, bún khô Tiến Diệm, chè móc câu Tràng Xá... Nhiều sản phẩm đã được gắn tem truy xuất nguồn gốc như: Ổi Phú Thượng, mật ong

La Hiên, gạo Bao thai Dân Tiến, đậu phụ Bình Long...

Lĩnh vực chăn nuôi cũng được chú trọng. Ở một số xã đã hình thành vùng chăn nuôi tập trung với khoảng 30 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Cùng với đó, Võ Nhai cũng đã xây dựng Cổng thông tin điện tử kết nối cung cầu sản phẩm nông nghiệp, hướng tới liên kết sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; tổ chức Chương trình kết nối tiêu thụ sản phẩm na Võ Nhai và nông sản tỉnh Thái Nguyên, góp phần quảng bá nông sản địa phương...

Đối với đề án về phát triển du lịch, Võ Nhai hiện có 82 di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh với các điểm du lịch nổi tiếng như: Di chỉ khảo cổ học Mái đá Ngườm, hang Phượng Hoàng - suối Mỏ Gà (Phú Thượng), rừng Khuôn Mảnh – nơi ra đời Đội Cứu quốc quân II, Di tích địa điểm lưu niệm Bác Hồ ở Làng Vang (Liên Minh), thác Mưa Rơi (Thần Sa)... cùng hệ sinh thái núi đá vôi đa dạng sinh học là tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Hiện, Huyện đã phối hợp với Hiệp hội Du lịch các tỉnh và một số doanh nghiệp thực hiện khảo sát các tour du lịch tại địa phương và kết nối với các điểm du lịch trong, ngoài tỉnh.

Trong phát triển kinh tế - xã hội, Võ Nhai đặc biệt chú trọng triển khai có hiệu quả 2 chương trình mục tiêu Quốc gia: Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững. Hiện toàn huyện đã có 6/14 xã đạt chuẩn nông thôn mới, riêng xã La Hiên đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao. Đồng thời, địa phương cũng tích cực lồng ghép các chương trình, dự án của Chính phủ đối với các xã đặc biệt khó khăn trong thực hiện công tác giảm nghèo, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên so với năm 2022.



Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục được duy trì và phát triển; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, hoàn thiện cụm công nghiệp Cây Bòng (xã La Hiên), phối hợp quản lý tốt cụm công nghiệp nhỏ Trúc Mai... Nhờ tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp địa phương phát triển, tốc độ phát triển công nghiệp của địa phương tăng bình quân hằng năm đạt 7%. Trong đó, một số ngành phát triển khá hiệu quả như: Sản xuất gang, may công nghiệp, vật liệu xây dựng không nung, chế biến gỗ... Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng đã giúp cho việc tiêu thụ sản phẩm xây dựng, gỗ rừng trồng và tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.



Nông dân xóm La Đồng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai thu hoạch na sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap. Ảnh: Hoàng Nguyễn – TTXVN

Với những nỗ lực đó, kết quả năm 2022, Võ Nhai có 12/12 chỉ tiêu vượt kế hoạch, tỷ lệ hộ nghèo giảm 4,2% so với năm 2021...

Mục tiêu lớn cho giai đoạn 2021-2025

Phát huy những kết quả đã đạt được, giai đoạn 2021-2025, huyện Võ Nhai đặt mục tiêu giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu hàng năm tăng 7,1%: Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp, thủy sản (35%); công nghiệp xây dựng (56%); thương mại dịch vụ (9%); Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,5%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 8%/năm; giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân 9%/năm. Trong đó tổng mức bán lẻ hàng hoá và tiêu dùng xã hội tăng 12%/năm; phấn đấu đến năm 2025 có 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân mỗi năm từ 3% trở lên...

Từ nay đến năm 2025, huyện Võ Nhai tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung; mở rộng diện tích cây chè, cây ăn quả; phát triển mô hình trồng rừng gỗ lớn... Qua đó, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, sản xuất công nghiệp, chế biến nông lâm sản. Bên cạnh đó, Huyện sẽ tranh thủ nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng các dự án, công trình trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khai thác và sử dụng tốt các nguồn vốn;... để phát triển kinh tế bền vững./

T.N

Đi lên từ tiềm năng, lợi thế địa phương

Định Hóa là huyện miền núi, nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Thái Nguyên, với tổng diện tích tự nhiên là 513,774 km². Nhiều vị trí có địa hình bằng phẳng trên núi cao tại các xã phía Bắc của huyện Định Hóa rất phù hợp để phát triển tổ hợp sân Golf, du lịch sinh thái, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng. Đồng thời, Huyện nằm trong vùng an toàn khu (ATK) với rất nhiều di sản lịch sử cách mạng, có đền thờ Bác Hồ, nơi làm việc của nhiều Bộ, ngành Trung ương thời kháng chiến chống Pháp. Rất nhiều di sản văn hóa đã được công nhận di sản văn hóa Quốc gia, hệ thống di tích lịch sử được đánh giá là có giá trị quan trọng bậc nhất của Việt Nam ở thế kỷ XX, rất có tiềm năng để phát triển du lịch lịch sử, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh.



Đồng chí Nguyễn Minh Tú, Chủ tịch UBND huyện Định Hóa

Trong những năm qua, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, huyện Định Hóa đã đẩy mạnh cải cách hành chính, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, tăng cường kỷ luật kỷ cương... để thực hiện chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện và đã thu được một số kết quả nhất định. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hết năm 2023 ước đạt 1.200 tỷ đồng; tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm xuống dưới 3%; thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư vào huyện như Công ty cổ phần Thagaco, Nhà máy gạch không nung Hậu Thủy, Nhà máy chè Sơn Phú... Đời sống nhân dân ngày càng được ổn định.

Chương trình xây dựng Nông thôn mới trên địa bàn huyện Định Hóa đạt những kết quả khả quan. Từ năm 2011 đến năm 2021, huyện Định Hóa có 11 xã đạt chuẩn NTM. Kết thúc năm 2022, huyện có thêm 05 xã đạt chuẩn NTM, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM lên 16/22 xã, đạt tỷ lệ 72,7%. Dự kiến hết năm 2023 sẽ có 22/22 xã và huyện Định Hóa sẽ là huyện đạt chuẩn NTM.

Với cơ cấu đất nông, lâm nghiệp là chủ yếu (chiếm 92%) nên Huyện tập trung phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, trong đó: Cây lúa, cây chè



Huyện Định Hóa

NHỮNG ĐỔI THAY TRÊN QUÊ HƯƠNG ATK ANH HÙNG

Nguyễn Minh Tú

Chủ tịch UBND huyện Định Hóa

là những cây trồng chủ lực của huyện; cây quế được xác định là cây trồng mũi nhọn, đang là hướng đi mới, được quan tâm, tập trung chỉ đạo.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, huyện Định Hóa đã tập trung chỉ đạo, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn đi đôi với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Huyện thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó tập trung chỉ đạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác xã (HTX), lấy kinh tế HTX nông nghiệp làm trung tâm để tạo ra những sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao; an toàn, thân thiện với môi trường.

Hiện nay, trên địa bàn huyện Định Hóa có 42 HTX đang hoạt động; trong đó có 37 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Những năm qua, các HTX trên địa bàn Huyện luôn được các cấp ủy đảng chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi để tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ từ các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025. Đến nay, Huyện đã có 08 sản phẩm được xếp hạng sản phẩm OCOP 3 sao (04 sản phẩm trà; 03 sản phẩm gạo và sản phẩm được chế biến từ gạo; 01 sản phẩm dưa cọt). Theo kế hoạch năm 2023, Huyện có thêm 05 sản phẩm được xếp hạng. Hiện nay

đã có 08 sản phẩm đăng ký phân hạng và đang thực hiện các bước theo chu trình.

Phấn đấu thực hiện các mục tiêu đề ra đến năm 2025

Theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020-2025, phấn đấu đến năm 2025: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 4%/năm trở lên. Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt đến năm 2025 đạt 105 triệu đồng; giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 10%/năm trở lên; Tỷ lệ nghèo đa chiều đến năm 2023 giảm 7,5%; (năm 2024 và 2025, mỗi năm giảm 1,5% trở lên); 22/22 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thị trấn Chợ Chu đạt chuẩn đô thị văn minh; huyện Định Hóa đạt chuẩn nông thôn mới...

Để đạt mục tiêu đề ra, huyện Định Hóa tích cực thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện 03 đột phá. Đó là, tập trung phát triển đô thị để đến năm 2025, thị trấn Chợ Chu cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV; Thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và lĩnh vực công nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động trên địa bàn huyện; Phát triển du lịch cộng đồng gắn với du lịch lịch sử - văn hóa.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới; chủ động ứng phó với dịch bệnh, thiên tai; tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tạo môi trường thuận lợi

để thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh của Huyện; khuyến khích, thực hiện liên kết theo chuỗi sản phẩm đối với các làng nghề chè, xây dựng thương hiệu riêng cho sản phẩm trà Định Hóa; củng cố, phát triển các hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ hợp tác, hợp tác xã tham gia thực hiện các mô hình, dự án gắn với Đề án "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP).

Đặc biệt, đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa truyền thống các dân tộc huyện Định Hóa giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thu hút nguồn lực phát triển hạ tầng Khu du lịch lịch sử sinh thái Chùa Hang - Di tích lịch sử nhà tù Chợ Chu - Hồ Bảo Linh, hạ tầng du lịch ATK Phú Đình... Tích cực giới thiệu, quảng bá hình ảnh ATK Định Hóa anh hùng với đồng bào và nhân dân cả nước; phối hợp xây dựng và khai thác các tuyến du lịch về nguồn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm xanh trên địa bàn huyện./.



Người dân làng Saemaul Phú Ninh, xã Phú Đình, huyện Định Hóa thu hái chè. Ảnh: Tư liệu

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 8/2023 (651) Ra hàng tháng. Năm thứ 62

Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023
3. Tổng cục Thống kê tổ chức Hội thảo Đề xuất phương pháp đo lường Kinh tế số ở Việt Nam
4. Tổng cục Thống kê họp lần thứ nhất Ban chỉ đạo các chương trình, dự án có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài năm 2023

KINH TẾ - XÃ HỘI

5. Tình hình kinh tế - xã hội 7 tháng năm 2023
8. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng Bảy năm 2023
9. Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam: Lộ trình đến thành công

TS. Hà Thị Dáng Hương

12. Thương hiệu quốc gia Việt Nam - Từng bước nâng tầm trên bảng xếp hạng thế giới

Thu Hòa

15. Thuế tối thiểu toàn cầu: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam

ThS. Khương Mỹ Linh - ThS. Đào Bùi Kiên Trung

17. Phát huy nội lực kinh tế để bứt tốc tăng trưởng 6 tháng cuối năm

Bích Ngọc

21. Để thương mại điện tử xuyên biên giới phát triển mạnh mẽ

Gia Linh

24. Bài toán giáo dục hướng đến xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện

ThS. Nguyễn Phương Anh

28. Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 Một số mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

ThS. Nguyễn Văn Hoàn

32. Tin địa phương

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

34. Đầu tư cho vùng trồng dược liệu quý góp phần phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Thu Hiền

36. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới

Minh Thư

SÁCH HAY THỐNG KÊ

39. Ấn phẩm: Các báo cáo Phân tích và Dự báo thống kê năm 2022

QUỐC TẾ

41. Kinh tế thế giới vật lộn với những "cơn gió ngược"

Quang Vinh

THÁI NGUYÊN - KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN, TỰ TIN HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

43. Thái Nguyên: Đẩy mạnh tái cơ cấu, đổi mới ngành Nông nghiệp để phát triển bứt phá

Phạm Văn Sĩ

45. Ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên: Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo động lực để phát triển

46. Công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Quyết tâm "Không để ai bị bỏ lại phía sau"

48. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Thái Nguyên: Quyết tâm hoàn thành đúng tiến độ các công trình đầu tư xây dựng

Minh Hằng

49. Huyện Võ Nhai: Phát huy thế mạnh phát triển kinh tế địa phương

T.N

50. Huyện Định Hoá: Những đổi thay trên quê hương ATK anh hùng

Nguyễn Minh Tú

TRUNG TÂM VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT TỈNH THÁI NGUYÊN: GÓP PHẦN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG ĐA DẠNG, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC



Bế mạc Hội thi tuyển truyền lưu động
"Biển và Hải đảo Việt Nam"

Năm 2022 là năm bản lề thực hiện Nghị quyết tỉnh Thái Nguyên, đồng thời cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện chính trị lớn của đất nước và của tỉnh. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để Trung tâm VN-NT tỉnh Thái Nguyên triển khai, tổ chức nhiều hoạt động văn hoá, văn nghệ, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn. Trong năm, Trung tâm đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động văn hóa cơ sở, tuyên truyền lưu động như: Hội thi bánh dân gian tại thành phố Cần Thơ, Hội thi "Hội tụ Sông Hồng" tại Hà Nam. Đã thực hiện 83 buổi hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, trong đó có 26 buổi biểu diễn phục vụ chính trị, 57 buổi biểu diễn phục vụ vùng đặc biệt khó khăn và các đối tượng chính sách.

Ngoài ra, Trung tâm còn tiến hành tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho bộ phận diễn viên; dàn dựng, biểu diễn, tham gia các chương trình theo kế hoạch và nhiệm vụ được giao. Đặc biệt là các chương trình nghệ thuật nhân các sự kiện lớn như: Biểu diễn Chào mừng kỷ niệm 75 năm Bác Hồ và Trung ương Đảng về ATK lãnh đạo kháng chiến; Biểu diễn Chào mừng khai mạc mùa du lịch Thái Nguyên năm 2022; Tham gia biểu diễn bế mạc chương trình ngày hội văn hóa dân tộc Dao toàn quốc tổ chức tại Thái Nguyên; Chương trình Du lịch

Những năm qua, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đã không ngừng nỗ lực đưa hoạt động văn hóa nghệ thuật, biểu diễn lên tầm cao mới, phát huy hiệu quả trong phục vụ nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên nói chung, nhiệm vụ ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói riêng. Qua đó, từng bước xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, xây dựng văn hóa, con người một cách toàn diện, tạo động lực và nền tảng sớm xây dựng Thái Nguyên xứng tầm là Trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc.

qua những miền Di sản Việt Bắc lần thứ XIII Hà Giang - năm 2022; Tham gia Liên hoan Sân khấu chèo toàn quốc năm 2022. Những nỗ lực của các cán bộ, viên chức và người lao động của Trung tâm đã đem lại thành quả với tổng cộng 1 bằng khen, 6 huy chương Vàng, 7 huy chương Bạc, 1 huy chương Đồng cho tập thể và cá nhân.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật Thái Nguyên tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lưu động tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; thực hiện 8 buổi biểu diễn tuyên truyền qua hình thức nghệ thuật. Là đơn vị được giao thực hiện xây dựng mô hình, mẫu hình làng bản văn hoá cơ sở, Trung tâm đã sớm triển khai Kế hoạch xây dựng mô hình, mẫu hình làng bản văn hóa cơ sở về hoạt động

văn hóa, văn nghệ và đã xây dựng thêm 4 điểm mô hình, mẫu hình. Song song với đó, Trung tâm tiếp tục tham gia các liên hoan tiếng hát, hội thi và đem về 3 giải Vàng, 6 giải Bạc cho các nội dung tham gia. Với hoạt động biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, Trung tâm tích cực tổ chức tập luyện và biểu diễn các chương trình nghệ thuật mừng Đảng, mừng xuân 2023; Tham gia Cuộc thi tài năng Diễn viên sân khấu chèo toàn quốc (01 Giải Nhì và 01 giải Diễn viên tài năng trẻ); Đồng thời tập luyện tham gia Cuộc thi độc tấu, hòa tấu nhạc cụ dân tộc toàn quốc - 2023 do Cục Nghệ thuật Biểu diễn tổ chức tháng 6/2023.

Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng do Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật - Thái Nguyên tổ chức đã đem lại kết quả thiết thực, tạo hiệu ứng xã hội tích cực giúp gắn kết cộng đồng, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Đồng thời, những nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động của Trung tâm đã góp phần to lớn trong công tác tăng cường quảng bá hiệu quả các sản phẩm, tiềm năng thể mạnh về du lịch cũng như hình ảnh về văn hóa, con người Thái Nguyên đến với nhân dân, du khách, bạn bè trong nước và quốc tế./.

Minh Hà



Biểu diễn văn nghệ Chào mừng mùa Du lịch Thái Nguyên năm 2023

GELEXIMCO



Trụ sở: 36 Hoàng Cầu - Đống Đa - Hà Nội

 geleximco.vn

 0243.514.1199

 info@geleximco.vn